

NGUYỆT-SAN

PHƯƠNG ĐÔNG

Đặc Biệt về

Y - L Ý

ĐÔNG PHƯƠNG

2

Số **18** tháng 12 năm 1972

Nguyễn San

Số 18 tháng 12 năm 1972—NHÂM-TÝ **PHƯƠNG ĐÔNG**

Chủ-nhiệm kiểm chủ bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phó chủ bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

nội dung :

đặc biệt về **Y-LÝ ĐÔNG PHƯƠNG II**

Phụ trách tổ chức : TRẦN VĂN TÍCH và LƯU-TRUNG-KHẢO

1. Tuyên ngôn Y-đạo SIÊU THIỀN — 433
2. Y-huấn cách ngôn HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG — 446
LÊ ĐỨC THIẾP dịch
3. Trị liệu phép của Lân Ông NGUYỄN VĂN THỌ — 449
4. Khoa học xưa và nay HOÀNG VĂN ĐỨC — 456
5. Góp ý về vấn đề sơ bộ Nghiên cứu
Đông dược TRẦN VĂN TÍCH — 468
6. Đông y, châm cứu và tương lai (tt) . . . JOHN Z. BOWERS — 484
NGUYỄN VĂN THỌ dịch
7. Chữa oâm và điếc bằng châm cứu LƯU KIỆT TAM — 492
TRẦN TIỀN HY dịch

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

MỤC LỤC TOÀN TẬP 3 (SỐ 13 ĐẾN 18)

VIỆT NAM • PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

BÁO QUÁN : 181, Yên-Đồ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2.094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BẢO

Mỗi số	90đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung : thêm 100đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 300đ cước phí đường thủy một năm.

AI tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm bảo.

CÁCH TRẢ TIỀN

- 1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

- 2) Đến ty bưu điện, gửi vào Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

- 3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N. :

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.000 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.000 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liền tiếp):			14.000 đ
Trang bìa mặt sau 1 màu			10.000 đ
6 kỳ liền tiếp sắp-lên			bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Độc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lê

Bản tuyên-ngôn y-đạo

SIÊU THIỀN

LTS. Đức Khổng Tử nói rằng : « Chư ư đạo, cử ư đức, yư nhân, du ư nghệ ». (Chỉ ở đạo, cử ở đức, y ở nhân mà ngao du ở nghệ thuật). Thời nay khoa học vật chất phát triển mà nghệ thuật trở thành tả đạo bằng môn. Vì vậy mới có bản Tuyên ngôn y đạo này. Thiền sư Siêu Thiền, người viết bản tuyên ngôn không bị đóng khung trong khuôn khổ học vấn của nhà trường cho nên những kiến thức biện giải trong bản tuyên ngôn đã vượt ra ngoài những quy định phạm trù thường thấy. Vài lời cần bạch, xin đọc giả tế nhận cho.

- Tất cả những mất mát, sợ hãi, lo âu đều quy về cái đó.
- Tất cả những vướng chãi, bình tĩnh nguyên vẹn, đều quy về cái không.
- Tất cả những miễn tiếc tham đắm đều quy về cách biệt.
- Tất cả những chán ghét, chống báng đều quy về bị làm theo.
- Thật anh hùng là không sợ hãi
- Thật hiền ngang là không nương dựa
- Thật tài tử là không mong cầu
- Anh hùng, hiền ngang, tài tử là ba điều kiện độc đáo đề đi vào một cuộc đời khám phá.

Tất cả loài người từ đây về sau phải thoát bằng lối nào? Đành rằng trợn bao la vốn nó không có có với không, làm gì có sau với có trước. Nhưng nhìn ngay thế giới này mà nói, thì trước hết phải có khoáng chất, thực vật và động vật, rồi mới có mặt đến loài người, thế là loài người có mặt sau chót.

Nếu nhìn bằng con mắt hội hè mà nói, thì loài người là nhóm đến trễ nhất.

Nếu nhìn bằng con mắt tông chi, thì loài người đối với vạn vật chi là cháu chắt.

Nếu nhìn bằng con mắt như nhìn trợn một thân cây, thì khoáng chất là cội rễ, thực vật là thân cây, động vật là cành lá, còn loài người thuộc về phần hoa quả.

Nếu nhìn bằng con mắt chất chứa sự nghiệp thì loài người là thứ có khả năng chứa chất nhiều nhất.

Nếu nhìn bằng con mắt nhà Phật, thì khi chưa có mặt loài người, là chưa có đủ sáu đường luân hồi.

Nếu nhìn bằng con mắt Thiên chúa, thì đức Chúa Trời chế ra con người sau chót.

Nếu nhìn bằng con mắt giàu mạnh, thì loài người đối với vạn loại không những rất giàu có về mặt kiến thức, mà còn giàu có cả về mặt vật chất, sức mạnh nữa.

Cho nên loài người đối với vạn loại thật là đáng bực đàn anh, bực chúa tề vậy. Bởi vậy, về phương diện lộn xộn rắc rối, thì loài người cũng là một thứ lộn xộn rắc rối hơn ai hết.

Chiếc xe Jeep, chiếc máy bay phản lực làm sao có trước chiếc C₄₂ và con đầm già cho được. Nhưng chiếc C₄₂, con đầm già đầu có rắc rối phức tạp như chiếc xe Jeep, chiếc máy bay phản lực!

Nếu căn cứ vào sự nghiệp vật chất như : phi thuyền không gian, bộ óc điện tử ; bom hạch tâm, máy bay phản lực, hỏa tiễn xuyên lục địa, thay trái tim, đổi trồng mắt v.v... thì loài người của chúng ta cũng có thể vén tay áo, đứng chống nạnh nhìn ra bao la một cách kiêu hùng xác xược đề mà tự đắc được lắm !! Nhưng khi quay đầu nhìn lại sự đồ vớ toàn diện với cái ngu muội dốt nát tất cả những gì thuộc về chính con người của mình, của thân tâm mình, cho đến hằng ngày ăn uống, sinh hoạt nam nữ, nhỏ nhặt cũng đều là xuân động của loài người hiện nay, thì ta sẽ thấy hiện ra cả một bầu trời tủi nhục.

— Một cậu thư sinh con nhà giàu có được cha mẹ nuông chiều, cho nên lúc nào cũng hui hui tự đắc. Một hôm đi ra đường gặp phải bọn cao bồi du đảng, nó đánh cho một trận như tử, rồi tủi nhục lắm lúi mang đầu về nhà... Sự tủi nhục của tất cả thể giới loài người ngày nay cũng giống như vậy. Càng kiêu hùng bao nhiêu lại càng dễ tiện hen nhất bấy nhiêu.

— Đành rằng đối với động vật muôn loài, loài người chúng ta đối với thiên nhiên vẫn cùng chịu chung một số phận : là sẵn một nguồn có cảm có biết, khi vừa nứt mắt ra là tức tốc chăm chú ra hết ngoại cảnh đề mà thâm nạp lấy bao nhiêu hình ảnh cảm giác, còn về phần chính mình, chính thân tâm của mình thì lại quên lửng đề tha hồ cho ngu muội dốt nát ngự trị hoành hành.

Với cái thể tương quan bất khả phân cũng bất khả hợp, cộng thêm trong vòm trời bao la này đứng đầu cũng hình như là ở chính giữa. Cái thể phản chiếu ấy nó làm cho trong một người hay một vật cũng đều đầy đủ tất cả một cái trọn vẹn.

Nếu chỉ nhìn thẳng vào cơ sở ngu muội và khả năng trọn vẹn, thì thấy hình như tạo hóa thật là bình đẳng, và con người cũng không đến nỗi đáng ân hận. Nhưng một mặt khác, lại cũng hình như tạo hóa chế ra muôn loài chỉ ban cho cái xác thân và có cảm biết, rồi xua hết ra đấy, đề tự do

tha hồ muốn biết sao thì biết, sống sao thì sống, chen sao mặc chen không cần biết tới nữa, miễn có sai lầm thì cứ việc vừa đánh vừa phạt. Trung Y nói « Trong vạn loại, không loài nào được thọ bầm trọn vẹn cái ngũ hành, chỉ có con người là tròn đủ mà thôi ». Kinh Thánh nói : « Chúa sanh ra muôn loài, chỉ có loài người là bức nhất ». Lại cũng Kinh Thánh nói : « Bởi tổ tiên loài người ăn vụng trái hiệu biết, rồi sanh ra biết quá, nên mới bị Chúa đày xuống cõi trần...v.v... » Như thế ta đủ thấy cái khả năng đến sau, mà chen ngời trước của loài người rồi vậy.

Xác thân của con người thuộc về phần kiến thức, phần bộ óc chỉ huy. Tạng phủ có trước, xác thân, bộ óc có sau, do đó mà đáng lý óc phải theo tim, kiến thức phải theo tâm linh, nhưng vì sức phát triển của bộ óc con người đến nỗi tim phải theo óc, loài người đã bỏ gốc mà dong ruổi theo ngọn, bỏ tâm linh mà sống bằng kiến thức.

— Vì quả đất đã đến hồi suy nhược, nên thế giới loài người cũng đã trải qua một dặm đường dài dang dẳng với khả năng sung túc, với tính chất cao ngạo, với nền tảng hiểu biết là « phóng ra ngoài », với mù tịt những gì thuộc về mình, thuộc về chính tâm tâm mình, bao nhiêu yếu tố ấy nó đưa loài người vào tiến hóa sử bằng một cái thế : càng lên cao càng đi xa thì kiến thức của bộ óc càng vừa to vừa rộng, tựa hồ như những khối đá cheo leo trên con đường Định Quán (hòn đá to chổng lên hòn đá nhỏ), sự nghiệp của loài người là như vậy. Thế thì người xưa nói « càng thông minh bao nhiêu, càng bị cái thông minh nó gạt gắm »; Cũng như nói « khôn ngoan là một tên gọi khác của ngu mê ». Và « loài người không khéo rồi sẽ hóa ra một thứ khi thông thái có nhiều khả năng lạ lùng, chớ không còn là con người đích thực nữa », « càng người bao nhiêu là càng thú bấy nhiêu ». Nói như thế há không phải là chí lý lắm sao !? Hèn gì mà người ta mới dễ dàng chấp nhận cái thuyết « tổ tiên của loài người là khỉ vượn » là phải. Cả thế giới loài người là vậy, một con người cũng vẫn là vậy. Cái số không phải vậy chỉ đủ đếm đốt tay.

— Một tòa nhà bởi kiến thiết một cách sai lầm nền móng gập ghềnh lệch lạc, nhưng nếu chỉ kiến thiết có một tầng thôi mà cũng đã chông chênh rạn nứt, với cái thế cũng y như vậy, mà ta lại chông thêm biết bao nhiêu tầng nữa lên trên. Ta hãy thử tưởng tượng sức tàn hại của hai cái thế kiến thiết ấy khi có đổ vỡ ra sao, và trong cái thế muốn tái tạo thu xếp khó dễ thế nào, thì sức tàn hại của cái thế đổ vỡ của loài người ngày nay, với sự tái tạo khó khăn cũng y như vậy. Tòa nhà càng cao, công trình tái tạo càng gầy cấn.

Một việc tầm thường đáng lẽ ai ai cũng có thể hiểu, là việc chế tạo đồ gỗ. Trước khi muốn đánh vernis, ít ra phải làm sao cho bề mặt nó thật bằng, thật láng rồi mới đánh. Nếu không như thế thì càng đánh sơn nhiều lớp là càng làm cho rõ thêm sự lồi lõm. Đó là một điều khó. Nếu chúng ta muốn sơn tây mà vật đó thuộc về đồ cũ đã từng sơn rồi thì ít ra chúng ta

phải làm sao cạo cho hết lớp sơn cũ, đánh bóng lại rồi mới sơn sơn mới lên. Nếu không như thế mà cứ sơn chồng lên mãi càng nhiều lớp bao nhiêu, đến một lúc nó sẽ lồi lên cái thể rạn nứt khắp mặt đó đây. Đến chừng đó, nếu muốn cạo cho thật sạch, đánh bóng cho thật kỹ để sơn lớp sơn mới, thì thật là cả một việc làm gian lao ghê gớm. Đó là hai điều khó.

Có người nói : mỗi người chúng ta đã tự chế ra một cái tháp bằng ngọc ngà, có nhiều vòm cửa lộng kiếng lồi lõm khác nhau, màu sắc khác nhau, hình thức khác nhau, rồi chui vào đó khóa chặt lại. Ở trong ấy nhìn ra, trông thấy sự vật bên ngoài thật là rõ ràng hứng thú. Nhưng đến khi đập vỡ cái tháp mà chui ra ngoài, thì thấy sự vật đích thực không phải là như thế. Nói như thế thật là chí lý !

— Người ta nói loài khỉ nó lanh chớ không phải nó khôn. Tại sao biết ? Tại vì giả bộ đốt điều thuốc trở đầu lửa ngậm mà hút cho nó thấy, rồi đưa điều thuốc cho nó, nó bốc làm ngay đến phồng miệng. Cũng như giả bộ dùng dao khía cò mà vẫn không đứt, rồi thầy dao ra, nó cũng bắt chước làm y như vậy đến đứt cò họng. Cái khôn ngoan của loài người ngày nay cũng tương tự như thế. Hèn gì người Âu Tây nói : “Tỏ tiền loài người là loài khỉ vượn”, cũng phải lắm !

Cùng một nguồn mê, cùng một khả năng lanh lợi, cùng một tự tôn mặc cảm là chúa tể muôn loài. Cho nên khắp cả loài người, tất cả các ngành đều cũng đua chen với nhau để mà tiến bộ, để mà cấu tạo thành những sự nghiệp không lồ. Chỗ này nếu ta thử nhắm mắt mà tưởng tượng thì ta sẽ thấy xã hội loài người tương tự như một thành phố vĩ đại kiến thiết bằng những ngôi nhà vĩ đại, mà ở dưới càng nhỏ, càng lên cao càng to, và cao đến chọc trời.

— Nếu nhìn phớt bên ngoài ta thấy một hiện tượng lạ kỳ là : thế giới loài người ngày nay không thiếu chi cả. Nói giàu cũng nói giàu hơn ai hết, nói mạnh cũng nói mạnh hơn ai hết, nói tin tưởng cũng nói tin tưởng hơn ai hết, nói đoàn kết cũng nói đoàn kết hơn ai hết, nói hòa bình cũng nói hòa bình hơn ai hết, nói sống lâu cũng nói sống lâu hơn ai hết, nói lợi ích cũng nói lợi ích hơn ai hết. Thế mà càng ngày càng khổ sở, càng nghèo nàn, càng chết chóc, càng tàn hại, càng ngu mê, càng mâu thuẫn, càng phân hóa không lối thoát cũng hơn ai hết. Như thế là nghĩa làm sao ?

Loài người càng khôn lanh, lịch sử loài người càng lâu xa thì quả đất này càng cảm thấy bần chật. Những chuyện phải xảy ra cả trăm năm có thể thu về trong chót lát. Sự xa cách muôn trùng, núi non hiểm trở, biển cả ngăn rào cũng có thể lập tức dờn về ở ngay ngưỡng cửa. Một địa phương nhỏ xíu cũng đủ cả chuyện thế giới năm châu.

Đồng một nguồn mê hướng ngoại, đồng một kiêu quý quyết khôn lanh, đồng một sự nghiệp vật chất, khoa học càng

đến triển bao nhiêu, thì loài người càng lâm vào một rừng u minh mâu thuẫn, xung chướng, phân hóa, không biết đâu là lối thoát bấy nhiêu. Đó là một cái huyết dốt nát to tát của khoa học vật chất ngày nay vậy.

Vậy là cái thể vật chất càng xích lại gần bao nhiêu, thì cái hồ cách bức trên tinh thần càng sâu càng rộng bấy nhiêu. Quả thật là vật chất càng nằm chầu hợp chợ, thì tinh thần càng muôn trùng ú trệ khó dung thông.

Vốn sẵn đồng một nền tảng dốt nát về mình, về chính thân tâm của mình ai cũng như ai, vốn sẵn một động cơ hướng ngoại người nào cũng như người nấy, cộng thêm một kho thời gian tâm lý theo giòng lịch sử, với một bụng tài liệu khổng lồ. Đủ điều kiện ích kỷ, đề tha hồ nương theo bản tính lạnh lợi đua chen với nhau mà phát triển.

Với sức phát triển vật chất bành chướng một cách dị thường, thế giới trở nên quá ư bé nhỏ mà động lực mâu thuẫn trở nên phổ biến một cách khốc liệt, tàn hại khủng khiếp khắp đó đây, thế là sự đổ vỡ toàn diện hiển nhiên trước mắt. Nhà Phật gọi là « nghiệp chung », là vậy. Thế là hiện tượng đất bằng sóng dậy đã hiển nhiên. y như là khắp mặt đất bằng đều nổi sóng, và tất cả những tòa nhà chọc trời kiến thiết theo kiểu trên lớn dưới nhỏ đang chuyển mình đong đưa gục gặc va chạm lẫn nhau, đề rồi trợn vụn sẽ trở thành một đồng gạch vụn, thật là vô cùng khủng khiếp.

Một cái bàn bốn chân, trên mặt bàn bài trí la liệt không biết bao nhiêu là đồ vật bằng thủy tinh, bằng sành, bằng sứ v.v..., có người bỗng mang gạch đến chêm một chân, cứ chêm mãi một chân cho cao lên, thế là số mệnh của các đồ vật trên ấy ra sao, ta cũng có thể nhắm mắt mà biết được. Cái thể phát triển chênh lệch đề đi đến đổ vỡ toàn diện của thế giới loài người ngày nay nó cũng tương tự như vậy. Thế là vực thăm tối đen của loài người đã hiển diện sát bên chân, và việc tận thế không còn là việc mơ hồ nữa.

Đành rằng theo giòng lịch sử, thỉnh thoảng rải rác đó đây tùy theo địa phương, theo phong tục, theo tập quán, theo hoàn cảnh mà những bậc tiền bối tùy cơ duyên xuất hiện đề cho chúng ta tránh khỏi cơ sự xảy ra của ngày hôm nay. Nhưng tất cả đều bị động cơ hướng ngoại với sức bành trướng dị thường của vật chất ngày nay nó phá hại tan tành, không còn là những liều thuốc linh thiêng nữa, mà trái lại loài người đã tự biến những thứ ấy trở thành những liều thuốc độc đề tự tử, những dụng cụ đề đánh nhau và những chiếc khăn đề bịt mắt lẫn nhau mà thôi vậy. Thậm chí trước đây năm bảy ngàn năm có những bậc tiền bối cũng đã thấu suốt cơ sự đến ngày nay, nên muốn ngừa bệnh hơn là chữa bệnh mà chế ra một thứ văn hóa siêu văn hóa, đề cho loài người cùng nhau vui hưởng phúc lành. Nhưng khốn phải một nỗi là đám con cháu lần lần đều nhiễm phải bệnh mất mù tai điếc, tâm loạn trí cuồng mà đá hất qua một bên, và cho vào sọt rác. Thế là số mệnh của toàn diện loài người ngày nay sẽ ra sao, không còn được mấy ai quan tâm đến nữa.

Xin đừng ai bảo rằng : không sao ; đề rồi chúng tôi có cách thủ tiêu hết những kẻ xấu ác và sắp xếp trở lại đầu ra đây. Nói như vậy là bọn trộm cướp sát nhân đội lốt thánh hiền rồi đó ! Cũng đừng ai nói : không sao đâu, đề rồi bọn mình xúm xít mỗi người một tay một chân mà sắp sửa lại. Nói như vậy trẻ con lắm, chả có biết gì.

Cũng đừng ai nói : chúng tôi có sức lên cung trăng, có bộ óc điện tử, có đủ máy móc tinh vi, tiền bạc không thiếu gì, lát nữa chúng tôi sẽ có máy móc chỉ huy, sẽ sửa chữa lại không mấy hồi. Nói như thế là đi bằng cái đầu thấy bằng cái chân, đi tiêu bằng miệng và ăn bằng hậu môn vậy.

Có ai ngờ đâu khi chưa biết gì hết về chính con người của mình, thì dù không tin gì cả hay tin theo khoa học, tin theo bộ óc điện tử cũng vẫn là một thứ mê tín.

Cũng đừng ai nói rằng chúng tôi sẽ có cách hô hào kêu gọi để thống nhất ba luồng văn minh kỹ thuật, chính ủy và tôn giáo lại để kiến thiết thì loài người được yên vui ngay. Nói nhưng thế chỉ là một thứ trộm lục lạc mà lấy gòn nhét bít lỗ tai mình mà thôi vậy.

TÒA BÁO CẮT BỎ 2 TRANG

Ta hãy thử nghĩ lòng dạ của thánh hiền ra đời ra sao, và người đời nương nhờ theo học thuyết của thánh hiền để thoát khổ được bao nhiêu, và số người lợi dụng học thuyết của thánh hiền để mà mưu đồ tư lợi bao nhiêu, thì ta đủ rõ.

Cũng xin đừng ai bảo rằng : thế giới ngày nay còn biết bao chủ nghĩa, biết bao chánh sách chưa thực hành hết. Xin thưa rằng : vẫn là một thứ ngu dân.

Cũng xin đừng ai bảo rằng: đề rồi những hội nghị hòa bình sẽ làm việc ráo riết đến khi thế giới hòa bình rồi, thì áp dụng khoa học kiến thiết lại mấy hồi. Nói như thế cũng là một thứ ròng rọc cần đuôi trở lại. Vậy chớ không thấy bao nhiêu hội nghị hòa bình, hội nghị quốc liên, hội nghị Ba lê họ làm việc ráo riết đó sao!

Cũng xin đừng ai bảo rằng: Kìa Krishnamurti ra đời biết đâu không phải là hiện thân của Jé-sus hay Di Lặc! Ngài đang dạo bước giáo hóa khắp đó đây. Xin thưa rằng: cũng chẳng có ăn thua gì. Vì sao thế? Vì chính Krishnamurti chế ra cái búa đập khuôn phá trừ quy định mà còn có biết bao kẻ lợi dụng cái búa ấy, để đóng lại những cái khuôn còn sít hơn mà úp lên đầu mình.

Cũng xin đừng ai bảo rằng: còn có bao nhiêu tổ chức đạo học, triết học quốc tế như: hội Thông thiên học thế giới, hội Phật giáo thế giới vv..., họ không phân chủng tộc, không phân tôn giáo, tín ngưỡng, không phân giai cấp, chỉ thuần một màu làm việc ráo riết cho đạo lý, cho hòa bình mà thôi. Nói như thế cũng chỉ là hạng người nông nổi thật thà. Thử hỏi có mấy người biết được cái động cơ xuất hiện ra tổ chức Thông thiên học từ đâu, cũng như màu cờ Phật giáo. Một chuyện sát trước mặt trên đất nước Việt nam đây là làng cô nhi chiến tranh, mà biết bao nhiêu hạng trí thức cũng không thấy được nó là cái gì, cho đến chính phủ có thấy biết hay không cũng không biết. Vậy mà bàn chi những chuyện bao đồng.

Cũng xin đừng ai bảo rằng: như thế rồi Ngài nghĩ sao về khoa học? Xin thưa rằng: thật tình tôi chưa thấy đích thật là khoa học Những cái mà người ta gọi là máy móc vật chất tối tân ấy, theo tôi nó là những xác chết không có đầu để chỉ huy, bỗng dưng nó bị quỷ nhập đứng lên đánh quyền với loài người rồi đó, y hệt như câu chuyện của Tả Từ với Tào Tháo trong Tam quốc chí.

Cũng xin đừng ai bảo rằng: hơi đâu mà nghĩ đến những chuyện bao đồng. mỗi người đều có thể có cách an phận riêng. Chúng tôi sẽ an phận mà chỉ hưởng lấy phần yên vui. Ôi! Nói như thế là một thứ rùa rúc xác vào mai, đến khi lú đầu ra nhìn, thì đã nằm trong chảo nước sôi đi mất!

Trong một thế giới mà vật chất tiến triển một cách kỳ quặc, vấn đề đồng bạc thành quỹ nó biến hóa một cách khôn lường, làm cho bao giờ vấn đề kinh tế và chính trị còn siết chặt vào sự sinh hoạt của cá nhân thì đừng hòng mong an phận.

Cò người hỏi: nói như thế rồi ngài bảo chúng tôi phải làm sao đây? Nữa! Lại thêm một kiểu muốn tìm đường ở đợ. Tại sao lại muốn người ta bảo mình phải làm gì? Vực thăm đã hiện sát bên chân, chuyện tận thế không còn là chuyện nghi hoặc. Sự thể chính là do đích thân của mỗi con người cấu tạo lấy, đến non nước này mà lòng dạ vẫn còn ngóng đây ngóng kia, loài người chưa chịu thức tỉnh. Vậy tự hỏi có Phật Trời nào, nhân vật nào để

dàng mà dút đầu vào đây hứng lấy, để cho chúng ta ý lại mà đồ trút tội lỗi vào đó ?!

Cũng xin đừng ai bảo rằng : sức hiểu biết của loài người như thế này, rồi đây há lại không có cách giải quyết ?! Xin thưa rằng : đã trật ngay tận dưới nền, thì dù có sửa sang chổng chất cũng là thứ đồ sụp đổ chết người tăng thêm gấp bội mà thôi.

Cũng xin đừng ai nói rằng : có lẽ ơn trên trời đất sắp đặt như thế, rồi mình làm sao khác hơn được ! Xin thưa rằng : nếu thật tình có ơn trên sắp đặt theo kiểu đó, thì ơn trên ấy thật là một thứ tội trên. Bởi vì quá ư tàn nhẫn mà lại còn mang theo hai điều sở đoản nữa. Điều sở đoản thứ nhất là chế ra loài người chỉ ban cho cái cảm giác hiểu biết, rồi xua hết ra đó mà buông trôi. Hai là lại ban thêm cho loài người kể chuyện ngoài thì sáng, còn chuyện mình thì quáng, đúng là một thứ tội trên vậy.

Cũng xin đừng ai bảo rằng : số phận của con người là như thế, biết sao bây giờ. Nếu nói như thế thì đau đáng lẽ đừng khóc, khổ đáng lẽ đừng rên, cứ việc làm tới.

Có người bảo : thế là loài người cùng đường rồi sao ? Xin thưa rằng : đúng thế ! đúng thế ! Tất cả loài người ngày nay là chỉ chuyên lo bỏ nặng, để chống đỡ những cái nhà lầu vĩ đại sắp bị sụp đổ. Cho nên hết thầy đều trở nên tả đạo bàng môn, chớ chả có biết gì.

Ta há chẳng từng nghe trong truyện Phong thần có chép : có hai nhân vật, một là Thiên lý Nhân, dẫu xa đến đâu cũng có thể thấy tới, hai là Thuận phong Nhi dẫu xa đến đâu cũng có thể nghe tới, đối phương làm gì, nói gì cũng đều bị hắn ta nghe hết, thấy hết. Thế mà đối phương có người đáng kể : mỗi khi có mặt đàm hội nghị hay làm chi chi, thì cứ việc cho một số đông quân lính ra đứng giáp vòng mặt thành xen kẽ với nhau kẻ cầm cờ năm sắc, người giữ phèng la chiêng trống, rồi cứ tiếp tục phất cờ giống trống, vỗ phèng la túa xua inh ỏi. Thế là Thiên lý Nhân, Thuận phong Nhi chả còn biết nghe thấy gì cả.

Tất cả loài người của chúng ta ngày nay, há không phải là con cháu của Thiên lý Nhân và Thuận phong Nhi đó sao ? Ông già tóc bạc nói vì màu sắc nhiều quá làm mù cả mắt, vì âm thanh nhiều quá làm điếc cả tai há là chẳng đúng lắm sao ! Ngay bây giờ, nếu loài người còn chệnh mảng thì lát nữa xin đừng có ăn năn phí công vô ích.

Có người bảo : theo như ngài nói thế, tức là loài người chúng ta không nên học hỏi gì hết sao ? Trời đất ơi ! Chỉ có kẻ điên khùng mới bảo rằng đừng nên học hỏi, hiểu biết. Ở đây, tôi muốn nói, chúng ta học hỏi cách nào mà càng học, càng hiểu biết lại càng trở nên ngu thêm ? Như thế nghĩa là sao, đáng cười hay đáng khóc ?

Có người hỏi : cơ sự đã lỡ xảy ra như thế này rồi, theo ý ngài, vậy loài người chúng ta hiện giờ phải làm sao ? Xin thưa rằng : cái đã qua

là qua rồi, mũi tên đã thoát khỏi cung làm sao lấy lại được, đã trót mua nhầm đất nhĩ tỳ, thì chỉ có cách là phải thợ lãnh lấy cái quả nhĩ tỳ thế thôi. Kê nào chỉ chuyên nghĩ đề đổi quả, mà ơ hờ ở nhân thì kê đó chẳng qua là một thứ con nít lớn. Có người bảo : hãy bằng lòng lãnh lấy cái quả, nhưng hãy thận trọng cái nhân ngay từ bây giờ, thật đúng như vậy.

Cũng có người nói : kiếp sống có được là bao ! Xác thân này nó muốn gì cứ tha hồ cho nó hưởng, ai chết mặc ai, chuyện bao đồng hơi đâu mà nghĩ cho bận, nhắm mắt rồi thì thôi có gì nữa đâu. Kê nào nói như thế là kê đó rên siết sớm hơn ai hết, và kê đó sẽ không bao giờ chịu nỗi sự khổ sở khi phải sống một mình. Là kê tội nhân của những người khác, là kê đáng bị bỏ rơi trước nhất.

Tiền bối có người nói : con người là cả một bầu bao la thu hẹp lại, quả có thật vậy. Như thế mới hay tiền bối xưa họ muốn biết tất cả, họ chỉ có việc phanh phui tháo banh cái con người của chính mình ra trước nhất, là một việc làm đáng đứng bực khôn ngoan.

Cái tội nghiệp rất đáng trách và to tát nhất con người, là khi cùng đường mất bình tĩnh rồi thì cứ điên quỳnh lên, và cứ hỏi bây giờ phải làm sao ? Rõ thật là một thứ bệnh dư chứ không phải bệnh thiếu.

Một ông bác sĩ với một người đang bắn khoản thao thức muốn biết được thật rõ con người của chính mình, cả hai cuối cùng cũng đều biết rõ về một con người chỉ là một thể tổ hợp. Thế mà ông bác sĩ lại không vượt ra khỏi trần lụy của sắc dục tại làm sao ?

Tất cả những cái cần biết như : biết trời, biết đất, biết vũ trụ, biết vạn vật, biết kẻ khác chưa phải là quan trọng, chỉ có biết rõ chính mình trước nhất mới là quan trọng hơn. Nói lật lại, nếu ohura biết được mình, dẫu cho có biết trời, biết đất, biết vũ trụ, biết vạn vật, biết kẻ khác cũng chẳng qua là một! kiểu đuôi tối mà thôi.

Tất cả những hành tung của loài người là để đưa loài người vào một cuộc sống thanh quang hay là để mà tự sát ?

Mỗi một sinh vật là một cái đài vô tuyến viễn thông, vừa truyền đi cũng vừa thu vào tất cả những gì thuộc về sắc tướng, âm thanh, mùi vị, dáng, tâm tư vv... dù muốn, dù không, nó cũng thế thôi. Dù có cái ngu muội ích kỷ xen vào hay không cũng chẳng ăn thua gì, chỉ tổ gây thêm sự vẩn tráo trực trặc và đồ vỡ ;

Mỗi một con người là một guồng máy điều khiển bằng điện tự động bắt dòng chung với nguồn điện của thiên nhiên. Bộ thần kinh là cơ cấu trực tiếp với điện, mà là sản phẩm do năng lực cảm biết chế tạo ra. Do đâu mà biết, kìa chẳng thấy sao ? Con voi nhờ có cái vòi và cái chân khôn ngoan để khi có ruồi nhặng bầu vào mình, chân nó cày đất nát, vòi nó hốt đất ném tung cho ruồi nhặng hoảng sợ bay đi. Bởi vậy thần kinh da của con voi mỗi khi bị

ruồi nhặng bầu vào, đầu có tự động co giật từng vùng như con trâu cho được. Thế là bộ thần kinh của con voi so với bộ thần kinh của con trâu khác xa.

Cách thể vô cùng rắc rối trong bộ thần kinh của con người so với loài vật nó cũng tương tự như vậy.

Một cái máy nhân tạo dù có khéo léo đến đâu cũng không thể chạy ngược chiều, mà không lập tức hư hao cho được. Chỉ có hệ thống điện trong con người có thể chạy ngược chiều trái qua một thời gian mới bị hủy hoại. Bởi vậy làm cho con người trở nên xem thường cái máy của mình mà quý trọng cái máy bằng sắt.

Ai có ngờ đâu ! tất cả sự đổ vỡ của xã hội loài người cũng chỉ vì mở dòng điện nghịch chiều với thiên nhiên mà ra.

Kìa ta hãy xem : ngày có sáng, trưa, chiều, tối, khuya rồi sáng trở lại năm có tháng giêng, tháng hai, tháng ba, vv... rồi đến tháng chạp. đề rồi sang tháng giêng, khí hậu có ấm, nóng, nóng, mát, lạnh đề rồi lạnh lại chuyển sang qua ấm, còn mùa thì có xuân rồi hạ, rồi thu, rồi đông, và đông đề dạng hồi xuân, thế khí thì có đông rồi nở, rồi vượt lên, rồi bung ra, rồi chùn lại, rồi thu vào, rồi chìm xuống, và rồi chìm xuống dạng rồi động, mà bốc lên nữa. Con người sống ở giữa trời đất, lẽ đâu con người không bị sức ảnh hưởng đó ; đề cấu tạo thành một cơ thể nhịp nhàng ứng hợp với thiên nhiên ? ! Thế mà vì cái dốt nát ngu muội về phần mình, và hướng ngoại của loài người đề tạo thành cái thể dòng điện nghịch chiều, mà hình như tất cả loài người không ai quan tâm đến.

Một mặt khác nếu ta dùng con mắt tài tử mà nhìn, ta sẽ thấy con người tựa hồ như một cây đàn huyền bí có rất nhiều dây... Nếu ai biết dùng thì có thể gảy lên những âm ba làm chấn động khắp cả bầu trời.

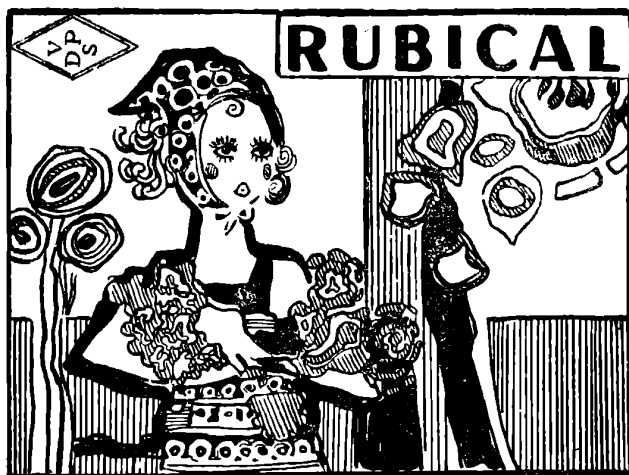
Đoàn cá vồ bị nhốt trong cái ao nuôi cho ăn bằng cách đi cầu, càng ngày càng lớn, sự bần chật càng ngày càng hiện, nước trong ấy càng ngày càng tù hãm, thỉnh thoảng có những con mang bệnh chết dần dà. Đến khi to lớn bần chật quá, chủ nhà thương hại đợi lúc nước tã lên, tháo cống mở thả cho đi. Thế mà nó không chịu đi, chừng như ra ngoài kia sẽ vô phước thiếu những thức ăn nóng sốt ấy, đề rồi ở lý vào đó, đến nỗi bị hãm hại. Tất cả muôn loài cái cách thể ghiền cảm giác và sợ mất cái qui định khiếp sợ sự phóng khoáng đều y như nhau. Loài người cũng vậy, cũng là một thứ ghiền cảm giác chả có khác gì.

(còn tiếp)

SUMMARY

Declaration on the Health way

The author presents a new vision on the way of life. The more the science of to-day progresses, the more man leaves Nature. For man to escape death and pain, he must go back to understanding his body and his Interiority. The three important things to know : first is to know the Unity, second is to know that man is pitiful because he doesn't know this Unity, third is to correct all that and to restore equilibrium in man.



RUBICAL ampoules buvables

(Calcium + Vit. B12 + Sorbitol)

- TRẠNG THÁI THIẾU CHẤT VÔI, TRẠNG THÁI LAO
- THỜI KỲ THAI NGHÉN, ĐANG CHO CON BÚ
- YẾU XƯƠNG, GÂY ỒM, CHẬM LỚN
- CƠ-THỂ SUY YẾU
- TRƯỜNG HỢP XUẤT HUYẾT THƯỜNG

Số 111/QCĐP/13-11-71

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

75, Nguyễn-bình-Khiêm, Saigon I

Đ. T. 23.805

Y-Huân cách ngôn

HẢI THUẬN LÂN ỨNG

Cách ngôn về y huấn của đức Y tổ có 10 câu. Ngài thuật theo ý của cò nhân mà chép ở quyển đầu bộ *Hải thuận y tôn tám lĩnh* đề dạy về tư cách, đức tính và bổn phận của người thầy thuốc Đông y đối với bệnh nhân và nghề nghiệp.

1. Học y đạo

Học y đạo phải thông nho lý,
Đã thông nho, dễ hành nghề.
Trước giờ bao sách minh y,
Luôn luôn lần giở, cả khi thư nhàn.
Bao lý nghĩa, kỳ nan thấu triết,
Bao căn nguyên, bí quyết thần thông,
Nhìn qua như đã thuộc lòng,
Ra tay chữa trị mới không sai lầm.

2. Tiếp bệnh nhân

Người thầy thuốc khi thăm chẩn trị
Cứ nhìn ngay bệnh thế khẩn cầu
Nặng xem trước, nhẹ xem sau,
Không phân giai cấp, nghèo giàu, hèn sang.
Đừng thấy của, thấy đang quyền thế,
Mà xem ngay, hốt vị thuốc cao,
Người nghèo, thuốc xấu, xem sau,
Bất công, kỳ thị, Trời nào trừng cho.

3. Xem mạch phụ nữ

Vào phòng bệnh ni có, phụ nữ
Phải có người cùng ở bên trong,
Mới xem mạch bệnh thông dong,
Hầu cảm hòng kẻ có lòng đa nghi.
Khi xem mạch cả nhi, kỹ giới,
Coi họ như con cái nhà lành,

Lòng nghiêm nghị, giữ thanh danh,
Không hề cợt nhả, phúc dành cho ta.

4. Không được ham chơi

Thầy thuốc phải ở nhà cứu độ,
Đừng để lòng vào sự đi chơi,
Buông thuyền thơ rượu ngoài khơi
Lên non ngắm cảnh những nơi hữu tình.

Nhà khi ấy thỉnh linh có khách,
Từ phương xa bao bệnh thỉnh cầu.

Vắng thầy lòng dạ lo âu.

Loanh quanh ngộ trị, thăm sâu nghĩ sao ?

5. Trị bệnh nguy cấp

Khi gặp phải bệnh nào nguy cấp
Ta hết lòng cứu giúp là hay
Nhưng nên với họ, giải bày,
Xong rồi thuốc mới cho ngay uống vào.
Nếu khỏi được, họ bao cảm tạ,
Nhược bằng không, cũng chẳng kêu ca,
Họ không quy oán về ta,
Mà lòng ta cũng chẳng dè dặt vương.

6. Gặp bạn

Khi gặp bạn đồng phương, đồng đạo,
Phải khiêm hòa, đừng ngạo, đừng khinh,
Vị nào lớn tuổi hơn mình,

*Thì nên kính trọng cảm tình mới hay.
 Người có học, đạo Thầy, tôn quý,
 Kể làm cao, mặc ý, nhịn nhường,
 Giúp người sức học đỡ đường,
 Một lòng đức hậu, mọi đường phúc an.*

7. Thăm bệnh kẻ cô quả bần cùng

*Xem mạch kẻ nghèo nàn cõi cút,
 Nên đề lòng, cứu giúp cách riêng,
 Giàu đâu họ có phải phiền,
 Bởi nghèo không có bạc tiền thuốc thang.
 Ta bớt chút tình thương cho họ,
 Mà thật thà giúp đỡ hẳn hoi,
 Kể chi thời khắc một hai,
 Cứu cho họ sống, thanh thoi lòng vàng.*

8. Thăm bệnh người đạo đức bần cùng

*Người hiền phụ với chàng hiếu hạnh,
 Nhà rất nghèo mà bệnh triền miên,
 Ngoài việc giúp đỡ thuốc men,
 Còn nên liệu sức bạc tiền giúp cho.
 Bệnh đã hết lại lo ăn uống,*

*Không chết mà lại sống bình an,
 Lo cho đạo hạnh ấy toàn,
 Ốm nghèo du dưỡng, lo toan bằng thừa.*

9. Dược phẩm

*Những vị thuốc cần mua của lối,
 Dù Bắc, Nam mốc một chẳng dùng,
 Phép bảo chế, học Lối công¹
 Theo y phương pháp mới hòng có hay,
 Thuốc hoàn tán hàng ngày dự bị,
 Lại thu tàng viển vị thích nghi,
 Phòng khi kẻ bệnh cấp kỳ,
 Có ngay mà cứu, kéo thì bó tay.*

10. Bệnh nhân tạ ân

*Khi trị bệnh đã hay bệnh hết,
 Đừng mưu cầu quà lễ tạ ân.
 Ta chưa nhận lễ còn ân,
 Nhận rồi, ta lại có phần nể nang.
 Vả mấy kẻ giàu sang cũng tục
 Vẻ vang chi lợi lộc là bao ?
 Ta người nhân thuật thanh cao,
 Cùng nên giữ tiết thanh cao với đời.
 Ghi lòng, để dạ ai ơi !*

Xét rằng (lời Đức Y tổ) 10 câu cách ngôn về y huấn của các bậc tiên triết đã nói lên « lòng từ bi, đức bác ái » rất căn kẽ và đầy đủ. Vậy y đạo là đạo nhân thuật, chuyên lo việc giữ gìn mạng sống cho con người, lo việc người ta lo, vui việc người ta vui, chỉ giữ lấy hai chữ « hoạt nhân » là phận sự của mình, không cầu lợi, không kể công. Nếu người ta không đền ơn thì trời đền ơn, nếu dương không trả ân thì âm cũng trả ân.

Cổ nhân rằng « tam thể vi y, hậu thể tất hữu khanh tướng », trong một nhà có đến ba đời làm thầy thuốc, thì con cháu đời sau ắt có kẻ làm đến khanh tướng. Câu nói đó không phải là nói lên sự ông cha có lòng tôn nhân tích đức để dành lại cho con cháu, cũng như cái cây có vun bón thì nay mới đâm chồi nảy lộc, khai hoa kết quả hay sao !

Ta (Y tổ) thường nghe mấy ông thầy thuốc đời xưa và thấy mấy ông thầy thuốc bây giờ, mỗi khi xem bệnh thường hay dọa nạt làm cha mẹ người ta kinh sợ, có khi bắt chẹt kẻ có bệnh nguy cấp mà đến vào lúc giữa đêm tầm tã, bệnh dễ thì bảo là khó, bệnh khó thì bảo là chết gian ngoan quỷ quyết chả còn tí lương tâm nào. Đối với kẻ giàu thì nóng lòng đề cầu lợi; đối với kẻ nghèo thì tẻ lạnh khinh miệt cái sống của người ta. Than ôi ! Đem nhân thuật của y đạo làm cái thuật biến thủ, đem nhân tâm của y đạo làm cái đạo chợ phố. Kể ấy, người đời chê trách, người âm oán hờn nói sao cho hết.

Ta (Y tồ) nay chỉ khi đã dứt bỏ đường công danh, tâm tình đã buông theo mây nước. Cổ nhân dạy « không làm lương tướng thì làm lương y ». Bởi vậy, ta đem hết những việc nên làm vào con đường cứu tế cho sâu rộng mà thể vờ lương tâm, ngõ hầu, ngẩng lên không thẹn với trời, cúi xuống không hổ với người.

Lúc xem một bệnh nhân mà bệnh thể thật tình không còn cách nào trị được nữa thì đó là thiên mệnh khỏi phải nói. Nhưng, nếu có bệnh nhân nào bệnh thể còn có thể xoay xở đề trị, lại thúc thủ ngồi chờ xem bệnh tình biến chuyển, rồi thờ ơ ngẩn thán dài mà bảo đã hết lòng hết sức không thể cứu được, làm thầy như kẻ ấy thật là vô nại 2.

Việt Nhân 3 rằng : « Sáu loại người không trị được bệnh cho họ thì kẻ khinh thân trọng tài (coi của trọng hơn thân mình) là loại thứ hai ; và kẻ y thực bất năng thích (không đủ cơm ăn áo mặc) là kẻ thứ ba.

Gặp trường hợp của hai kẻ ấy, nếu họ coi của trọng hơn người thì ta coi người trọng hơn của mà trị bệnh cho họ. Nếu họ không đủ cơm ăn áo mặc thì ta liệu cách, liệu sức xoay đủ mà trị bệnh cho họ.

Tóm lại « hằng sản hằng tâm » người thầy thuốc nào cũng phải có, nhưng cũng ít có kẻ kiêm được cả hai. Vậy nếu có bằng tâm mà không có hằng sản thì cũng tam được. Những kẻ nào « lực bất tòng tâm » thì nhân thuật của kẻ ấy còn thiếu thốn quá nhiều.

Định-Ninh Lê đức Thiếp dịch

(1) *Lột-Công*, họ Lô tên Giáo là bày tôi của vua Huỳnh Đế. Hay nghề thuốc. Tác phẩm của ông có *Chỉ giáo luận* và *Được tính bảo chế* (2 quyển)

(2) *Vô nại* : không trông cậy nhờ vả gì và là tôi bại không sao nói hết được.

(3) *Việt Nhân*, họ Tần, tên Việt Nhân, người nước Trịnh, đời Tần, làm nhà trên đất Lư nên lấy hiệu là Lư y, lại có hiệu là Biền Thước. Ông được tiên là Trương tang Quán truyền cho nghề, biết thuật pháp của Du Phụ, phát minh ý nghĩa sách *Linh Khu Tổ Vấn* của Huỳnh Đế và Kỳ Bá đặt làm hai vấn đáp, làm ra 81 Nạn kinh để giải thích những nghĩa khó. Ông không cần phải vọng, vắn, vắn, thiết mà biết được căn bệnh. Ông chỉ nghe bệnh thuộc dương mà biết bệnh thuộc âm ; nghe bệnh thuộc âm mà biết bệnh thuộc dương. Những người ở xa ngàn dặm đến xin thuốc ông rất nhiều. Thái tử nước Hoắc đã chết như thầy ma, ông trị lại cho sống. Hoàn Hầu nước Tề dương khỏe mà ông biết sẽ năm liệt 5 ngày sau. Tiếng đồn vang khắp thiên hạ. Ông qua đất Hàm dan nghe phụ nữ nhiều người bị bệnh uất thì ông làm thuốc đại hạ, ông qua đất Thục dương, nghe người nhà Chu quý trọng ông già thì chế thuốc già, thuốc diếc. Ông vào đất Hàm dương, nghe người nhà Tần yêu quý trẻ em thì ông làm thuốc trị bệnh tiểu nhi.

Ông thường nói : « Có 6 hạng người không trị bệnh cho họ được tức là 6 kẻ bất trị :

Kiều tử bất luận ưu lý : buồn tuồng kiêu ngạo, không cần lý sự là một bất trị.

Khinh thân trọng tài : coi của trọng hơn mình là hai bất trị

Y thực bất năng thích : không đủ cơm ăn áo mặc là ba bất trị

Âm dương tọng khí bất túc : ngũ tạng không đủ khí âm dương là bốn bất trị

Hình ngũ bất năng phục được : người gầy ốm không chịu uống thuốc là 5 bất trị

Tin ưu bất tín y : tin cứng kiêu tà mà không tin thuốc là 6 bất trị.

Đời sau nhờ ông mà biết mạch lý, nên tôn ông làm Y Tổ.

Trị - liệu - pháp của Lãn Ông sánh với trị - liệu - pháp của ít nhiều danh - y Trung - Hoa

NGUYỄN VĂN THỌ

NÓI đến trị liệu pháp (thérapeutique, principes thérapeutiques), tức là đề cập đến một vấn đề hết sức bao quát của y học. vì thế, trong khuôn khổ một bài báo, chúng ta không thể nào đi vào được hết các chi tiết. Chúng ta chỉ có thể phác họa ít nhiều nét đại cương, ít nhiều đường lối chính yếu của các danh y, ngõ hầu soi sáng cho chúng ta một phần nào, trên con đường khảo sát Đông y. Chính vì thế mà trước hết, xin qui vị lượng thứ cho sự sơ lược của bài này.

A) - TRỊ LIỆU PHÁP CỦA ÍT NHIỀU DANH Y TRUNG HOA.

1) Trước hết, tưởng cũng nên nhắc lại rằng Đông y đã được xây nền, đắp tảng trên bộ *Nội kinh*.

Nội kinh gồm hai quyển :

— *Tổ vấn* gồm 81 chương.

— *Linh khu*, gồm 81 chương, nói về châm cứu.

Tuy sách như là thuật lại lời đàm thoại giữa Hoàng đế (2696-2598 tr. C.N.) và Kỳ Bá, nhưng có lẽ sách chỉ được viết ra khoảng 1000 năm trước C.N. Có người lại cho rằng bộ *Nội kinh* được viết khoảng thế kỷ 4 trước C.N. ¹

Bộ *Nội kinh* cho chúng ta các khái niệm về cơ thể học, bệnh lý học, và trị liệu pháp (thérapeutique).

Về phương diện bệnh lý học

(pathogénie), chẳng hạn, Nội kinh đã chia nguyên nhân sinh ra bệnh thành hai loại :

a) Ngoại cảm, do « lục dâm » : phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa.

b) Nội thương, do sự thương tổn của khí huyết, tạng phủ, âm dương gây nên bởi :

— Thương thực

— Lao lực

— Sắc dục

— Thất tình (Hỷ, Nộ, Ưu, Tư, Bi, Kinh, Khủng) 2.

1. Cf. Pierre Huard et Wong, *Bio-Bibliographie de la Médecine Chinoise* (BS. E.I., N.S Tome XXXI, No 3, 3e trim. 1956).

B) CHÚ : Trong chương này, xin miễn bàn về những vấn đề thông thường như : Hư thực ; hàn nhiệt ; biểu lý ; thủy hỏa v.v... cũng như sẽ không bàn về các phương pháp trị liệu khái quát như : Bô (toniques); Hãn (diaphorétiques); Hạ (laxatifs, purgatifs), hòa giải (régulateurs); Thanh (dépuratifs, rafraichissants) Ôn (réchauffants); Thấm diuretiques); Thở (vomitifs), Tiêu (dissolvants), Cố sáp (astringents), Trấn (Tranquillizants) ..

2. Bách bệnh lập danh tuy phiên, nhiên bất viết Âm Dương, Ngũ hành sinh khắc, lục dâm thất tình, ngũ hỏa, dữ âm thực, lao quệ tương hiệp truyền biến nhi dĩ. Kinh sở vị : trị kỳ yếu giả nhất ngôn nhi chung; bất trị kỳ yếu, lưu tán vô cùng giả thứ nhi.

Phùng thị cầm nang, quyển 2, Chương Thất tình luận tr. 34a.

... Như vậy Thất tình đây không phải : Ai, cụ, hỷ, nộ, ái, ố, dục như ta thường hiểu.

(Xem *Phùng thị cầm nang*, Chương Thất tình luận kể trên, tr. 33b.

(Xem P. Huard et M. Durand, *Lãn Ông et la Médecine sino-vietnamienne*, p. 47).

Tuy nhiên *Nội kinh* không đưa ra một phương thuốc nào nhất định, và chỉ chuyên chú về châm, cứu.

2) Đời nhà Chu, ta còn thấy hai triết thuyết về bệnh lý :

— Triết thuyết thứ I cho rằng : bệnh tật sinh ra là do nhị khí Âm Dương trong người không điều hòa.

— Triết thuyết thứ II cho rằng : bệnh tật sinh ra do ngũ hành trong người không được quân bình.

Tuy nhiên, trước đời nhà Hán (thế kỷ 2 trước Thiên Chúa,) thì phương pháp trị liệu đều nằm gọn trong các khoa :

- Châm (Acupuncture)
- Cứu (Moxa)
- Ấn ma (kinésithérapie, massage)

3) Mãi đến đời Hán, Trương Trọng Cảnh (đỗ tiến sĩ năm 163 đời Hán Linh đế) mới mở một tân kỷ nguyên cho nền y học Trung Hoa.

Ông khảo sát các bệnh theo bệnh trạng (manifestations cliniques) tìm căn do bệnh tật, định phương pháp trị liệu bằng thuốc men.

Ông viết hai quyển sách về y học. Đó là :

- *Thương hàn luận*
- *Kim quỹ*.

Trương Trọng Cảnh chủ trương rằng tà khí xâm nhập vào cơ thể con người, do sáu Kinh, từ ngoài vào trong (từ biểu vào lý) theo thứ tự sau đây :

— Thái dương kinh (Thủ Thái dương, Tiều tràng kinh; Túc thái dương, Bàng quang kinh).

— Dương minh kinh (Thủ Dương minh, Đại tràng kinh; Túc Dương minh Vị kinh)

— Thiếu dương kinh (Thủ Thiếu dương, Tam tiêu kinh; Túc Thiếu dương Đởm kinh)

— Thái âm kinh (Thủ Thái Âm, Phế kinh; Túc Thái âm, Tỳ kinh)

— Thiếu Âm kinh (Thủ Thiếu âm Tâm kinh, Túc Thiếu Âm, Thận kinh)

Quyết Âm kinh (Thủ Quyết âm, Tâm bào lạc kinh; Túc Quyết âm, Can kinh).

Tổng quát mà nói : Bệnh ở kinh Dương, thuộc Dương, Biểu (Ngoài), Nhiệt và Thực, cho nên có thể dùng những thuốc :

— *Công*, như phát hãn (làm cho ra mồ hôi) bằng bài Ma hoàng thang¹ hoặc Quế chi thang² (Bệnh ở Thái Dương kinh).

— *Hạ* (cho đi tiêu) bằng bài Thừa khí thang³ (Bệnh ở Dương minh kinh)

— Hoặc *Hòa hoãn* bằng bài Tiều

1. *Ma hoàng thang* : trị *Thương hàn*, Thái dương chứng, tà còn ở ngoài, phát nóng, nhức đầu, mình mẩy, thất lưng và khớp xương đau; cổ cứng, sợ gió, sợ lạnh, không mồ hôi, khô khốc, mạch phù khẩn.

Ma hoàng 3 lượng
Quế chi 2 lượng
Hạnh nhân 20 hạt
Chích cam thảo một lượng.
(Các bài thuốc với những lời bình rút trong *Phạm văn Bội, Đông Y Dược học khóa tốt nghiệp*)

2. *Quế chi thang* : Trị Thái dương, trúng phong, dương phủ âm nhược, phát nóng, rức đầu, ghét gió, ghét lạnh, nháy mắt, ọc khan...

Quế chi, Thược dược, Sinh khương, mỗi thứ 3 lượng, Chích cam thảo mỗi thứ 2 lượng, Đại táo 12 trái.

Uống nóng sau đó ăn cháo nóng, ra mồ hôi thì thôi; chưa, thì cho uống thêm.

3. *Thừa khí thang* : (Thuốc xổ)

Trị bệnh *Thương hàn*, Dương minh chứng, bao tử đầy, táo bón, phát nóng, nói sảng, mồ hôi râm rập, no đầy, bứt rứt.

Có hai bài : *Đại thừa khí* và *Tiêu thừa khí*.
Đại thừa khí : Đại hoàng tám lượng 5 chỉ ; Mang tiêu 4 chỉ, Hậu phác 3 chỉ, Chi thiết 3 chỉ. Nấu Hậu phác, Chi thiết trước, sau cho Đại hoàng ; khi sôi xuống trộn Mang tiêu.

Tiêu thừa khí : Chỉ có Đại hoàng, Chi thiết, Hậu phác.

Sài hồ thang ¹ (Bệnh ở Thiếu Dương kinh)

Bệnh ở các kinh Âm thuộc Âm, Lý (trong). Hàn và Hư, vì thế phải dùng thuốc Ôn bổ như :

— Từ nghịch thang (tăng sức nóng) (bệnh ở Thiếu Âm kinh) ².

— Lý trung thang (Bệnh ở Thái âm kinh) ³.

— Đương qui tứ nghịch thang (Bệnh ở Quyết âm kinh) ⁴.

Trọng Cảnh được coi là một vị thánh y Trung quốc. Ông đã để lại 113 phương (ordonnances magistrales) và 397 y án (schémas de traitement).

Trần Tu Viên (c. 1803), trong thiên «Cổ kim y luận» cho rằng Trọng Cảnh đã biết mọi phương pháp chữa bệnh :

- Công (médication agressive)
- Bổ (Médication tonique)
- Ôn (Médication réchauffante)
- Lương (Médication rafraîchissante)

Lại biết :

- Tiên công, hậu bổ
- Tiên bổ, hậu công,
- Hàn nhiệt kiêm thi
- Công bổ tịnh dụng v.v...

Mọi lương y sau này chỉ khai thác được một khía cạnh nào của Trọng Cảnh mà thôi.

4) — Sau Trọng Cảnh, bằng đi một thời gian khá lâu, không ai đưa ra được một chủ xướng gì mới mẻ. Phải đợi đến đời nhà Kim, Nguyên (1206—1368) mới lại thấy có những danh y xuất hiện, đưa ra những chủ xướng mới mẻ. Đời Kim Nguyên, có, 4 danh y, mà đời sau gọi là «Kim

Nguyên tứ đại gia. (Le grand quator des Yuan) ⁵, hay «Trương, Lưu, Lý, Chu, tứ tử». Đó là :

— Lưu Hoàn Tố, tức Lưu Thủ Chân (giữa khoảng : 1115—1260)

— Trương Tông Chính, tức Trương Tử Hòa (1155—1260)

— Lý Cảo, tức Lý Đông Viên (1179—1251)

— Chu Chấn Hanh, tức Chu Đơn Khê (1281—1358) ⁶

1. **Tiền Sài hồ thang** : Có tính cách hòa hoãn trị rét mới phát, hoặc thương hàn phạm ki h Thiếu dương : Sài hồ 8 chỉ, Bán hạ, Nhân sâm, Cam thảo, Hoàng cầm, mỗi vị 3 chỉ thêm gừng táo.

2. **Tứ Nghịch thang** : Trị thương hàn, thuộc tam âm, mình đau, bụng đau, đại tiện ra nguyên đồ ăn, ghét lạnh, không nóng, tay chân lạnh ngắt, hoặc không ghét lạnh, mà mặt đỏ bất rất, trong lạnh, ngoài nóng, hoặc ói khan, hoặc cổ đau, mạch trầm. vì tố, sắp tuyệt. Phụ tử sống một củ, Can khương 1 lượng, Chích cam thảo 2 lượng, nấu cho uống.

3. **Lý trung thang** : Trị Thương hàn chứng Thái âm, tiêu chảy, không khát ; lạnh quá, đau bụng, mạch trầm, không sức, chân tay lạnh móp ; co quắp, tức ngực, ngẹn, ói ra lải v.v. Bạch truật (sao với đất vách cũ) hai lượng, Nhân sâm, Can khương (sao vàng), Chích thảo mỗi vị một lượng, tán nhuyễn cho uống liên tiếp 4 chỉ.

4. **Đương qui tứ nghịch thang** : Trị Thương hàn Quyết âm, chân tay lạnh móp, mạch nhỏ, sắp tuyệt. — Đương qui, quế chi, Bạch thược, tể tán, mỗi vị 3 lượng, Chích Cam thảo, Thông thảo mỗi vị hai lượng Đại táo 25 trái. Nấu cho uống nhiều hoặc chia nhiều thang.

Bị chú : Dĩ nhiên, đây chúng ta chỉ trình bày sơ lược một vài phương thang của Trọng Cảnh. Thực ra ông có hàng hơn 100 thang. Đọc thêm : Trần Tu Viên, *Thương hàn, phương thang ca quát*.

Đỗ đình Tuấn, *Đông Y lược khảo*, quyển 2 Chương Lục kinh chính bệnh, tr. 183-274. Phạm văn Điều, *Đông Y dược học khoa toàn yếu*, các tr. 252, 254, 262, 279.

5. P. Huard, *Blo-Bibliographie de la Médecine chinoise*, p. 186, No 50.

6. lb. pp. 199-200

a) — Lưu Hoàn Tố, tự Thủ Chân (giữa khoảng từ 1115 đến 1260).

Lưu Thủ Chân chủ trương rằng : các bệnh trong người đều sinh ra vì Nhiệt thịnh. Vì thế, Ông chủ trương dùng các vị thuốc hàn lương.

Ngoài ra Ông cũng hay dùng các loại thuốc :

- Thở (Vomitifs)
- Hạ (Laxatifs ou purgatifs)
- Hãn (Diaphorétiques)

Lưu Thủ Chân còn chủ trương rằng âm dương, ngũ hành, ngũ vận là căn do sinh ra bệnh tật.

Sau này, Trương Giới Tân (1563-1640) đã đã kích Lưu Thủ Chân và cho rằng các môn thuốc hàn lương của ông chỉ có ích cho những người Trung Hoa ở phương Bắc, khỏe mạnh, chứ không thích hợp cho những người Trung Hoa ở phương Nam, yếu hơn 1.

b) Trương Tông Chính tự Tử Hòa (1155-1260).

Trương Tử Hòa chủ trương rằng các bệnh sinh ra là do tà khí bên ngoài đột nhập vào cơ thể, nên cần phải khử trừ bằng các thuốc công, hạ (médications diaphorétiques, émétisantes, purgatives, laxatives). Ông đặc biệt ưa dùng thuốc Hạ (purgatifs).

c) Lý Cảo, tự Minh Chi, hiệu Đông Viên (1179-1251)

Lý Đông Viên cho rằng các bệnh sinh ra là do sự mất quân bình giữa Tì (—) và Vị (+) ; vì thế, Ông chuyên môn bổ tì. Chính ông đã sáng chế ra bài Bổ trung ích khí thang.

d) Chu Đơn Khê (1281-1358), bút hiệu là Chấn Hanh, tự là Ngạn Tu.

Chu Đơn Khê chủ trương rằng bệnh tật sinh ra là do ăn uống thiếu chất bổ dưỡng. Ông lại cho rằng trong người Âm thường bất túc, Dương thường hữu dư, vì thế Ông chuyên

bổ Âm.

5) Đến đời Minh (1368-1644), ta lại thấy y học chia ra thành nhiều phái :

a) *Công hạ phái*. Phái này chủ trương như Trương Tử Hòa xưa rằng nên dùng các loại thuốc Công, Hạ.

b) *Dưỡng âm phái*. Phái này lại theo chủ thuyết của Chu Đơn Khê, và dùng các thuốc bổ Âm.

b) *Ôn bổ phái*. Phái này do các lý thuyết gia sau đây lãnh đạo :

— Tiết Dĩ, tự Lập Trai (Khoảng 1500-1560)

— Trương Giới Tân, tự Huệ Khanh hiệu Cảnh Nhạc (1563-1640)

Ôn bổ phái chủ trương : Dương khí trong người chính là sinh khí, khó được và dễ mất, vì thế nên phải dùng thuốc ôn bổ để dưỡng Dương khí, chứ không được dùng những thuốc hàn lương.

Tóm lại ta thấy các danh y Trung Hoa,

a) — người thì lưu tâm đến tà khí và chỉ chuyên dùng thuốc Công, hạ để khử trừ.

b) — người thì lưu tâm đến cơ thể con người, và cho rằng các bệnh sinh ra là do Âm Dương nhị khí không điều hòa, hoặc tì, vị mất quân bình cho nên :

— Hoặc chủ trương bổ Âm (Bổ thận thủy, bổ huyết)

— Hoặc chủ trương bổ Dương (Bổ thận hỏa, bổ khí)

— Hoặc chủ trương bổ tì.

Vì thế đã có nhiều người tóm tắt trị liệu pháp Trung Hoa bằng bốn chữ « Công, Lương, Ôn, Bổ. »

B) — TRI LIỆU PHÁP CỦA LÃN ÔNG

Những nguyên tắc trị liệu của Lãn

1. Pierre Huard et Wong, *Bio-bibliographie de la Médecine chinoise* p. 191.

Ông hết sức sáng suốt và vững vàng.

Trong quyển *Y hắt cầu nguyên*, nơi chương Hư Thực, Ông viết đại khái như sau :

«Các bệnh nội thương càng ngày càng tăng, vì phong hóa suy đồi, tiết khí trở nên ô trọc hơn. Con người bị ảnh hưởng ngoại cảnh, càng ngày càng trở nên yếu đuối.

«Vì thế, thời cổ người ta dùng những bài thuốc công phạt như Ma hoàng, Thừa khí.

«Thời Trung cổ, người ta đòi phương lược và dùng những thuốc vừa bổ vừa tả, như Sâm tó thang, Nhân sâm bát độc tán.

«Sau này, Lý Đông Viên lại sáng chế ra các bài :

— Bổ trung ích khí,

— Nhân sâm dưỡng vinh thang, chỉ gồm toàn vị bổ.

«Các cách trị liệu ấy, theo đà thời gian, đều có kết quả, chứng tỏ rằng cơ thể con người ngày một suy yếu hơn.

«Cho nên, ngày nay, những thuốc „công hạ“ ít được dùng ; trái lại, các thuốc „ôn bổ“ ngày một được dùng nhiều hơn.»¹

Tuy nhiên, các bệnh do ngoại thương, ngoại cảm, các bệnh thực chứng không phải là không có.

Như vậy, phải có những tiêu chuẩn chính xác để phân biệt thực chứng do ngoại cảm, với hư chứng do nội thương, để mà tùy nghi «Tả» (trong trường hợp thực chứng), «Bổ» (trong trường hợp hư chứng).

Lần Ông cho ba tiêu chuẩn sau đây.

1) — Xem tạng người bệnh nhân mạnh yếu ra sao.

2) — Xem mạch mạnh yếu ra sao.

3) — Xem bệnh diễn biến ra sao.

1. Xem tạng bệnh nhân mạnh yếu ra sao :

Lần Ông viết trong *Châu ngọc cách ngôn* như sau :

«Quan hình dĩ bẩm nhược bẩm cường, xác kỳ vi hư vi thực nhi trị» Xem hình sắc để nhận biết người yếu hay người mạnh, để xác định là hư chứng hay thực chứng mà trị.

Ông bình tiếp :

«Những người bẩm thụ phong hậu, tuổi trẻ, sức mạnh, khi huyết đầy đủ, xương thịt cân xứng, nếu lỡ có đau yếu, thì nên lấy, thực chứng mà trị».

«Những người bẩm thụ sơ bạc, tuổi già, sức yếu, người mắc bệnh nặng, người đau yếu lâu ngày hay đàn bà sản hậu và người tuổi đã nhiều mà còn dễ, nếu bị cảm thương, trước sau nhất thiết cứ theo hư chứng mà trị.

«Sách Nội kinh rằng : «Việc trị liệu, trước nên xét về nguyên khí làm chủ đã, rồi sau mới tìm đến bệnh tật, ý nghĩa ấy thật sâu xa.»²

2. Xem mạch mạnh yếu ra sao.

Lần Ông viết trong *Châu Ngọc cách ngôn* :

«Sát mạch dĩ hữu lực vô lực, minh ư khả bổ khả tả chi cơ». Xét mạch để nhận biết hữu lực, vô lực, quyết định là nên «bổ», hay nên «tả» cho rõ.

1. Xem *Y hắt cầu nguyên*, Chương Hư thực tr. 36

2. Xem *Châu ngọc cách ngôn*, quyền thượng tr. 6b và 7a

Trích : bản dịch *Châu ngọc cách ngôn* của cụ Định Ninh Lê đức Thiệp (bản đánh máy). tr. 24

Ông bình tiếp : « Trong sách *Mạch yếu quyết* của Dự Gia Ngôn rằng không cần phải hỏi là mạch phù hay trầm, mạch đại hay tiểu ở bộ nào, chỉ cứ trọng ấn đến tận xương mà còn thấy hữu lực, hữu thần, là « thực » ; nếu vô lực, vô thần, là « hư ».

• Ta mới xem qua câu sách ấy tưởng nói như vậy thì sơ lược, thển cần quá ; nhưng từng thí nghiệm trong mỗi khi xét mạch, mà có sự nghi ngờ là hư hay thực, rồi chiêm nghiệm như lời dạy trên, thì thực chả sai một mảy may. Lời dạy của bực Tiên triết thực là đúng » ¹.

Ta có thể dịch 2 câu :

« Quan hình dĩ bàm nhược bàm cường, xác kỷ vi hư vi thực chi trị,

Xất mạch dĩ hữu lực, vô lực, minh ư khả bồ khả tả chi cơ » thành mấy câu lục bát như sau :

« Xem người mạnh yếu ra sao,
Bệnh hư, bệnh thực nhẽ nào chẳng phân

Mạch tùy mạnh yếu chuyển vần,
Tức thời « tả » « bồ » sẽ lần ra ngay »

3. Xem bệnh diễn biến ra sao?

a) Những thực bệnh do ngoại cảm, thường bạo phát, nhưng bạo biến,

b) Những « hư chứng », do nội thương, thường phát hiện một cách chậm chạp, nhưng lại dai dẳng, khó hết.

c) Những bệnh mới mắc hoặc do ngoại cảm, hoặc do nội thương.

d) Những bệnh kinh niên chắc chắn do nội thương 2.

Khi đã định được là Hư chứng rồi, thì Lãn Ông lại nhận định thêm như sau :

— Bệnh nhẹ, bệnh mới mắc là do :

— Khí hư, chữa bằng bài Tứ quân 3

— Hoặc huyết hư, chữa bằng bài Tứ vật 4.

— Bệnh mắc đã lâu ngày, hoặc là kỷ bệnh, quái bệnh, là do :

— Hỏa hư, sẽ được chữa bằng Bát vị 5.

— Thủy hư, sẽ được chữa bằng Lục vị 6.

Lãn Ông viết trong quyển *Châu ngọc cách ngôn* :

« Phàm những bệnh đã thuộc hư chứng (khi huyết đều suy yếu), mà những chứng bệnh lặt vặt ở ngoài nó nhiều như ong vỡ tổ (ví dụ : nào là ho, đau đầu, chóng mặt, nào đau lưng, mỏi gối, nào đau bụng đau răng, ổi đủ thứ). Nhưng nhất thiết không tìm tòi quanh quẩn chi ly, mà thấy đâu trị đó, chẳng hạn thấy đau đầu thì trị đau đầu ; thấy đau chân thì trị đau chân v.v... Chỉ cần tìm căn bản mà trị, hễ cái cây mà vun đắp được thì ngành lá tốt tươi ; hễ cái bệnh gốc mà trị được, thì các bệnh ngọn tự nhiên hết.

Sách *Nội kinh* rằng : Trị kỷ nhất, tắc bách bệnh tiêu ; trị kỷ dư, tắc đầu tư loạn » — trị mỗi bệnh gốc, thì trăm bệnh khác tiêu ; nếu trị những bệnh dư thừa, thì đầu mối rối beng. Cho nên, những hư chứng vừa vừa, thì trách cứ vào khí huyết hữu hình ở hậu thiên mà trị ; những chứng đã hư nhiều, thì tìm vào thủy hỏa vô hình ở Tiên thiên mà trị.

1. Xem *Châu ngọc cách ngôn*, quyển 1, tr. 6a và 7b.

Xem *Châu ngọc cách ngôn*, bản dịch của cụ Định Ninh, Lê đức Thiếp bản đánh máy, tr. 24.

2. Xem *Y hát câu nguyên*, Chương Âm Dương tr. 8, và Chương Tri tắc, tr. 22.

3. *Tứ quân thang* : Nhân sâm, Bạch truật mỗi thứ 2 chỉ, Bạch linh 3 chỉ, cam thảo 2 chỉ.

4. *Tứ vật thang* : Thực địa 2c, Đường qui, Bạch thực mỗi thứ 1c, Xuyên khung 1c.

5. *Bát vị* : Quế, Phụ, Đơn bì, Hoàng sơn, Sơn Thù, Phục linh, Trạch tả, thực địa.

6. *Lục vị* : Bài Bát vị bỏ Quế, Phụ.

Sách Nội kinh rằng : «Tiểu bệnh tất do khí huyết chi sở thương, đại bệnh tất cầu thủy hỏa chi vi hại» — những bệnh nhỏ hẳn bởi khí huyết làm đau, những bệnh lớn hẳn bởi Thủy, Hỏa làm hại. Như vậy trị bệnh nhỏ, mà bỏ khí huyết không trị ; trị bệnh lớn, mà bỏ thủy hỏa không trị, lại đi tìm những bệnh lật vật mà trị, thật là kẻ leo lên cây mà kiếm cá, làm sao có cá được ?»¹

Ngoài ra, ta cũng thấy rằng Lãn Ông chủ trương cần phải lưu tâm đến sự suy yếu dần dà của cơ thể con người theo đà thời gian; đến những điều kiện khí tiết, những điều kiện địa dư, hoàn cảnh xã hội, những sự khác biệt về sự phản ứng của mỗi người và vì thế không được nhắm mắt dùng những phương thuốc đã có hiệu nghiệm ở một thời khác, ở một nơi khác, cũng như không được dùng một phương thuốc cho bệnh nhân mọi loại, bất phân khỏe, yếu, mà cần phải biết biến chế gia giảm.²

Lãn Ông ưa dùng hai phương thuốc Bát vị và Lục vị và đã dùng 2 phương ấy để chữa nhiều bệnh khác nhau,

Sở dĩ được vậy, là vì Lãn Ông đã biết biến chế, gia giảm, làm cho 2 phương thuốc ấy trở nên biến hóa, linh động vô cùng.

Nói thế tức là Lãn Ông đã không dùng các phương thuốc một cách trần trụi cố định, mà biết tùy nghi biến chế để cho thuốc xứng với bệnh, thuốc xứng với người. Phùng-thị gọi thế là « Hoạt pháp »³.

oOo

Sánh trị liệu pháp của Lãn Ông với trị liệu pháp của các danh y Trung Hoa, ta thấy Lãn Ông đã lãnh hội được chỗ vi diệu của y lý Trung Hoa, nên

đã có những chủ xướng hết sức độc đáo, những sáng kiến riêng tư, chứ không chịu lệ thuộc vào những khuôn khổ cố định của tiền nhân. Như vậy mới gọi được là biết làm thuốc.

Cuối cùng, xin mạn phép kết thúc bài này bằng một câu Nội kinh : «Tri kỷ yếu giả, nhất ngôn nhi chung ; bất tri kỷ yếu giả, lưu tán vô cùng ». Tạm dịch :

*Biết thời một chữ là xong,
Không rành yếu chỉ, lung tung, tán loạn 4.*

1. Xem *Châu ngọc cách ngôn hạ*, tr. 22a, 22b

— Xem *Châu ngọc cách ngôn*, bản dịch của Định Ninh Lê đức Thiếp, tr. 57.

2. Chính vì thế mà Lãn Ông không dùng bài Ma hoàng thang và Quế chi thang của Trọng Cảnh. (Xem Huard et M. Durand, *Lãn Ông et la médecine sino-vietnamienne*, p. 255)

1. Nội hà cận y xá chỉ lĩnh chỉ biến chỉ huyền lý, nhi chấp bất linh bất biến chỉ thành phương... Thị dĩ Tổ vấn vô phương, Nạn kinh diệp vô phương; phi vô phương dã; vi phỏng, vi Hoạt pháp dã. Hán thể tài hữu phương, vi bị ư phỏng dã..

Phùng thị cầm nang, q. 1 tr. 43b.

2. *Phùng thị cầm nang quyền 2*, Chương Thất tình luận, tr. 34a.

Bị chú.

Chương này hầu hết được trích ra từ chương *Parallèle entre Lãn Ông et les auteurs chinois* từ tr. 103 đến 109 Luận án Y khoa bác sĩ của tác giả, nhan đề là *Les Secrets des Reins révélés*, đệ trình tại Y khoa Đại học đường Hanoi, năm 1952. Luận án này đã được giáo sư Huard nhiều lần đề cập tới, cũng như đã toát lược và phê bình. Xin đọc : Pierre Hurd et M. Durant, *La Médecine sino vietnamienne*, tr. 224 và tr. 240. (B.S.E.I., N.S. Tome XXVIII, No, 3, 3 trim. 1953)

P. Huard, *Bibliographie. Etudes historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine*, p. 180-181.

(B.S.E.I. N.N. Tome XXX, No 2, 2 trim. 1955)

KHOA-HỌC XƯA VÀ NAY

HOÀNG VĂN-ĐỨC

I.

KHÔNG phải đợi cho đến ngày Trung Cộng mở cửa lục địa mới phái đoàn khoa học gia Hoa Kỳ sang chứng kiến những cuộc giải phẫu tim, bàng quang không cần đến thuốc tê, (chỉ cần đến những kim châm vào các huyết mạch trên các đường kinh lạc của thân thể), Á Đông mới chứng minh cho thế giới biết rằng mình có Khoa học, một nền khoa học mà nền tảng rất khác lạ với khoa học Tây phương cận đại.

Trong số báo Time ra ngày 28 tháng giêng năm 1957, đã có đăng tải cuộc thí nghiệm làm nổ hạt nguyên tử (fissure de l'atome) của hai nhà bác học Mỹ gốc Trung Hoa là hai ông *Lý Chính Đạo* (Tsung-Tao Lee), bác học vật lý thuộc trường Đại học Columbia, và *Dương Chấn Ninh* (Chen-Ning Yang) thuộc trường Đại học Princeton.

Trong cuộc thí nghiệm khoa học đó hai ông Lý và Dương đã chứng nghiệm rằng khi hạt nguyên tử nổ thì có phóng xạ và có bắn ra những ly tử âm và ly tử dương, nhưng những ly tử này không đi xa đều nhau theo như thuyết Song Tiến (Loi de Parité) cổ hữu của khoa học Tây Phương. Theo các nhà vật lý học Âu Mỹ thời bấy giờ, cách đây có mười lăm năm, chủ trương thuyết Song Tiến, thì khi bị phóng xạ ly tử âm một bên, ly tử dương một bên, bắt buộc phải được bắn ra xa một khoảng dài đồng đều

bằng nhau theo một đường vạch thẳng x...y, (The Law of Parity says that there should be no difference between 1 and 2, that can be detected by measurements along the direction x...y)

Nhưng trong cuộc thí nghiệm khoa học nguyên tử thực nghiệm trên, những ly tử dương được bắn xa theo tỷ lệ $3/2$ so với ly tử âm, nghĩa là cái tia của ly tử dương dài ba phần thì cái tia của ly tử âm, tương đối, chỉ dài có hai phần thôi. Và khi đếm một nguyên tử khác chặn đầu những tia âm và dương cói trên, thì tia dương tóe ra ba tia nhỏ, còn tia âm chỉ tóe ra có hai tia mà thôi, vẫn theo tỷ lệ $3/2$.

Sau cuộc thí nghiệm thực nghiệm trên, lâu mười sáu tiếng đồng hồ, tại Phòng Thí nghiệm Nguyên tử (National Bureau of Standards) ở Columbia Hoa Kỳ, hai ông Lý và Dương đã đưa ra định luật vật lý mới là Định luật Cơ Ngẫu (Loi de Non-Parité), nó đưa hai ông đến đài danh dự vinh quang là Giải thưởng Nobel về Vật lý. Nếu chúng ta nhớ lại công trình khảo cứu của nhà bác học Albert Einstein về Thuyết Tương Đối mãi mười lăm năm sau mới đưa ông đến đài vinh quang ấy thì chúng ta mới có thể so sánh sự thành công của hai ông Lý và Dương và sự thành công của ông Einstein được. Và sở dĩ hai ông Lý và Dương đã đi nhanh hơn Einstein gấp bội 16 giờ so sánh với 15 năm là vì hai ông Lý và Dương đã sẵn có một căn bản khoa học khác với căn bản khoa học

của Einstein, và cái căn bản khoa học đặc biệt của hai nhà bác học Đông Phương đó không phải cái gì xa lạ mà chính là bản Kinh Dịch cổ điển của Trung Hoa vậy. Mà trong Kinh Dịch đã có sẵn cái định luật Cơ Ngẫu, hay định luật Lê Chấn (Cơ là lẽ, Ngẫu là chẵn) các Nho gia thường gọi là luật Tam Thiên Lưỡng Địa (Trời Ba Đất Hai) Tạo Hóa dùng để hòa hợp mọi sự trong Vũ Trụ và trong đời người. Hai ông Lý và Dương chỉ đem định luật đó chứng minh cho xác thực, và chứng minh bằng cách thức của khoa học cận đại mà thôi, hai ông đã không khám phá ra điều gì mới mẻ cả, nhưng cũng đã đủ để làm một cuộc cách mạng trong khoa học vật lý cận kim.

Trong Đồng Y Học, con số 3 dương và con số 2 âm, cũng là những con số căn bản. 3 cộng với 2 là 5, 5 là Ngũ Hành, và 5 cũng là Thổ trung cung của Ngũ Hành.

Ngũ Hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ, nghĩa là kim thạch, thảo mộc, nước, lửa và đất. Kim thạch là trạng thái đặc (état solide), nước là trạng thái lỏng (état liquide) lửa là trạng thái hơi (état gazeux), thảo mộc là trạng thái trung gian giữa hai trạng thái lỏng và hơi, đất là trạng thái phối hợp điều hòa tất cả bốn hành, là sợi giây liên lạc trong thời gian của bốn hành đó trong sự biến dịch chuyển hóa của chúng. Thổ là sự Kết tinh của hình thể, của vạn hữu (la cristallisation de la forme): khi xưa, mở kỷ nguyên cho Trái Đất để cho nó thành một hành tinh sống, Thượng Đế đã tạo dựng nên con người từ đất, nghĩa là từ hành Thổ, vì Đất có đủ khí âm dương, có đủ tứ tượng (kim, mộc, thủy, hỏa là tứ tượng)

Ngũ Hành là những hình thức, những trạng thái trung gian do đó tất cả mọi sự sống, tất cả vạn hữu, được

thể hiện ra một cách cụ thể. Đó không phải là những nguyên lý cứng nhắc, những nguyên tố (éléments) bất động, nhưng là những thể thức diễn tiến lồng vào nhau và có chuug với nhau một sự đo lường chuyên nhất. Hành có nghĩa là đi, là di chuyển, hành động hay tác động, và do đó cũng có nghĩa là biến dịch, chuyển hóa. Khí âm dương chuyển hóa sinh ra ngũ hành, ngũ hành chuyển hóa sinh ra vạn vật.

Khoa học hiện đại đã nhìn nhận rằng nguồn gốc sự sống do sự hình thành các chất hydrocarbures, CH trên mặt địa cầu, vào những thời kỳ hồng hoang. Chất hydrocarbures là thủy hỏa tiên thiên; tiên thiên có nghĩa là âm dương kết hợp với nhau mà thành, thủy là âm, hỏa là dương. Trong hydrocarbures có Hydrogène H là thành phần quan trọng của nước tức thủy, vì nước mang công thức H_2O ; (từ Lavoisier, các nhà hóa học vẫn tiếp tục gọi Hydrogène là «sinh thủy», water former).

Chất Carbone C là lửa, là hỏa.

Những chất hydrocarbures đó về sau lại biến hóa (dịch) ra thành những biến chất ozote và ôxy (dérivés azotés et oxygénés), là những chất hữu cơ đầu tiên (les premières substances organiques), (A.I. Oparine, « L'origine de la Vie », éd. en Langues étrangères, Moscou, 1955, p. 101).

Ôxy là phong hay gió, vì trong không khí có ôxy. Azote là thổ, đất.

Nước lửa, không khí đất, (thủy hỏa, phong thổ) là tứ nguyên của Tây Phương (Empédocle, Hippocrate) hay tứ đại của nhà Phật.

Trên căn bản đó, chúng ta có thể giải đoán dễ dàng biểu tượng ngũ hành của Phương Đông :

1) Kim, là kim thạch (corps minéral) hay kim khí (série métallique.)

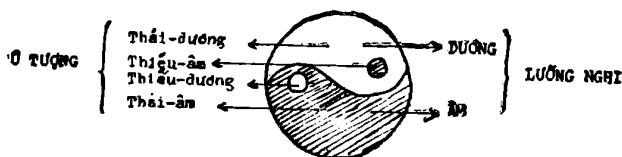
Dẫn điện tốt, sờ vào có cảm giác lạnh và cho cảm tưởng như là thu hút năng lực (absorber de l'énergie). Tỷ trọng cao. Kim có thể coi như là sự kết hợp năng lượng (condensation de l'énergie), trong dương ngoài âm, trong nóng ngoài lạnh: kim là thiếu dương trong tứ tượng.

2) Mộc, là thảo mộc hay gỗ, là thể hữu cơ (le corps organique) hay loại á kim (le série métalloïde). Mộc dẫn điện kém, sờ vào có cảm giác ấm nóng, và cho cảm tưởng như là năng lực bên trong nó tỏa ra ngoài (rayonner de l'énergie.) Trọng lượng của Mộc thấp, Mộc biểu trưng cho sự khuếch tán khối lượng, khuếch tán hình thể (la diffusion de la masse, de la forme). Mộc trong lạnh ngoài ấm (nóng), trong âm ngoài dương, là Thiếu Âm trong tứ tượng.

3) Thủy, là nước chảy luân lưu từ cao xuống thấp, là sự kết hợp khối lượng, kết hợp hình thể (la condensation de la masse, de la forme), là Thái Âm trong tứ tượng.

4) Hỏa, là cái hành bốc cháy và hướng thượng lên cao, có thể coi như là sự khuếch tán năng lực (la diffusion de l'énergie), là Thái Dương trong tứ tượng.

5) Thổ, sau cùng là sự phối hợp tứ tượng, nghĩa là phối hợp hay tổng hợp bốn hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, là sợi giây liên lạc trong thời gian bốn hành với nhau trong sự biến dịch chuyển hóa của chúng. Thổ là sự kết tinh hình thể, kết tinh vạn hữu, (la cristallisation de la forme).



Thái cực

Trong hình Hà Đồ, Thổ mang con số 5, tượng trưng cho con số sinh của vạn hữu. 5 là 3 dương, cộng với 2 âm, là tam thiên lưỡng địa.

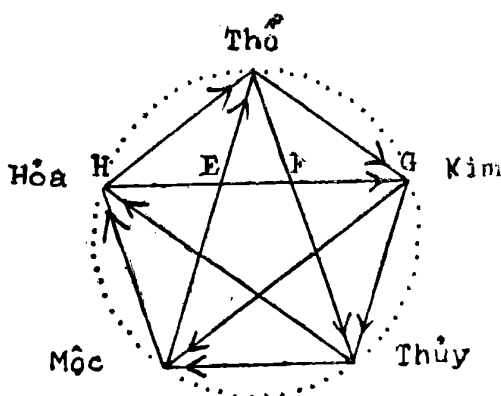
Ngũ Hành tương sinh và tương khắc. Thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy. Kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Nếu chúng ta lấy một ngôi sao

nằm cánh được bao quanh bởi một hình ngũ giác, để biểu tượng cho sự sinh khắc của Ngũ Hành, thì những đường nối các góc sao ở bên trong chỉ đường «khắc», còn đường ngũ giác nối các góc ngôi sao ở bên ngoài chỉ đường «sinh».

Một điều kỳ lạ là trong ngôi sao Ngũ Hành ấy, ta còn thấy tỉ lệ:

$$\frac{EF}{EG} = \frac{FG}{FH} = \frac{\sqrt{5} - 1}{2} = \frac{2}{3} = \Phi = 0,62$$



là tỉ lệ mà các nhà toán học Tây Phương gọi là con **Số Vàng** (le Nombre d'Or), là con số của Khuôn Vàng Thước Ngọc, vì tất cả mọi sinh vật trên thế gian này đều có mối tương quan đến con số này.

Y học Phương Đông có cứu cánh là đem lại Thần đầy đủ cho người ta bằng cách dạy tu luyện dưỡng lấy **Tinh**, **Khí**:

Tinh sinh Khí, và Khí sinh Thần
(Tinh-Khí-Thần),

Mọi đồ ăn, thức uống và dưỡng khí hô hấp vào trong người tạo ra các chất tinh ba để nuôi dưỡng cơ thể. Chất tinh ba nếu không hao phí đi sẽ biến hóa thành khí, tức năng lực (énergie). Năng lực gom lại sẽ biến thành **Thần** (esprit).

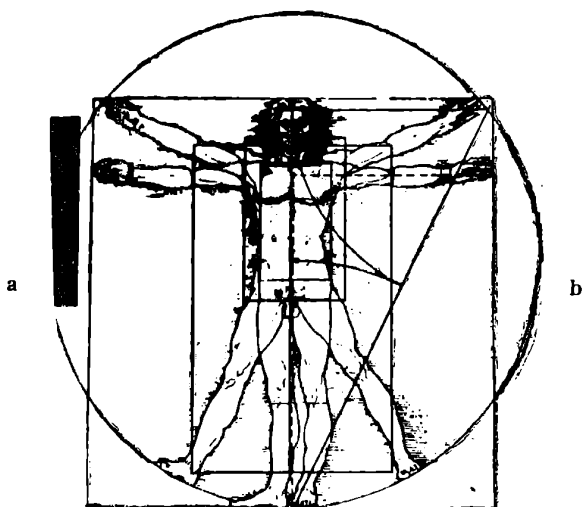
Thần cường thịnh thì con người sẽ tinh anh, siêu việt, có thể giao cảm Thần Linh, hòa đồng với Tạo Hóa. Thổ mang con số 5, là con số của mọi sự tổng hợp, mọi sự sinh sản, sáng tạo. Như vậy con số 5 là con số của **Thần**, và hơn thế nữa là con số của **Thượng Đế**. Và tất cả những sinh vật thụ tạo đều được thụ tạo theo hình ảnh của **Thượng Đế**, phẳng phất giống Ngài

theo định luật **Tam Thiên Lượng Địa**, ba dương hai âm.

Ở dưới thế gian này, có một hạng người gần gũi **Thượng Đế** nhất trong sinh hoạt hàng ngày, đó là những nhà **sáng tạo**, trong số đó có những nhà họa sĩ. Họ dùng màu sắc và đường nét sáng tạo đủ thứ từ cỏ cây, muôn thú đến con người. Và mỗi khi sáng tạo xong họ đem bức họa của họ lồng vào khung để cho bức họa mang một vẻ toàn bích. Vì một bức họa mà không có khung sẽ trơ trẽn và giảm giá trị đi ít nhất là 50%. Và cái tỉ lệ giữa chiều dài và chiều rộng của một cái khung ảnh cũng là **tỉ lệ tam thiên lưỡng địa** tức là 2/3 hay 3/2, nghĩa là cũng vẫn con **Số Vàng** khuôn vàng thước ngọc vậy. (Tỉ lệ giữa chiều rộng và chiều dài bằng tỉ lệ giữa chiều dài cộng với tổng số chiều rộng cộng thêm với chiều dài:

$$\frac{1}{L} = \frac{L}{1 + L} = \frac{\sqrt{5} - 1}{2} = \Phi)$$

Nhà danh họa kỳ tài **Léonard de Vinci**, sau khi nghiên cứu các tỉ lệ của thân thể người ta, đã nhận thấy rằng những tỉ lệ đó bao giờ cũng quanh quẩn con **Số Vàng Tam thiên lưỡng địa**, là khuôn vàng thước ngọc chung cho cả **Tạo Hóa** lẫn sinh vật thụ tạo.



Nhắc lại những chuyện trên, chúng tôi chỉ có ý nói lên rằng khoa học Á Đông đã có, và có một cách chính xác chứ không phải là mơ hồ. Vấn đề mà khoa học Á Đông đặt ra cho các nhà khoa học tân học ngày nay là tìm lại tất cả những chìa khóa để mở cái kho tàng khoa học cổ truyền ấy để làm lợi cho nhân loại và để cho nhân loại đỡ mất thì giờ tìm kiếm lâu lắt thêm, và nhất là để cho nhân loại đừng có nhân danh khoa học mà làm khổ lẫn nhau, đừng có nhân danh văn minh văn hóa, chủ nghĩa mà mà chém giết lẫn nhau, đừng có lạm dụng sức mạng đại cường mà chủ mưu tiêu diệt nhược tiểu.

2.

Tìm hiểu Khoa học xưa, điều cần phải nói đến trước tiên là ngày xưa, bất kỳ ở khoảng không gian nào trên trái đất, Khoa học với Thần học (Tin ngưỡng và Tôn giáo) là một, không có sự cách biệt nào. Khoa học mở mang

phần Trí của con người, Thần học mở mang phần Tuệ. Giữa Trí và Tuệ không có mâu thuẫn, tranh chấp hay đối nghịch. Đây là nhận định của tất cả các nhà bác học chuyên khảo về văn minh, văn hóa thời cổ.

Nhân loại thời xưa, mặc dù sử dụng những ngôn ngữ khác nhau qua không gian, nhưng đều diễn tả cùng một tư tưởng thuần nhất giống nhau, dù ở Can Đê (Chaldée), Ai Cập, Ba Tư, Mỹ Châu, Trung Hoa hay Ấn Độ.

Thần học khai mở tinh thần để tinh thần đón nhận chân lý siêu nhiên (l'esprit, la vérité spirituelle) là Chân Lý Một, không hai. Thề tri của người ta (l'intelligence) nghiên cứu cũng cái chân lý đó dưới hình thức những hiện tượng là những thể hiện của Chân Lý. Và Khoa học, sản phẩm của thề tri, quan sát các hiện tượng là những hình ảnh đơn thuần của những thể trạng của Thần Linh (le Divin), Khoa học là huynh đệ của Thần học, và giữa Khoa học và Thần

học không có sự mâu thuẫn bất đồng vì mâu thuẫn bất đồng giữa Khoa học và Thần học là nghịch với thiên nhiên và phản lại tiến hóa!

Đây là cái lối nhìn của người xưa. Bây giờ, nếu chúng ta trở lại với thực trạng của thế kỷ chúng ta, thì chúng ta chứng kiến một hiện tượng hoàn toàn mới lạ: Khoa học không còn kính trọng Thần học, còn Thần học đối với Khoa học thì đầy nghi ngờ dè dặt. Thậm chí đến một công trình khoa học đầy tinh chất thần học như của linh mục dòng Tên **Pierre Teilhard de Chardin**, khi sinh thời linh mục, đã bị Tòa Thánh Vatican nhìn bằng một con mắt nghiêm khắc, đầy hoài nghi, và sẵn sàng rút phép thông công nhà tu sĩ bác học kỳ tài ấy.

Vì đâu mà có sự ly dị giữa Thần học và Khoa học như vậy?

Tại sao lại có sự bất hòa đó giữa hai sinh hoạt quan yếu nhất của nhân loại trên đường thăng tiến? Lý do không cần phải tìm kiếm ở đâu xa.

Ở Tây Phương khoa học thời cổ đã bị chôn vùi dưới những làn sóng xâm lăng của các dân tộc rợ. Trước nhất là sau khi đế quốc La Mã sụp đổ, sau là sự tan vỡ lần thứ hai của chính đế quốc đó được phục hưng lại ở Constantinople, bên Cận Đông.

Rồi toàn thể Âu Châu bị rợ Mông Cổ chiếm đóng, màn u minh dày đặc bao phủ trên vùng đất sau này sẽ là nơi phát xuất của một nền văn minh mới.

Khi khoa học đến khai sáng Âu Châu một lần nữa thì nó đã khoác một bộ áo ngoại lai, đầy thù hận ghét bỏ đối với nền thần học của Âu Châu. Khoa học mới du nhập vào Âu Châu là khoa học của Hồi Giáo (l'Islam), do các sắc dân tôn nhận Đức Mahomet là

đấng tiên tri của họ. Những giáo sư khoa học mới đầu tiên của Âu Châu là những người Ả Rập từ A-Ra-Bi (Arabie) đến.

Thực ra thì người Ả Rập là dòng giống đã kế nghiệp tinh thần những người Hy Lạp. Căn bản khoa học của họ là trường phái Platon qua trung gian của các lý thuyết gia thuộc môn phái tân-bá-lập-đồ (néo-platoniciens). Họ lập lại những tư tưởng của Porphyre của Ptolémée và của những tư tưởng đồ dưới hình thức những tư tưởng Ả Rập.

Tư tưởng Ả Rập theo gót chân đoàn quân Maures đến xâm chiếm Tây Ban Nha, và nó đã bị những người công giáo Tây Ban Nha đón nhận nó như một kẻ thù xâm lăng, chứ không phải như một thế lực tinh thần đến khai sáng họ. Đây là nguyên nhân đầu tiên của sự tranh chấp giữa khoa học và thần học, Mặc dù ngay trong hàng giáo phẩm La Mã đầy uy tín và uy quyền thời đó có nhiều người đón nhận những tri thức mới một cách rất nhiệt thành, nhưng họ vẫn bị đa số nghi ngại, hận thù. Chúng ta chỉ việc trở lại những trang sách từ 1003 đến cuốn « Lịch sử Triết học » (Histoire de la Philosophie) của hai ông P. Janet và G. Séailles cũng có thể hiểu được tâm trạng rất khổ sở của các nhà bác học thời đó như Roger Bacon, Copernic, Campo dei Fiori, Giordano Bruno, Galilée. Sự đổ kỵ của khoa học hiện tại, vẫn đối lập với thần học chẳng qua chỉ là kết quả đương nhiên của luật nhân quả, kết quả đương nhiên của những lỗi lầm trong quá khứ của những người bệnh vực thần học một cách sai lầm. Mặc dù bị đàn áp, khoa học vẫn sống, vẫn trường thành và kiên quyết bảo vệ lập trường

của mình, và đã không ngần ngại chấp nhận nhiệt thành, nhiều khi một cách vội vã hấp tấp, tất cả những gì xem chừng như chứng minh được rằng chủ nghĩa duy vật là triết lý chân thực nhất của sự sống.

Cách đây mới chừng nửa thế kỷ, nhà bác học Tyndall, mặc dù là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, đã không e dè tuyên bố rằng ông «trông thấy nơi vật chất sự hứa hẹn và tiềm năng của tất cả mọi hình thể của sự sống», (voir dans la matière la promesse et la potentialité de toutes formes de vie).

Nhưng may mắn thay, chiều hướng tinh thần đó, với thời gian, đã thay đổi, và thay đổi tương đối mau chóng. Thần học càng ngày càng tỏ ra phóng khoáng hơn, duy lý hơn, (trường hợp của linh mục Chardin là một trường hợp tiêu biểu điển hình nhất), và khoa học cũng đã trở thành ít duy vật hơn, ít chống đối hơn. Thay vì lập trường duy vật của Tyndall kể trên, người kế nghiệp ông là Sir Williom Crookes, đã tuyên bố nghịch lại rằng :

«Trong sự sống, tôi thấy sự hứa hẹn và tiềm năng của tất cả mọi hình thể vật chất», (Dans la vie, je vois la promesse et la potentialité de toutes formes de matière).

Trong một tương lai chắc không xa lắm, khoa học sẽ nhìn nhận nơi thần học, một bằng hữu tương thân tương trợ của mình trên đường tìm hiểu chân lý, chứ không còn là một đối phương ngăn cản bước tiến thủ của mình nữa.

3.

Sự khác biệt giữa khoa học xưa và nay, căn bản ở điểm sau đây : khoa học xưa nghiên cứu vũ trụ cùng vạn hữu trên bình diện **sự sống đang tiến hóa** (la vie qui évolue), còn khoa học ngày nay nghiên cứu các hiện

tượng theo phương diện «quan hình», nghĩa là quan sát hình thể (observation des formes), qua trung gian các hình thể đó sự sống được phát hiện ra ngoài.

Khoa học xưa nghiên cứu sự sống và chỉ quan tâm đến các hình thể như là những biểu diễn (expressions) của sự sống mà thôi, còn khoa học ngày nay, thì chỉ nghiên cứu những hình thể và chỉ cố gắng khám phá ra bằng phương pháp qui nạp (procédé de l'induction) một nguyên lý ẩn tàng, một bản chất do đó mà các hình thể thiên hình vạn trạng có thể đoán giải được.

Khoa học xưa đi từ trên xuống dưới, khoa học ngày nay từ dưới lên trên, và chính sự kiện đó khiến chúng ta tiên liệu được rằng đến một ngày nào đó trong tương lai sẽ nảy ra một điểm giao hội, nơi đó hai nền khoa học sẽ tay nắm tay song hàng tiến tới mở đường cho một kỷ nguyên mới của nhân loại.

Nhưng ngày đó không tới, và sự khác biệt căn bản giữa hai nền khoa học xưa và nay có những hậu quả rất trầm trọng. Nếu chúng ta đồng ý với nhau đi vào vấn đề tìm hiểu vũ trụ bằng các nghiên cứu các hình thể, thì sự nghiên cứu của chúng ta sẽ vô cùng phức tạp. Thí dụ chúng ta nghiên cứu một cái cây chẳng hạn. Một thân cây duy nhất gieo truyền và phân phối sự sống, một hằng hà sa số các lá cây là các biểu dương tối hậu của sự sống đó. Nếu chúng ta khởi sự nghiên cứu thân cây trước, cái thân cây của sự sống, thì chúng ta sẽ có một sơ đồ toàn diện và chúng ta có thể biết nguyên do vì đâu mà có những sự khác biệt về hình thể. Nhưng nếu ngược lại, chúng ta bắt đầu bằng cách nghiên cứu từng lá cây trước, thì chúng ta sẽ bắt

buộc phải nghiên cứu từng lá cây một, và ghi chép tỉ mỉ tất cả những sự khác biệt giữa lá cây này với lá cây khác, nghĩa là sự khác biệt về hình thể. Khoa học ngày nay nghiên cứu các lá cây, còn khoa học ngày xưa nghiên cứu thân cây, đấy là sự khác biệt căn bản giữa hai nền khoa học.

4.

Điều khác biệt thứ hai là những khác biệt về phương pháp.

Phương pháp của khoa học ngày nay thế nào? Nhà khoa học phải có khả năng quan sát sáng suốt, một sự phán đoán sâu sắc, một sự khéo léo để kết hợp những phần tương tự lại với nhau, và một óc phân biệt tinh vi. Nhưng vì môi trường nghiên cứu trải dài từ cái cực lớn đến cái cực nhỏ, cho nên giác quan của nhà bác học đã trở thành bất lực, và họ đã phải nhờ đến trung gian của các máy móc, các dụng cụ để tăng cường khả năng giới hạn của giác quan. Do đó điều kiện để tiến bộ của khoa học ngày nay là phải có những dụng cụ tinh vi để sử dụng, không có dụng cụ tinh vi khoa học không thể nào tiến được.

Trái lại với nhà khoa học ngày nay, nhà khoa học xưa không cần đến dụng cụ, vì ông ta không nghiên cứu sự tiến hóa của hình thể, nhưng nghiên cứu chính sự sống. Và để cho công cuộc nghiên cứu đó được thành tựu thì chính nhà khoa học phải tu luyện để cho chính bản thân mình tiến hóa trước tiên, nghĩa là tu luyện để cho chính sự sống trong thân xác mình được tiến hóa, bởi vì chỉ có sự sống mới có thể đo lường sự sống, bởi vì chỉ có sự sống mới có thể đáp ứng với những rung ba (vibrations) của những gì sống.

Công trình của nhà khoa học thời xưa là phát triển chính mình, là khai thác từ đây sâu bản thể mình những quyền năng thần linh tiềm ẩn, tiềm ẩn không phải trong thân xác, nhưng là trong Tâm mình vốn cũng là Tâm của Vũ Trụ.

Những quyền năng thần linh đó đối với nhà khoa học xưa chính là phương tiện duy nhất để theo đuổi mọi công cuộc nghiên cứu, bởi vì, chỉ khi nào nhà khoa học đã phát triển được Thần linh bên trong (la Divinité Intérieure) ngay trong tâm mình, thì khi đó họ mới khả dĩ hiểu được và đo lường được Thần linh ở bên ngoài. Và điều khiển cho sự tiến hóa có thể thành tựu được, chính là Thượng Đế và con người cùng một bản chất như nhau.

Lời tuyên bố khẳng định trên thoạt nghe thấy có vẻ phiêu lưu, nhưng thực ra đấy chính là chân lý căn bản của tất cả mọi tôn giáo, mọi tín ngưỡng. «Người là Cái Đó» có nghĩa là «Thượng Đế đã tạo dựng nên con người theo hình ảnh Ngài». Nhưng ý nghĩa thâm sâu của phương thức đó đích thực thì là thế nào?

Nó có nghĩa rằng Thượng Đế đã thể hiện mình trong Vũ Trụ mà Ngài tạo dựng nên. Nếu chúng ta muốn hiểu công trình sáng tạo của Thượng Đế thì chúng ta nhất quyết phải phát triển Thượng Đế bên trong chúng ta, trong nội tâm chúng ta, bằng không trước mắt chúng ta bao giờ cũng có một bức màn, bức màn u minh, ngăn cách chúng ta với Ngài. Tâm hồn sẽ không thể biết thưởng thức vẻ Đẹp nếu nó không được ta tu sửa, tôi luyện cho trở nên đẹp đẽ, bởi vì chỉ có cái đẹp mới biết nhìn nhận ra cái Đẹp mà thôi, có đồng thanh mới tương ứng, đồng khí mới tương cầu (Khí Dịch) Thượng Đế không thể lấy mất trần hay lấy cái trí (l'intellect) mà nhìn được. Chỉ khi nào cái tâm của ta là Tâm Trời Tâm Phật, chỉ khi nào cái tiêu ngã của ta đã tiến gần đến Chân ngã, khi nào Thượng Đế đã ở bên trong ta thì Thượng Đế bên ngoài ta mới hiển hiện ra cho ta

thấy trong tất cả sự vinh quang huy hoàng của Ngài.

Đó là khởi điểm của các nhà khoa học thời xưa, là nhà khoa học đầy nhưng trước hết là một tu sĩ, một nhà thần linh học, một đạo gia. Muốn trở nên một nhà khoa học, trước hết phải nên Thánh, nên Hiền. Mà muốn nên Thánh, nên Hiền, nhất thiết phải tu tâm dưỡng tính cho tâm hồn thanh khiết. Thanh khiết là điều kiện tất yếu không có, không được đề Kiến Tính, trông thấy Trời, trông thấy Thượng Đế. Đó là đặc tính của nhà khoa học ngày xưa: họ đã phát triển mình trong nội tâm trước khi học hỏi ra bên ngoài.

5.

Đối với khoa học đời nay, những điều kiện tinh thần đó không bắt buộc. Dĩ nhiên nhà khoa học đời nay cũng phải tự mình kiểm soát lấy mình và sống một cuộc đời trật tự, kỷ luật, tri giới, bởi vì nếu sống phóng túng theo dục vọng, thì trí thông minh của họ cũng sẽ vì dục vọng mà mờ ám đi. Muốn trí trí nhà khoa học ngày nay vẫn phải cách vật, chứ vật ở đây được hiểu theo nghĩa là vật dục; cách vật không phải là cùng tận cái lý của sự vật, nhưng là khu trừ cái vật tư dục trong tâm mình để làm căn bản cho « minh minh đức », làm sáng cái Đức sáng thâm sâu trong con người cùng tận lý của sự vật trong thiên hạ chỉ là việc ngọn ngành, lấy ngọn ngành làm căn bản, thành ra sự rối loạn trong thiên hạ không có thuốc nào cứu chữa cho được. Trong Đạo Phật, Phật pháp dạy trừ bỏ tham sân si cũng là dạy cách vật, tu giới định tuệ cũng là tu trí trí. Vật tham sân si chưa kết ở tâm cũng như người mang kính màu nhìn sự vật, không thể nào thấy màu sắc vốn có của sự vật.

Nhà khoa học phải có khả năng quan sát sâu sắc, óc xét đoán lành mạnh, quân bình, phải kiên nhẫn, linh động. Một nhà khoa học xuất sắc phải hội đủ mọi đức tính của trí thông minh, nhưng đối với Tôn giáo nhà khoa học, chỉ yêu cầu có một điều là Tôn giáo hãy để cho họ được yên ổn làm việc, đừng quấy rầy họ. Xưa kia, Tôn giáo chỉ đường đi cho Khoa học, ngày nay Khoa học yêu cầu Tôn giáo ở nguyên vị trí của mình, đừng xen lấn vào địa hạt khoa học. Và đây chính là điều làm cho công việc của chính nhà khoa học trở thành khó khăn và phiền diện. Bởi vì, (xin được phép nhắc lại), sự sống chỉ có thù biếu được nếu nhà học giả sống điều mà họ muốn tìm kiếm, sự hiểu biết về các hình thể là một sự hiểu biết thiếu sót khi mà sự sống những hình thể đó đem ra thể hiện không được khám phá và không được hiểu biết đến nơi đến chốn.

Sự khác biệt về phương pháp làm việc trên là sự khác biệt căn bản. Vì phương pháp khác biệt cho nên kết quả cũng khác biệt, như chúng ta đã thấy.

6.

Bây giờ chúng ta hãy cố tìm hiểu tại sao sự phát triển Chân Tâm lại được coi là bước đầu tiên cần thiết đối với nhà khoa học thời xưa để đạt tới sự hiểu biết Chân Lý, còn được gọi là Minh Triết (la Sagesse).

Sự Sống là gì ? hay cái Thức là gì (la conscience) ? vì sự Sống hay Thức đồng nghĩa với nhau. Đó là khả năng đáp ứng đối với những làn ba động (vibrations) của Tạo Hóa hay của Thượng Đế. Tất cả vũ trụ này đều tràn đầy những ba động của Thượng Đế, là thế lực yểm trợ vạn vật vạn hữu

khuyến cho vạn vật vạn hữu sống động. Thứ là cái khả năng ở bên trong chúng ta để đáp ứng với những rung ba đó, và sự tiến hóa của nhân loại không phải là điều gì khác sự phát triển khả năng đó một cách liên tục và gia tăng đều đặn. Tất cả mọi khả năng đều có sẵn tiềm ẩn bên trong chúng ta như như bông lúa đã hiện sinh trong hạt thóc, nhưng cần phải có sự diển tiến của tiến hóa để khiến cho bông lúa nảy mầm từ hạt thóc. Trong Vĩnh Cửu, hay trong Hiện Tại Vĩnh Cửu, tất cả mọi sự đều cùng hiện sinh với nhau, tất cả đều hoàn hảo toàn bích: một vật này chỉ nối tiếp một vật khác, phát triển sau vật khác, trong thời gian mà thôi. Còn trong **Điểm Trung Bất Biến** (le Point Immuable) tất cả đều hiện tại, và không gian chỉ là một môi trường trong đó các hiện tượng diển ra kế tiếp nhau theo luật định nhân quả. Thời gian và không gian chỉ là những ảo tưởng ảo giác căn bản và là những điều kiện đầu tiên của tư tưởng.

Cái Ngã trong con người là hình ảnh của Chân Ngã, của Thượng Đế, và giống như Chân Ngã có Ba Ngôi (Trinité) thì con người cũng có ba thể. Điều này triết học Vệ Đà hay triết học cận kim, Ki-Tô-Giáo hay Bà La Môn đều đồng quan điểm với nhau. Nếu không như thế, thì những tương quan giữa Trời và Người là những điều kỳ bí ta không sao hiểu được, bởi vì con người trên đường tiến hóa, trên đường Đạo, từ phàm trần đến thần linh, cũng trải qua ba giai đoạn tinh thần quan yếu.

Trên đường tiến hóa, con người trước tiên phải mở trí (l'intelligence). Trí khôn con người bừng tỉnh và hoạt động. Rồi theo đà tiến hóa trí khôn biết sáng tạo như Thượng Đế sáng tạo.

Dần dà, nhờ tu dưỡng, Trí biến thành Tuệ. Tuệ là cái trí hiểu biết, cái trí giác ngộ, biết phân biệt và biết tổng hợp; là cái đức minh triết hiểu được sự nhất thể của vạn vật (l'unité de toutes choses), và thực hiện sự nhất thể đó, đưa ta đến cái niềm hoan lạc hiện hữu ở ngay chính giữa, ngay trung tâm của sự sống.

Sau cùng, ở giai đoạn chót của dòng tiến hóa của con người, Thần xuất hiện đưa ta đến chỗ hiệp nhất với **Thượng Đế**, đến chỗ Phối Thiên và Hoàn Nguyên: Trời và Người lúc đó sẽ là một.

Sự tiến hóa của nhân loại như vậy là sự tiến hóa thẳng đến Thần Linh, đến Đấng Sáng Tạo, theo một con đường Quy Nguyên Trục Chỉ Điều này khoa học cận kim, qua công trình khảo cứu về cổ sinh vật học (paléontologie) của linh mục Dòng Tên Pierre Teilhard de Chardin, đã tìm thấy lại chưa đầy nửa thế kỷ nay.

Sự tiến hóa đó, đứng về phương diện nhân loại cần rất nhiều thời gian, rất nhiều đời người, rất nhiều thế hệ mới thành tựu được. Nhưng trong một con người, nếu con người đó có một cái «căn» đặc biệt, hay là được một «ân Thiên sủng» đặc biệt, các giai đoạn tiến hóa kế tiếp nhau đó cũng có thể thể hiện được do tu dưỡng theo pháp môn Thần Định hay Du già (Yoga). Người tham thiền hay du già công phu có thể phát triển trong mình ba trạng thái của Thượng Đế, nếu có ý muốn tìm hiểu những sự thể hiện của Thượng Đế trong vũ trụ.

Vì cái trí của con người ta là phần ảnh của Trí hay Thánh Linh của Thượng Đế, cho nên, thực ra, tinh thần con người có thể hiệp thông được với tinh thần vũ trụ, với chính sự

sống của vũ trụ. Chính sự sống đó, trong nguyên tử, là «sinh lực» (force), chính sự sống đó làm linh hoạt mỗi nguyên tử, và hơn thế nữa, chính sự sống đó khai sinh ra nguyên tử. Khi sự sống của Thượng Đế đã được phát triển trong bản ngã con người, thì con người có thể nghiên cứu tác động của sự sống đó trong những hình thể nguyên tử mà sự sống đó tràn đầy.

Một điều rất nhiều ý nghĩa là nhiều vấn đề lớn của khoa học cận đại được thu gọn trong câu hỏi sau đây : « Bản chất của nguyên tử là gì ? ». Các nhà bác học thường xuyên tham khảo ý kiến với nhau để được biết xem nguyên tử là sinh lực hay là vật chất (force ou matière). Câu hỏi đó sẽ không có trả lời khi nào mà con người còn chưa phát triển được khả năng đáp ứng với sự sống đang phập phồng bên trong nguyên tử, khi nào mà con người còn chưa phát triển được đến cùng tột chính cái trí của mình, và nhờ sự phát triển đến cùng tột đó mà khả dĩ đáp ứng được với những ba động của nguyên tử bên ngoài bắn ra.

Tóm tắt lại, chúng ta đã định nghĩa cái Thức của con người là khả năng đáp ứng với các ba động, và chúng ta đã biết rằng con người, nếu có tham vọng đo lường sự sống, nếu có tham vọng hiểu biết những nguyên nhân thâm sâu của các hiện tượng, thì con người phải phát triển bên trong mình các khả năng đáp ứng với những sự thể hiện ra bên ngoài của chính sự sống đó. Chúng ta cũng đã nhìn nhận trong sự toàn bích của cái trí của chúng ta, — phản ảnh tinh thần của Thượng Đế, — cái khả năng duy nhất để đạt tới giải pháp cho vấn đề cam go nhất này của khoa học cận đại. Mà phương pháp duy nhất để phát triển khả năng đó không phải là sự

gì khác, mà chính là pháp môn Thiền Định vậy.

Nhưng Tu Thiền đâu có phải là một chuyện dễ ! Chỉ có thể vào thiền những người dốc lòng trì giới, theo các giới luật của các tôn giáo lớn. Đây là khó khăn đầu tiên của tu thiền. Tu Thiền lại cần phải có thầy chỉ dẫn, nếu không sẽ rất dễ đi lạc vào tà đạo. Tu Thiền không có bí quyết gì, nhưng sự thật lại đầy rẫy những bí quyết. Vì mỗi lời nói, mỗi việc làm của người tu Thiền đều phải hiểu rõ và theo một chiều hướng rành mạch. Vị chân Sư đã đắc ngộ Thiền pháp biết thiền sinh khi công phu phải trải qua những gì, những trạng thái nào làm cho thiền sinh nguy hại hiểu lầm, những hiện tượng gì làm cho thiền sinh vui thích hưởng tâm chính đáng. Nếu có những hiện tượng khác lại xét thấy có nguy hại đến công phu của thiền sinh như tiền oan nghiệp chướng theo báo, các loài quỷ mỵ, quỷ phá v.v... thì Thiền sư phải nhập định xem xét và dùng mọi thần bí để hỗ trợ cho thiền sinh vượt qua. Thiền sư phải xét, đặt công phu cho thiền sinh, bao nhiêu lần phải ngồi bao nhiêu giờ v.v. Tùy điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người, nên ngồi thiền vào ban ngày hay ban đêm, mỗi thời phải ngồi mấy giờ đồng hồ cho vừa sức của thiền sinh để có kết quả. Những thời kỳ nên ngồi nhiều mà ngồi ít thì không có hiệu quả gì ; trái lại thời kỳ nên ngồi ít mà ngồi nhiều thì thần kinh bị căng thẳng, thiền sinh bị nạn tâm trí bất thường. Thông thường, qua những ngày giờ công phu Thiền đều đặn, hành sự phải luôn luôn thay đổi để theo kịp sự thay đổi nơi nội tâm của thiền sinh.

Chúng tôi không dám đi sâu vào vấn đề Thiền Định e phạm tội vọng ngôn, chỉ xin đặt vấn đề coi Thiền

như một pháp môn duy nhất mà chúng ta có thể biết được đề mở Tuệ và thăng tiến tâm linh.

7.

Sau cùng, còn lại vấn đề cao siêu nhất, tế nhị nhất và khó nhất, là vấn đề sự sống của tinh thần, vấn đề con người trong tiến tiến hóa từ phạm nhân đến Thượng Đế, mà trong thế kỷ thứ 20 này Teilhard de Chardin đã đặt lại cho nhân loại, sau nhiều thế kỷ u minh trong đó con người bởi khoa học đã bị tách rời khỏi Thần Linh.

Nhưng muốn thấu triệt tất cả những kỳ bí của vấn đề, thì trước hết cái tiền ngã được thụ tạo từ Đấng Tạo Hóa quyền năng, phải phát triển đầy đủ bên trong nó cái **Đệ Nhất Ngã**, cái **Một** có **ba** ngôi (la Triple Unité), cái **Logos** mà Ấn Độ Giáo gọi là **Ishvara**.

Bởi thế cho nên nhà khoa học xưa bắt đầu bằng tập trung tư tưởng vào cái tiền ngã của mình, dưới sự hướng dẫn của một vị Chân Sư và phát triển tuần tự bên trong mình tất cả mọi khả năng tinh thần để có thể dần dà đạt tới mức độ cao nhất của sự phát triển tâm linh. Một khi đạt được tới mức độ đó, họ mới khởi sự nghiên cứu sự sống, sự sống tran hòa từ nguồn gốc, từ căn nguyên, chứ không phải sự sống lồng vào trong những hiện tượng mà thôi.

Ở đây chúng tôi cũng chỉ xin phép được đặt vấn đề mà không dám góp phần giải đáp vì khả năng vô cùng thiếu sót, nhưng chúng tôi tin rằng đây là **chiều hướng tiến hóa** của nhân loại ngày mai, một ngày mai phải khởi sự từ hiện tại ngày hôm nay, nếu chúng ta không muốn là nạn nhân, một lần nữa, của một sự đi sai đường lịch sử mà hậu quả sẽ vô cùng khốc hại, như trước kia và

như bây giờ nhân loại đã từng có những bước đi sai lầm và những hậu quả khốc hại như thế.

8.

Trước khi dứt lời, chúng tôi xin phép được thâu tóm hai căn bản trí và tuệ của khoa học Phương Đông là **tu dưỡng** và **Kinh Dịch**: tu dưỡng để mở tuệ, Kinh Dịch để ứng dụng những nguyên lý thiên nhiên vào cuộc sống cũng như tìm hiểu mọi hiện tượng, mọi hình tướng của vạn vật. Căn bản trí tuệ đó của khoa học Phương Đông đã được **Thiệu Khang Tiết** đúc kết trong bài thơ Đường thất ngôn bát cú bất hủ:

*Nhĩ mục thông minh nam tử thân,
Hồng quân phú dĩ bất vi bần.
Tu tham nguyệt quật phương tri vật,
Vị nghiệp thiên căn khởi thức nhân,
Kiên ngộ Tổn thời quan nguyệt quật,
Địa phùng lôi xử kiến thiên căn,
Thiên căn nguyệt quật thường lai vãng,
Tam thập lục cung đô thị xuân.*

Bài thơ này nhà dịch học lỗi lạc bác sĩ **Nguyễn Vầu Thọ**, người bạn thâm giao, đồng môn đồng khóa với tôi, đã phiên dịch rất thoát như sau:

*Tai mắt nam nhi đừng coi đời.
Lòng mang Tạo Hóa há đâu chơi!
Quyết thâm nguyệt quật cho hay vật,
Cố hiểu Thiên Căn để biết người,
Trời nổi gió giông thông động nguyệt,
Đất vang sấm sét lộ căn Trời.
Căn trời động nguyệt thường lai vãng,
Ba sáu cung xuân trọn vẹn đời.¹*

1. Tìm đọc: **Kinh Dịch với Đông Y**, Bs Nguyễn Văn Thọ, Nguyệt san **Minh Đức** số 3 tháng 10/1972. tr. 44-78.

Góp ý về vấn đề sơ bộ nghiên cứu Đông-Dược

TRẦN-VĂN-TÍCH

*«Le Seigneur fait produire à la terre ses médicaments,
Et l'homme sensé ne les dédaigne pas.»*

L'ECCLÉSIASTIQUE, Chap. XXXVIII, 4.

TỪ trước tới nay — nói đúng hơn, tới trước khi có sự phổ biến của Y học Thái Tây — đồng bào đồng chủng chúng ta, một khi đau yếu, đều chỉ được điều-trị bằng các môn thuốc địa phương, dân tộc, phần nhiều lấy ở thảo mộc, động vật, và bào chế theo phương pháp cổ truyền.

Chúng ta không thể bàng quan đối với những môn thuốc ấy, vì chính chúng đã cứu sống, đã bảo vệ sức khoẻ của dân tộc ta, của hàng mấy trăm triệu dân Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản và của cả khối quần chúng Ấn Độ khổng lồ nữa. Và lại, nếu hiểu từ Đông Y như các học giả Tây phương vẫn hiểu, thì còn phải kê thêm số lượng đông đảo nhân dân các quốc gia Miến Điện, Thái Lan, Cao Mên, Ai Lao cũng đã và đang là đối tượng của Đông dược. Biết bao nhiêu người đã được cứu chữa — và chắc cũng có một số đã phải hy sinh — mới có được những vị thuốc, toa thuốc cổ truyền. Chấp nhận như thế, thì việc phải làm đối với chúng ta là đem ánh sáng khoa học

hiện đại để tìm hiểu các kinh nghiệm của tổ tiên rồi bổ sung cho những tri thức của y học tiến bộ.

Công việc này đã được làm từ lâu và trên một qui mô rộng lớn ở khắp thế giới. Phương Đông, với sức hấp dẫn mãnh liệt gần như huyền bí, đã quyến rũ, thu hút sự tìm tòi, học hỏi của một số rất đông khoa học gia. Các công trình biên khảo đã được công bố, đã được ấn hành, đã gây tiếng vang không nhỏ trong y giới quốc tế, đã mặc nhiên chiếm một địa vị quan trọng trong thư liệu y học thế giới (ngoại trừ... trong y giới Việt Nam và...trên các kệ sách báo của các Trường Y, Dược Việt Nam).¹

Cùng với việc kiểm tra lại hiệu lực tác dụng của các vị thuốc kinh nghiệm do tiền nhân để lại — hoặc mới di thực vào, vì một trong những mục tiêu khác của việc nghiên cứu chính là vấn đề mang những cây

1. Để thống nhất với quốc tế, trong bài này chúng tôi ghi các tài liệu tham khảo theo qui ước chung : tên tác giả hay các tác giả, đề tài bài viết, tên sách hay tạp chí, số thứ tự của tạp chí (biểu thị bằng con số và gạch dưới), trang (biểu thị bằng :), năm tháng ấn hành (và nếu cần, nơi ấn hành).

thuốc quý vào trồng trên đất mẹ, là «Việt hóa» những dược thảo ấy, để đồng bào ta được hưởng — chúng ta còn phải phân tích nghiên cứu để xem trong vị thuốc, trong bài thuốc chất gì là hoạt chất, rồi tìm cách lấy ra, và bước thêm bước nữa, thí nghiệm trên cơ thể sinh vật, trên lâm sàng. Nếu thấy thực có hiệu nghiệm, công việc kế tiếp đương nhiên sẽ là phải nghiên cứu xem điều kiện trồng hái ra sao, nên chọn thổ nhưỡng nào thích hợp, nên thu hái vào mùa, tháng, tiết nào, nên dùng bộ phận nào thì vị thuốc mới có hiệu lực tối đa. Nói cách khác, nếu được phẩm có hiệu lực, thì phải nghĩ đến đặt vấn đề thu thập những nguyên liệu có sẵn, mọc hoang trong thiên nhiên hoặc tự tay người trồng tỉa, thu thập như thế nào để tận dụng khai thác khả năng kinh tế nước nhà.

Tiến xa hơn nữa, một khi đã biết được hoạt chất rồi, ngành Hóa dược sẽ có nhiệm vụ tìm cách tổng hợp để khỏi phụ thuộc vào thiên nhiên: có như thế môn Dược liệu học nói chung, môn Đông dược liệu học nói riêng, sẽ mở những đường nghiên cứu cho môn Hóa dược. Tất cả những điều vừa trình bày không có gì là mới mẻ. Y giới sở dĩ phát minh ra quinacrin, plasmoquin, nivaquin là nhờ nghiên cứu cấu trúc hóa học của quinin, lấy từ vỏ cây canhkina. Sự tìm ra chất novocain stovain bắt nguồn từ sự tìm hiểu kiến trúc của cocain lấy từ lá cây coca.

Nhưng dĩ nhiên một khi đã tìm ra được hoạt chất, vai trò của vị thuốc nguyên thủy vẫn còn quan trọng, vì dù sao đi nữa, thì hoạt chất chỉ đại diện được một phần nào dược liệu mà thôi; sự kiện lấy riêng ra chất quinin không

gạt bỏ việc thu mua và sử dụng vỏ quinquina; điều chế được sinh tố C, acid citric và tinh dầu chanh cam không có nghĩa là chấm dứt sử dụng nước chanh nước cam. Vì bên cạnh các chất được phát giác, còn nhiều, có khi còn rất nhiều, chất khác mà khả năng và kỹ năng chưa cho phép khoa học tìm thấy; trong dược liệu thảo mộc, động vật, sự phối hợp giữa các chất còn chứa đựng rất nhiều bí mật mà ta chưa rõ. Biết bao nhiêu người, ngưỡng vọng và hâm mộ Nhân sâm, đã cặm cụi dày công khảo sát, phân tích, thậm chí có quốc gia, như Nga xô, đã không ngần ngại thành lập hẳn một uỷ ban nghiên cứu quy tắc sản xuất thực vật học, dược lý học, hóa học và bệnh lý học. Nhưng những công trình gần đây nhất vẫn chưa đi đến một kết luận cụ thể, vẫn chưa triết xuất được một hoạt chất rõ ràng khả dĩ cắt nghĩa huyền thoại Nhân sâm.¹

Đây là ta chưa nói đến rất nhiều hoạt chất lấy ở thảo mộc ra mà ta chưa tổng hợp được như emetin, như strychnin và cũng chưa nói đến vai trò của các vị thuốc thảo mộc trong việc cung cấp một số nguyên liệu trung gian để tổng hợp các hóa chất, các dược phẩm dầu rằng đây là một hướng đi rất độc đáo, rất mới mẻ, bởi chính theo đường hướng này mà khoa học đang điều chế sinh tố D, các kích tố sinh dục và thượng thận, trích khai từ những cơ phận thực vật (chứ không phải từ những cơ quan

1. Elyakov C.B. et al. — Glykosides from Ginseng roots. *Tetrahedron Letters*, 48, : 3591-3597, 1964 và Petkov W. — *Pharmakologische Untersuchungen der Droge Panax ginseng* C. A. Meyer. *Arzneimittelforschung*, 9, : 305-311, 1959; 11, : 288-295 và : 418-422, 1961.

của động vật, như các phương pháp kinh điển).

Tất cả những điều vừa trình bày chỉ là nguyên tắc, chỉ là lý thuyết và không phải là mục đích của những cột báo này. Người viết chỉ xin đề cập đến 1 phạm trù rất rõ rệt: những việc gì nên, đáng, cần và có thể làm cho Đông dược, trong bước đầu.

Di nhiên, hướng nghiên cứu Đông dược ở đây không thể tách rời ra khỏi đường hướng tổng quát nghiên cứu Đông y mà giới nghiên cứu Đông Tây, tự do cũng như cộng sản, tư bản cũng như xã hội đang chủ xướng, theo đuổi và áp dụng.

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đối tượng của công trình khảo sát mà chúng tôi đề nghị hôm nay rất rõ rệt. Đây là những dược liệu của phương Đông, những Đông dược, những thuốc men mà Đông y xử dụng. Như vậy, sự định nghĩa Đông dược đương nhiên thoát thai từ sự định nghĩa Đông y.

Thông thường chúng ta dùng danh từ Đông y để chỉ nền y lý cổ truyền của các dân tộc Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, với hạt nhân là Trung y, tức y học Trung Quốc. Nhưng giới nghiên cứu quốc tế quan niệm Đông y rộng rãi hơn nhiều, như đã trình bày ở trên, nghĩa là bao quát trọn vùng Đông Nam Á, phủ trùm luôn cả Ấn Độ Thái Lan.

Dược liệu của Đông y là Đông dược. Nhưng riêng đối với quốc gia chúng ta vấn đề phức tạp hơn. Vì chúng ta có thuốc Nam và thuốc Bắc chúng ta có thuốc ta và thuốc tàu. Vậy thiết tưởng

cũng cần xác định thế nào là thuốc Nam thế nào là thuốc Bắc.

Trong khi chờ đợi một định nghĩa chính xác, hoàn bị, có lẽ có thể tạm chấp nhận rằng «thuốc Nam là những vị thuốc thảo mộc, động vật và khoáng chất, nguồn gốc mọc hoang hoặc do trồng cấy, là thổ sản của Việt Nam hay đã di thực vào đất mẹ, và được giới Đông y trước kia cũng như hiện giờ thường dùng, dưới hình thức thiên nhiên hay biến chế theo phương pháp cổ truyền, nhưng cơ chế và tác dụng của một số lớn còn chưa được giải thích theo khoa học hiện đại. »

Như vậy, trước hết ta không thể quan niệm thuốc Nam chỉ là thuốc thảo mộc, vì thực tế thuốc Nam bao gồm cả thực vật, động vật và khoáng vật. Thực vật như Ích mẫu, Ngải diệp, Rau má, Cỏ xước... Động vật như Nhung hươu, Con rết, Thuyền thoái, Ban miêu... Khoáng vật như Thạch cao, Hoạt thạch, Phèn chua, Hàn the...

Phân biệt thuốc Bắc và thuốc Nam nhiều khi cũng rất khó khăn. Bởi rất nhiều vị được dùng cả ở Việt Nam lẫn Trung Quốc như Hoè hoa, Hoài sơn, Ích mẫu... Và lại, có một số vị trước giờ vẫn phải nhập của Trung Hoa, nhưng ngày nay hoặc trong tương lai ta mới hoặc sẽ phát giác, đã di thực hoặc sẽ di thực được, thì nếu còn giữ danh xưng thuốc Bắc thuốc Nam e rằng không ổn. Quan chúng Trung Hoa và đồng bào ta đều rất quý trọng Nhung. vậy Nhung phải xếp vào thuốc Nam hay thuốc Bắc? Báo chí khối Cộng cho biết miền Bắc đã di thực được Sinh địa, vậy rồi đây Sinh địa, Địa hoàng,

Thực địa là thuốc Bắc hay thuốc Nam? Sách *Hàn hàn thư* cũng như tác giả *Đào hoàng Cảnh* đều cho rằng khi *Mã Viện* ở Giao Chỉ thường dùng Y-dĩ-nhân nấu ăn rồi sau đem về Tàu làm giống, vậy Bò bo là thuốc Nam hay thuốc Bắc?

Ngay cả vấn đề phân biệt thuốc Nam, thuốc Bắc với thuốc Tây cũng không phải là dễ. Vì có những vị như Ngải cứu, Mã tiền, Cam thảo, Ba đậu, Lô hội, Phụ tử, Đại hoàng... đều được dùng cả trong Đông Y lẫn Tây Y. Nhưng hươu. Nhân sâm hiện nay đã phổ thông trong y học khoa học Xô viết. Đương qui đã từng được một nhà sản xuất dược phẩm Đức bào chế thành sản phẩm đặc chế và «hiện đang được y giới Âu Mỹ lên lút thu mua»¹. Ở Việt Nam, một vài dược phòng đã dùng Sâm, Nhung, Măng cụt, Thường sơn trong kỹ nghệ tân dược. Nhưng xử dụng thuốc Bắc một cách rộng rãi qui mô nhất — ngoài Hoa lục — là Nhật Bản: hàng trăm vị Đông dược đã được trình bày dưới dạng «thuốc Tây» để tung bán trên thị trường xứ hoa Anh đào².

Trong thực tiễn dụng dược hằng ngày, thuốc Nam và thuốc Bắc chỉ khác nhau ở địa lý thu hái mà giống nhau ở bản chất. Trái lại Đông dược khác Tây dược ở phương pháp bào chế và lẽ lối xử dụng, phục dụng. Phần lớn cơ chế tác dụng của thuốc Nam thuốc Bắc chưa được giải thích theo khoa học hiện đại mà còn ở phạm vi kinh nghiệm. (Nhưng ngay trong Tây Y, người y sĩ dùng thuốc trong lâm trường hợp cũng chỉ dùng theo kinh nghiệm và thực nghiệm, chứ không hiểu rõ cơ chế tác dụng của thuốc). Tuy nhiên, tác

dụng của thuốc Đông cũng đã được giải thích, nhưng là giải thích theo những quan niệm của hệ thống lý luận Đông Y, mà tối đại đa số Tây y sĩ chưa quen hoặc chưa biết lẽ lối lý luận ấy.

Tóm lại, đối tượng nghiên cứu là những dược liệu của Đông Y — Đông Y hiểu theo nghĩa tương đối hẹp — tức là những thứ thuốc các bậc tiền y Việt Hoa vẫn thiên dụng và đang được người y sĩ cổ truyền Việt Nam khai thác.

II.— VẤN ĐỀ ƯU TIÊN: ĐỊNH DANH KHOA HỌC.

Công tác thứ nhất cần làm để đặt căn bản cho vấn đề nghiên cứu khoa học các loại Đông dược là định danh khoa học. Bởi vì danh xưng các dược liệu của nền y lý cổ truyền phương Đông đã được chủ yếu đặt theo Hán tự, và khi truyền sang ta, sang Đại Hàn, sang Nhật Bản thì hoặc địa phương hóa hoàn toàn hoặc biến thể nhiều hay ít. Riêng đối với Việt Nam thì tên các Đông dược phần lớn là tên Việt Hán, ngoại trừ thuốc Nam có một số mang tên quốc ngữ nhưng bên cạnh một số khác lại có cả tên Việt Nam lẫn tên Việt Hán.

1. Dương N.V. — Thử tìm một đường hướng mới cho nền Dược học Việt Nam. Tập san Dược học. Dược sĩ Đoàn Quốc Gia, 14; : 29-32, 1.1970.

2. Cuốn *Japanese Drug Directory*, ấn bản 1968, ghi nhận 1663 vị thuốc thảo mộc và động vật, phần lớn là của y lý cổ truyền, được dùng trong kỹ nghệ bào chế hiện đại. Ngoài ra, cả trăm vị Đông dược đã chính thức có tên trong Dược điển Nhật Bản (*Sources of Crude Drugs, in Japanese Drug Directory, Japan Pharmaceutical Traders' Association* : 661-705. Tokyo, 1963 và *Japanese Pharmacopoeia, Seventh Edition, Part I, 1961, Part II, 1962*).

Vú bò, Muồng lác, Lá hén là những từ hoàn toàn dân tộc. Nhưng quả trám còn được gọi là cảm lăm, cá măng có danh xưng Trung Y là cảm ngư, tri thù là tên khai sinh văn hoa của con nhện nhện..

Khi đề tựa bộ Nam dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh thiền sư, Vương vụ Trí, sống cách chúng ta hơn năm thế kỷ, đã nhận định về tên thuốc nói chung, tên thuốc Nam nói riêng : « Trong sách này, về tên gọi các vị thuốc, theo lời giải trước, còn có nhiều chỗ gọi tên này ra tên kia, lẫn lộn như thế, dần dần mất tích, xét các sách tập giải thì tên gọi và khí vị khác nhau, hình thức và dược tính xa nhau nếu nói rằng đã đủ và đúng thì sợ chưa được, song quen dùng đã lâu, trị bệnh đã nhiều, nên không dám sửa chữa. Cốt đủ mách chỉ cho người là được nên hãy tạm đề vậy mà chép cho đủ các khoa, các loại, xem như sương mùa thu với mây mùa đông, cũng không sai bao nhiêu ».

Dĩ nhiên chúng ta ngày nay không được phép lầm lẫn « sương mùa thu » với « mây mùa đông », nhất là trong phạm trù thuốc men. Cho nên việc xác định tên khoa học cho Đông dược trở thành cấp thiết. Những tên thuốc Đại hoàng, Cam thảo, Nhân sâm chỉ thông dụng đối với Trung Hoa và Việt Nam. Còn muốn nghiên cứu, tham khảo các tài liệu y học quốc tế, đương nhiên phải dùng đến các tên khoa học, bằng La ngữ: *Rheum officinale* H.Bn., *Glycyrrhiza glabra* L., *Panax ginseng* C.A. Meyer.

Công việc định danh khoa học này không quá khó, vì các giới khảo cứu quốc tế đã và đang

làm rất tích cực. Tuy vậy cho đến nay, một số Đông dược vẫn chưa được định danh khoa học một cách thống nhất, hoàn chỉnh. Bởi một danh xưng Đông dược thảo có thể bao gồm nhiều cây cỏ khác loài, khác giống và khác cả họ thực vật nữa.

Chẳng hạn vị Mộc thông. Đây là một dược liệu ta vừa nhập của Trung Hoa vừa khai thác trong nước. Nhưng ngay bản thân Mộc thông của Trung Quốc cũng không thống nhất. Giới khoa học đã thống kê phát hiện thấy hơn mười cây khác nhau, nhưng chủ yếu thuộc hai họ Mã đầu linh (*Aristolochiaceae*) và Mao căn¹ (*Ranunculaceae*), đều được Đông Y xử dụng dưới tên Mộc thông.

Tiền nhân chúng ta coi bốn vị thuốc Sâm, Nhung, Quế, Phụ là quý nhất, trong kho tàng dược liệu cổ truyền. Nếu ba vị thuốc trên chỉ gây rất ít phiền toái trong vấn đề định danh khoa học, thì vị thuốc thứ tư, Phụ tử, là một danh xưng bao trùm hàng mấy chục loài thực vật, trước hết và chủ yếu thuộc giống *Aconitum*, họ Mao căn (*Ranunculaceae*), nhưng ngoài ra lại có khi chỉ những cây thuộc một họ rất xa lạ, không hề có giấy mờ rề má gì với họ Mao căn, như họ Đại kích (*Euphorbiaceae*) và họ Môn (*Araceae*).

Với hai tên Sa nhân Đậu khấu, giới Đông y sĩ dùng quả của nhiều loài cây khác nhau tuy đều thuộc họ Gừng

1. — Những danh từ thực vật học dùng trong bài này phần lớn tham khảo trong cuốn Danh từ Thực vật Pháp Việt do Tiểu ban Thực vật học thuộc Ủy ban soạn thảo danh từ khoa học biên soạn, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu phát hành (ấn bản 1963).

(*Zingiberaceae*) nhưng tên La tinh còn rất hỗn loạn. Vấn đề định danh khoa học ở đây cực kỳ khó khăn phức tạp vì nhiều lý do. Trước hết, để xác định danh tính khoa học, các tác giả ngoại quốc và Trung Hoa dựa vào sự phân biệt trong những tài liệu nghiên cứu của Trung Quốc là nơi tiêu thụ nhiều nhất, nhưng nhiều loại Sa nhân người Tàu hiện dùng cũng phải nhập cảng của ta, của Ấn độ, của Campuchia, của Nam dương... Và lại, tài liệu của Trung Quốc phần lớn cũng vẫn phải dựa vào tài liệu nước ngoài, kể cả những văn bản của Pháp viết về cây cỏ Việt Nam. Mà những tài liệu này, theo chỗ chúng tôi hiểu biết, thì nhiều khi vẫn chưa chính xác lắm!

Lại có những trường hợp cùng một tên thuốc Đông Y nhưng mỗi quốc gia hay địa phương lại dùng mỗi loài khác nhau: Đương qui Trung Hoa — có thể xem như Đương qui chính thức — là *Angelica sinensis* (Oliv). Diels, Đương qui Đài loan là *Angelica formosana* L., Đương qui Nhật Bản là *Ligusticum aculobum* Sieb. et Zucc. và Đương qui Triều Tiên là *Angelica Uchiyamana* Yabe. Ở Việt Nam, chúng ta chưa phát hiện được Đương qui nên chưa rõ sẽ phải dành cho vị huyết được này tên gì, nhưng nếu muốn cho đầy đủ, tưởng cũng có thể kê thêm một loại dược thảo tương cận của Âu Tây là *Angelica archangelica* L.

Tức mạch là quả dính¹ của nhiều cây, cùng thuộc họ Hòa bản (*Gramineae*), nhưng gồm nhiều loại và giống khác nhau: *Avena fatua* L., *Avena nuda* Min., *Avena sativa* L., *Bromus japonicus* Thunb...

Riêng đối với một vị Tảo hươu của Việt Nam, A. Pételot trước đây đã xác định là có ít nhất năm loài khác nhau, mà ba loài đã được định danh khoa học (*Paris delavayi* Franch. *Paris hainanensis* Merr. và *Paris fargesii* Franch), còn hai loài chưa xác định tên, một được phát hiện ở gần một khe nhỏ giữa đường Chapa-Bình lư, một được tìm thấy ở dốc 400m vùng núi Ba vì (Sơn Tây) và trên bờ suối có nhiều bóng rợp giữa đường Hà Nội — Hòa Bình. Tuy vậy, danh từ quốc tế được công nhận tạm thời của vị Tảo hươu — cũng còn gọi là Thảo hà xa — lại là *Paris polyphilla* Smith.

Những ví dụ thuộc các loại vừa trình bày không kể xiết. Tuy nhiên, đối với phần lớn các vị thuốc Bắc, danh xưng khoa học đã được xác định rồi — dầu nhiều khi có thể chưa thống nhất — nên công tác bị khảo cũng nhẹ đi nhiều lắm. Vấn đề có phần phức tạp hơn đối với thuốc Nam, nhưng thiết tưởng cũng có thể tiến hành định danh khoa học sơ bộ tại chỗ, ngay nơi phát hiện cây thuốc vị thuốc, nhưng dĩ nhiên bao giờ cũng phải kiểm tra lại cẩn thận tại phòng thí nghiệm, đối chiếu với các tài liệu cho chắc chắn, và nếu cần thì nhờ đến các nhà thực vật học ngoại quốc.

Sau khi xác định tên khoa học còn cần xác định tên cỏ hay tên Trung Hoa của vị thuốc, vì chúng ta phải tìm tài liệu về dược thảo không những trong các thư liệu Y khoa

1. Quả dính (*caryopsis*): quả khô, khi chín không nở ra, trong đựng một hạt. Vỏ hạt dính liền với vỏ quả.

hiện đại, mà còn cả trong những thư tịch kinh điển nữa.

Tóm lại, việc cần làm đầu tiên trong công tác điều nghiên dược liệu Đông Y là xác định tên khoa học của cây thuốc, tức là một bước căn bản quan trọng. Có biết được tên khoa học của cây thuốc vị thuốc mới tìm được xem cây ấy vị ấy đã được thế giới nghiên cứu chưa, cây ấy vị ấy có được dùng ở nước nào khác không, hay chỉ đặc dụng ở Việt Nam ta thôi? Nếu đã được nghiên cứu rồi thì chúng ta sẽ tham khảo, vận dụng phương pháp người ngoài đã tiến hành rồi vào bối cảnh, điều kiện cụ thể của quê hương. Như vậy sẽ tiết kiệm được một thời gian mà mầm thường khi rất lớn.

Kết quả thu lượm được sẽ tổng kết vào một cuốn sách, mà chúng ta tạm gọi là một tập đối chiếu được danh.

III. CHUNG QUANH MỘT CUỐN SÁCH CỦA NGUYỄN VĂN DƯƠNG

Chúng tôi đề nghị mệnh danh cuốn sách là một tập đối chiếu vì trong tài liệu này, chúng ta sẽ chỉ lập một bảng liệt kê tên các vị thuốc Bắc, thuốc Nam cùng những tên khoa học liên hệ.

Thực ra thì công việc này đã được làm rồi.

Dựa vào một số tài liệu bằng Pháp, Đức, Anh, Nhật và Hoa ngữ. Dược sĩ Nguyễn văn Dương¹ trong ban giảng huấn Dược Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, đã thống kê được tất cả 734² vị dược thảo và dược liệu Đông Y, đối chiếu với tên khoa học,

kèm theo họ thực vật, phần tử được dụng và tên vị thuốc Nam tương ứng, nếu có.

Cuốn sách, tuy chỉ dày 114 trang, nhưng có rất nhiều ưu điểm.

Trước hết, về hình thức, sách ấn loát cực kỳ công phu, trên giấy láng dày, hầu như không có chỗ nào in nhảm. Tên thuốc lại được ghi vừa bằng chữ nho vừa bằng chữ quốc ngữ, rất tiện cho việc đối chiếu, tra cứu. Các danh xưng La ngữ đều ấn loát hoàn toàn phù hợp với quy ước quốc tế. Không ai có thể không ngưỡng mộ thiện chí vượt bực của tác giả trong chiều hướng nghiên cứu y lý cổ truyền và đây thiết tưởng là một nét son tươi nhất trong công trình trước tác của Nguyễn văn Dương, vốn là một ngòi bút rất quen thuộc của y giới, đã đơn độc xung phong mở nhất cuộc khoa học đầu tiên, nhất cuộc khai phá, vào khoảng đất bao la và hoang vu của y lý cổ truyền ở Việt Nam.

Người viết chỉ có một vài ý kiến thô thiển góp thêm cùng tác giả³

1. — *Một số vị thuốc Đông cần được ghi thêm.* Có những vị đáng được ghi thêm vì tính cách rất hoặc khá phổ thông trong kho tàng Đông dược. Chắc chắn DS Nguyễn văn Dương biết rõ điểm này, nhưng có lẽ Ông thiếu tài liệu nghiên cứu

1. Dương N.V. Định danh dược thảo và dược liệu Đông Y. Dược Sĩ Đoàn Việt Nam xuất bản. Sài Gòn 1971.

2. Trong số 734 vị được liệt kê, có nhiều danh xưng cùng chỉ một vị.

Nếu trừ những trường hợp này ra, tổng số dược liệu ghi nhận được vào khoảng 600 vị.

3. Xin xem thêm ý kiến của DS Nguyễn văn Dương trong phần bổ túc ở cuối bài.

và không rõ tên khoa học tương ứng của những dược liệu mà Ông đã bỏ sót Chẳng hạn Xích thước (*Paonia lactiflora* Pall., *P. obovata* Maxim., *P. verticillata* Lynch.)¹, Hồng đậu khấu (*Alpinia galanga* Willd.) Tần cửu (*Gentiana macrophylla* Pall.), Xà can *Belamcanda chinensis* (L., DC. Bạch tiền nay đã được xác định danh xưng khoa học về loại: *Cynanchum stauntoni* (DCne.) Hand. Mazz. và *Cynanchum glaucescens* (DCne.) Hand. Mazz.² Ngoài ra, sự hiện diện của một số dược liệu khác cũng là điều đáng ước mong, vì giá trị nội tại của tài liệu, cần được và chắc cũng đã được tác giả quan niệm là một tài liệu tra cứu. Vài dược liệu loại này sẽ được chúng tôi liệt kê ở tiểu đoạn 5.

2. Về các dược liệu thuộc động vật (trang 97-98) thì một số không được tác giả đan cử và hầu hết không có tên khoa học kèm theo. Trong phạm vi này, các bản thảo Trung Hoa thường dùng hai phương thức, mà thiết tưởng chúng ta có thể mô phỏng: hoặc *minh định tên khoa học của động vật hay thành phần động vật gốc nguồn dược liệu*, hoặc *đặt tên La ngữ tương ứng theo qui cách ngôn từ thông dụng*.

a) Chẳng hạn, theo lẽ lối thứ nhất, rất phổ thông, chúng ta có (Bạch) Cương tâm là *Bombyx mori* L. hoặc *Bombyx cum Batryte*,³ Địa long là *Lumbricus terrestris*, Ngô công là *Scolopendra subspinipes mutilans* (L.) Kock., Toàn yết là *Buthus martensi* Karsch, Bạch hoa xà là *Agkistrodon acutus* Guenther hay *Bungarus multicinctis* L., Cáp giới là *Gecko gecko* L. v.v... Đây là những dược liệu được dùng toàn bộ, nguyên

con. Nếu chỉ xử dụng từng cơ quan, từng bộ phận, từng chất hiệu thì phải minh định thêm tên bộ phận được dụng: Hải phiêu tiêu, Ô tặc cốt là *Os Sepiae*, Phong mật là *Mel (Apis cerana Fabr.)*, Mấu lệ là *Concha Ostreae*, Tầm ra là *Faeces Bombycum*, Ngũ linh chi là *Faeces Troglodyterorum* hay *Excrementum Pteropi*, Thuyền thoái là *Periostracum Cicadae*, Tang phiêu tiêu là *Oötheca Mantidis* hay *Vagina Ovorum Mantidis*, A giao là *Gelatina nigra*, Dạ minh sa là *Excrementum Vespertili*, Lộc giác là *Cornu Cervi*, Lộc giác sương là *Cornu Cervi Degelatinatum*, Lộc nhung là *Cornu Cervi Pantotrichum*, Tê giác là *Cornu Rhinoeri*, Hồ cốt là *Os Tigridis*, Kê nội kim là *Corneum Stomachichum Galli* hay *Endothelium Corneum Gigeriae Galli*, Ngưu đàm là *Fel Bovis*, Hùng đàm là *Fel Ursi*, Miết giáp là *Carapax Amydae*, Qui bản là *Carapax Testudinis*, Đại mao là *Carapax Eretmochelyos*, Ngưu hoàng là *Calculus Bovis*, Xà thoái là *Periostracum Serpentis*, Xuyên sơn giáp là *Squama Manitis*, v.v... Loài người có thể cung cấp *Placenta Hominis*, *Urina Hominis*, *Calamitas Urinae Hominis*, *Pulvis Glycyrrhizae Prae-*

1. — Ở đây chúng tôi ghi tên khoa học của cây thuốc, chứ không phải của vị thuốc (xin xem tiếp ở dưới).

2. — Trung dược tài cập kỳ thành phương chế tể (Hương Cảng), : 86, 1972.

3. — Đặt tên như vậy vì Bạch cương tâm là con tằm ăn lá dâu bị bệnh chết cứng thẳng do trùng *Batry is bassionna* Bal.

THÀNH PHẦN DỰ ỢC DỤNG		TH Í D Ụ	
LA NG Ữ	VIỆT NG Ữ	TÊN KHOA HỌC	TÊN HÁN VIỆT (CỦA VỊ THUỐC)
		CỦA VỊ THUỐC	CỦA CÂY HAY TH Ụ
<i>Arillus</i>	Tử y (cùi, cơm)	<i>A·illus Longanae</i>	<i>Euphoria longana</i> (Lour.) Steud.
<i>Bulbus</i>	Giò, hành	<i>Bulbus Fritillariae Thunbergii</i>	<i>Fritillaria verticillata</i> var- <i>Thunbergii</i> Bak.
<i>Cacumen</i>	Ngọn cây mang hoa	<i>Cacumen Tamaricis</i>	<i>Tamarix chinensis</i> Lour.
<i>Calculus</i>	Kết - thạch	<i>Calculus Equi</i>	<i>Equus caballus</i> L.
<i>Carapax</i>	Mai, giáp	<i>Carapax Amydae</i>	<i>Amyda sinensis</i> Weigmann
<i>Caulis</i>	Dây leo	<i>Caulis Clematidis Armandi</i>	<i>Clematis A·mandi</i> Franch.
<i>Concha</i>	Vỏ ốc, xa cừ	<i>Concha Cypraeae</i>	<i>Erosaria (Ravitrana) Caput</i> <i>serpentis</i> L.
<i>Concretio</i>	Kết - thê	<i>Concretio Silicea Bambusae</i>	<i>Bambusa arundinacea</i> L.
<i>Cornu</i>	Sừng	<i>Cornu Rhinoceri Asiatici</i>	<i>Rhinoceros unicornis</i> L.
<i>Cortex</i>	Vỏ	<i>Cortex Moutan Radicis</i>	<i>Paeonia suffruticosa</i> Andr.
<i>Dens</i>	Răng	<i>Dens Draconis</i>	Không có
<i>Exorcarpium</i>	Ngọt bì	<i>Exorcarpium Citri Rubrum</i>	<i>Citrus reticulata</i> Blanco
<i>Faeces</i> (hay <i>Excrementum</i>)	Phân	<i>Faeces Troglodytorum</i>	<i>Trogloperus</i> sp.
<i>Fel</i>	Mật	<i>Fel Ursi</i>	<i>Selenarclos thibetanus</i> Cuvier
<i>Flos</i>	Hoa	<i>Flos Inulae</i>	<i>Inula japonica</i> Thunb.
<i>Folium</i>	Lá	<i>Folium Pleioblasti</i>	<i>Pleioblastus amarus</i> (Keng) Keng
<i>Fructus</i>	Trái	<i>Fructus Aesculi</i>	<i>Aesculus chinensis</i> Bge.
<i>Herba</i>	Toàn cây (có)	<i>Herba Cynomorii</i>	<i>Cynomorium coccineum</i> L.

<i>Lignum</i>	Thân cây (gỗ)	<i>Lignum Pini Nodi</i>	<i>Pinus tabulaeformis</i> Carr.	Dầu tùng tiết
<i>Medulla</i>	Lõi	<i>Medulla Tetrapanacis</i>	<i>Tetrapanax papyrifera</i> (Hook) Koch	Thông thảo
<i>Membrana</i>	Màng	<i>Membrana Follicularis Ovi</i>	<i>Gallus gallus domesticus</i> Briss.	Phong phụng y
<i>Nidus</i>	Tổ	<i>Nidus Vespae</i>	<i>Polistes mandarinus</i> Sauss.	Phong phòng
<i>Nodus</i>	Ngó, đốt, mắt	<i>Nodus Nelumbinis Rhizomatis</i>	<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.	Ngẫu tiết
<i>Nux</i>	Hột	<i>Nux Prinsepiae</i>	<i>Prinsepia uniflora</i> Batal.	Duy nhân
<i>Os</i>	Xương, cốt	<i>Os Tigridis</i>	<i>Panthera tigris</i> L.	Hồ cốt
<i>Pericarpium</i>	Quả bì	<i>Pericarpium Citri Reticulatae Viride</i>	<i>Citrus reticulata</i> Blanco	Thanh bì
<i>Periostracum</i>	Xác (súc vật)	<i>Periostracum Cicadae</i>	<i>Cryptotympana atrata</i> Fabr.	Thuyền thoái
<i>Petiolus</i>	Cuống lá	<i>Petiolus Trachycarpi</i>	<i>Trachycarpus fortunei</i> H. Wendl.	Tổng lư
<i>Pollen</i>	Phấn hoa	<i>Pollen Typhae</i>	<i>Typha angustata</i> Bory et Chabard	Bồ hoàng
<i>Radix</i>	Rễ	<i>Radix Changii</i>	<i>Changium smyrnioides</i> Wolff	Mình đàng sâm
<i>Ramulus</i>	Cành	<i>Ramulus Euonymi</i>	<i>Euonymus alatus</i> (Thunb) Regel	Quí tiền vũ
<i>Receptaculum</i>	Đế hoa	<i>Receptaculum Nelumbinis</i>	<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.	Liên phòng
<i>Rhizoma</i>	Thân rễ, căn hành	<i>Rhizoma Nardostachyos</i>	<i>Nardostachys chinensis</i> Batal.	Cam tùng
<i>Secretio</i>	Chất bài tiết	<i>Secretio Bufonis</i>	<i>Bufo bufo gargarizans</i> Cantor	Thiềm tở
<i>Semen</i>	Hột	<i>Semen Gynandropsis</i>	<i>Gynandropsis gynandra</i> L.	Bạch hoa thái tử
<i>Spica</i>	Bông ¹	<i>Spica Prunellae</i>	<i>Prunella vulgaris</i> L.	Hạ khô thảo
<i>Spina</i>	Gai	<i>Spina Gleditsiae</i>	<i>Gleditsia sinensis</i> Lam.	Tạo giác thích
<i>Stigma</i>	Núm nhụy ²	<i>Stigma Croci</i>	<i>Crocus sativus</i> L.	Phiên Hồng hoa
<i>Taenia³</i>	Sợi, dải	<i>Bambosae in Taenia</i>	<i>Phyllostachys nigra</i> var. <i>henonis</i> Stapf.	Trúc nhự

1.— Spica là cành hoa mang hoa không cuống, hoa non (nụ) ở phía ngọn, hoa già đã nở ở phía gốc. Thí dụ cỏ roi ngựa, bông mã đề.

2.— Stigma còn được gọi là đầu nhụy; phần ở đầu ngọn và nhụy, có nhiệm vụ thu nhận các hạt phấn.

3.— Trong bảng này, chúng tôi chỉ đưa cơ sở thông và thường chọn làm ví dụ các dược liệu chưa được Nguyên văn Dương liệt kê.

*paratus*¹ tức là các vị Tử hà xa, Đồng tiện, Nhân trung bạch, Nhân trung hoàng v.v..

b) Theo qui cách thứ hai, tức là đặt tên dựa vào *quán lệ ngôn ngữ*, chúng ta có thể kê làm ví dụ Long xỉ, Long cốt (*Dens Draconis*, *Os Draconis*). Những ví dụ loại này không nhiều. Ở đây vấn đề định danh đã dựa vào tên gọi thông dụng của vị thuốc mà không căn cứ vào căn bản khoa học nào, bởi làm gì có con thú nào là con rồng trong khoa học!

3. *Động vật* tưởng cũng cần được ghi họ như đối với thực vật, mà điều này thì công trình của DS Nguyễn văn Dương còn thiếu. Hơn nữa, ở từ Hải mã, có lẽ cũng cần bổ túc vài loại, như Thích hải mã (*Hippocampus histrix* Kaup.). Tam ban hải mã (*Hippocampus trimaculatus* Leach.) tức là các loài Hải mã có gai và Hải mã có ba khoang.

4. Đối với các dược liệu thuộc khoáng chất (trang 93), thiết tưởng nên ghi thống nhất bằng tên khoa học tức là dùng *La ngữ*. Do đó, chúng tôi nghĩ thay vì Borneol, Calomel, Cinab, Talc, chúng ta có lẽ nên ghi *Borneolum*, *Calomelas*, *Cinnabaris*, *Talcum*... Có nên đề nghị làm lễ khai sinh khoa học cho tập đoàn Chu thạch, Xích thạch, Huyết thạch, Đại giả thạch với danh xưng *Halloysitum rubrum*?

5. Có lẽ nên ghi danh từ sinh dược cho tất cả các dược liệu. Hơn thế nữa, có lẽ nên cải biến và thống nhất lối định danh khoa học Đông dược: thay vì dùng danh từ khoa học của *cây thuốc* (gồm giống và loài) để chỉ *vị thuốc*, có lẽ nên minh định thành phần *dược dụng* và dựa vào phần tử dùng làm thuốc để đặt tên khoa học cho vị thuốc. Như

vậy, những từ *La* tính chỉ phần tử được dùng sẽ trở nên thành phần bất khả phân trong danh xưng khoa học của Đông dược, đứng trước (hoặc đứng sau) những từ chỉ tên vị thuốc gốc nguồn, những từ chỉ tên này dĩ nhiên là danh từ ở cách 2 (Sinh cách) số ít theo văn phạm *La ngữ*, như trong phụ bản liệt kê trang 476

Theo phương thức định danh này, chúng ta sẽ có, chẳng hạn:

(vị) Long nhãn nhục : *Arillus Longanae*

(cây) Long nhãn : *Euphoria longana* (Lour.) Steud.

(vị) Mã bửu : *Calculus Equi*

(con) Ngựa : *Equus caballus* L.

(vị) Trúc nhự : *Bambosae in Taenia*

(cây) Đạm trúc : *Phyllostachys nigra* var. *henonis* Stapf.

(vị) Phong phụng y : *Membrana Follicularis Ovi*

(con) Gà : *Gallus gallus domesticus* Briss.

(vị) Thanh đại : *Indigo Pulverata* Levis.

(cây) Thanh đại : *Baphicacanthus cusia* Bremek.

(vị) Phụ tử : *Radix Aconiti Praeparata*

(cây) Phụ tử : *Aconitum Carmichaeli* Debx.

Kinh qua lối định danh này, chúng ta thấy trước hết có cái lợi thực tiễn là giới khoa học quốc tế

1. Dược định danh như vậy vì lối bào chế rất độc đáo, dùng đến Cam thảo (*Radix Glycyrrhizae glabrae* và *Radix Glycyrrhizae uralensis*)

khi xem tên vị thuốc thì biết ngay Đông Y dùng bộ phận nào, nói cách khác, phần tử được dùng được minh định cùng với được danh. Cho nên :

— Vị Long nhơn *Arillus Longanae* là tử y của trái cây Nhãn *Euphoria longana* (Lour.) Steud.

— Vị Mã bửu *Calculus Equi* là kết thạch trong cơ thể con ngựa *Equus caballus* L.

— Vị Trúc nhự *Bambosae in Tarenia* là sợi thân cây (tre) Đạm trúc *Phyllostachys nigra* var. *henonis* Stapf.

— Vị Phong Phụng y *Membrana Follicularis Ovi* là lớp màng mỏng bao quanh quả trứng con gà *Gallus gallus domesticus* Briss.

— Vị Thanh đại *Indigo Pulverata Levis* là bột mịn lấy từ cành lá cây Chàm. Cây này có nhiều loài, như loài *Baphicacanthea cusia* Bremek., loài *Indigofera tinctoria* L., loài *Polygonum tinctorium* Lour., loài *Isatis tinctoria* L.v.v.

— Vị Phụ tử *Radix Aconiti Praeparata* là những chỗ phôi lấy từ rễ của nhiều loại cây phần lớn thuộc giống *Aconitum*.

Hệ quả đương nhiên là sẽ tránh được nhầm lẫn khi dùng một cây thuốc mà Đông Y lại xử dụng nhiều bộ phận, dưới những tên Đông dược có thể là khác nhau. Cùng một cây Ích mẫu *Leonurus sibiricus* L. nhưng vị Ích mẫu thảo vì là toàn cây Ích mẫu nên sẽ mang tên *Herba Leonuri* và vị Sung úy tử vì chỉ là quả phơi khô của cây Ích mẫu nên sẽ được gọi là *Fructus Leonuri*.

Chỉ một cây Riêng nếp *Alpinia officinarum* Hance nhưng vị Cao lương khương bào chế từ thân rễ sẽ là *Rhizoma Alpiniae* và vị Hồng đậu khấu, vốn là quả chín phơi khô sẽ là *Fructus Alpiniae*...

Trong trường hợp có nhiều dược thảo cùng thuộc một giống nhưng khác loài thì để đạt mức chính xác cần thiết, chỉ một vị thuốc được « đặc cách » khai sinh theo kiểu tên hai chữ, các vị thuốc còn lại bắt buộc phải có tên ba chữ, với một hình dung từ bổ túc. Cả hai cây Long đằm và Tần cửu đều thuộc giống *Gentiana*, nhưng khác loài : cây thứ nhất là *Gentiana scabra* Bge., cây thứ hai có tên *Gentiana macrophylla* Pall. Do đó, vị Long đằm, vốn là rễ cây Long đằm phơi âm can hoặc/ và phơi khô, sẽ được gọi là *Radix Gentianae* trong khi rễ cây Tần cửu phơi khô làm thuốc sẽ mang danh *Radix Gentianae Macrophyllae*.

Thực ra thì trong công trình của DS Nguyễn văn Dương, lẽ lối này cũng được áp dụng, nhưng không triệt để.

6. Trong khi định danh Đông dược, chắc chắn gặp khó khăn do tính cách phức tạp có khi đến độ gần như hỗn loạn của kho tàng dược liệu cổ truyền. Có thứ thuốc tuy cùng một vị nhưng tên gọi khác nhau tùy từng địa phương, tùy từng quốc gia ; có loài dược liệu vẫn quen dùng lại khác với tài liệu nghiên cứu từ trước đến nay. Đối với từng trường hợp cá biệt này, có lẽ nên theo cách giải quyết của y giới Trung Quốc¹ mà chúng tôi xin

1. — Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Dược Điển (Bắc Kinh) Đệ Nhất Quyển, 1963 và Dược Học 1 Hồng Báo (Thượng Hải) 10, : 289-292, 1964.

đơn cử vài ví dụ điển hình. Đối với vị **Toan tương** *Physalis alkekengi* L., mỗi địa phương ở Trung Hoa quen dùng tên khác nhau, thì trong Dược điển 1963, đã thống nhất theo Bản thảo cương mục và gọi tên là **Toan tương**. Dưới danh xưng **Ngũ gia bì**, Trung Y quen dùng vỏ rễ cây *Periploca sepium* Bge. họ Thiên lý (*Asclepiadaceae*), và vỏ rễ cây *Acanthopanax gracilistylus* W.Smith họ Đinh lăng (*Araliaceae*). Vì vậy, vị thứ nhất được cải danh là **Hương gia bì**, vị thứ hai vẫn giữ tên cũ **Ngũ gia bì**. Về **Bạch phụ tử** hiện nay có hai mặt hàng là *Typhonium giganteum* Engl. họ Môn (*Araceae*) và *Aconitum coreanum* Leveil họ Mao căn (*Ranunculaceae*), tùy theo tập quán dùng dược địa phương, nay vị thứ nhất đặt tên là **Ngu bạch phụ**, vị thứ hai là **Quan bạch phụ**. Vị **Thảo hà xa**¹ thông dụng trên thị trường là thân rễ cây *Polygonum Bistorta* L. họ Rau răm (*Polygonaceae*), mà căn cứ vào tài liệu y khoa thì lại còn có các tên **Quyền sâm**, **Tử sâm**, **Trọng lâu**, **Độc cước liên**, **Thiết đặng đài**, **Tảo hưu**¹, nhưng tên **Thảo hà xa** lúc thoát tiền được ghi trong quyển *Thực vật danh thực đồ khảo* là cây *Paris polyphylla* Sm., cho nên nếu vẫn gọi là **Thảo hà xa** thì bất ổn, không thoả đáng, nhưng nếu dùng tên **Tử sâm**, **Trọng lâu**.. thì lại sợ nhầm với các dược liệu khác, vậy đặt tên là **Quyền sâm**... Tất cả những qui định này đều có tính ước lệ, «áp đặt», không ngoài mục đích vạch một căn bản thống nhất, tiêu chuẩn, nguyên tắc, qui phạm cho vấn đề định danh Đông dược, chẳng những chỉ trong phạm trù tên khoa

học, mà cả trong lĩnh vực tên Trung Quốc hay tên Hán Việt.

IV. THỬ XÉT QUA CÁC PHƯƠNG THỨC XẾP LOẠI ĐÔNG DƯỢC

Trên cơ sở định nghĩa Đông dược đã trình bày ở một tiết mục trước, và sau khi đã soạn thảo được một cuốn danh mục đối chiếu Đông dược (việc này tương đối dễ, vì chỉ cần bỏ tấc chút đỉnh cuốn sách của Nguyễn văn Dương), chúng ta sẽ tiến hành việc thống kê phân loại các vị thuốc cây thuốc cổ truyền, và trong bước đầu, sẽ nhắm vào các cây, vị phổ thông. Phỏng theo các tài liệu giáo khoa về Dược liệu học của ngoại quốc, có thể đề nghị nhiều hình thức sắp xếp: kể các cây theo họ thực vật, theo thành phần hóa học, theo tác dụng trị liệu, theo thứ tự ABC của tên vị thuốc. DS Nguyễn văn Dương đã dùng lối sau này trong cuốn sách của mình. Thực ra thì mỗi lối sắp xếp đều có ưu và khuyết điểm riêng, và nhất là mỗi lối sắp xếp phục vụ một đối tượng riêng.

Lối phân loại theo thứ tự của tên thuốc là lối đơn giản nhất, thích hợp cho việc tra cứu, nhưng không nói lên được sự liên quan giữa các vị thuốc với nhau hay giữa tác dụng của vị thuốc và thành phần hóa học. Riêng đối với các bản thảo Trung Hoa thì lối phân loại này trở thành lối phân loại theo số nét chữ: những tên thuốc bắt đầu bằng các từ có ít nét đứng trước, những tên thuốc bắt đầu bằng các từ phức tạp phải đội số.

1. — Xin xem lại về trường hợp vị **Tảo hưu** ở trang 473.

Lối này gần như luôn luôn khoác áo vàng cho các vị Đinh hương, Đào đậu, Nhân sâm... và chỉ áp dụng trong các tự điển hay được điển.

Theo họ thực vật, các dược liệu được chia thành ngành Bí tử, Khóa tử, theo lớp, theo họ thực vật. Lối phân loại này xác minh sự liên hệ giữa giải phẫu hình học của những cây thuốc với nhau. Và lại, một đôi khi các cây cùng một họ thực vật lại chứa cùng một loại hoạt chất như những cây thuộc họ Bìm bìm (*Convolvulaceae*) thường có tác dụng tẩy; cùng họ Thạch nam (*Ericaceae*), họ Tường vi (*Rosaceae*) thường giàu tanin; các cây họ Hoa tán¹ (*Umbeliferae*) thường chứa tinh dầu.. Tuy nhiên, nhiều cây thuộc họ thực vật khác nhau có khi lại chứa cùng một hoạt chất, hoặc có thể nhiều cây cùng một họ lại chứa thành phần hóa học khác nhau hay cung cấp những phần tử dược dụng khác nhau. Hơn nữa, trong dược liệu, nhiều khi y giới không dùng toàn bộ cây mà chỉ dùng một bộ phận nào của cây thôi, do đó, lối phân loại này cũng chưa được hợp lý.

Bộ phận dùng làm thuốc cũng có thể là tiêu chuẩn phân loại: các dược liệu được chia thành vỏ làm thuốc, rễ và thân rễ làm thuốc, quả làm thuốc, toàn cây làm thuốc v.v.. Cách này có lợi là giúp cho việc kiểm tra trong phòng thí nghiệm để nhận xét hình trạng bên ngoài và vi phẫu được dễ dàng, nhưng lại không nêu lên được sự liên quan thường là rất mật thiết giữa thành phần hóa học và công dụng của vị thuốc. Và lại, cùng một cây thuốc nhưng các bộ phận được dụng lại bị tách rời, phân chia

để khảo sát ở nhiều chương, tiết, mục khác nhau. Lối phân loại này thường được áp dụng trong các thư tịch quy định về tiêu chuẩn, quy cách hay trong một số tài liệu giáo khoa.

Căn cứ vào hoạt chất chủ yếu chứa trong dược liệu, người ta có thể chia các vị thuốc ra thành dược liệu chứa tinh dầu, dược liệu chứa chất nhựa, dược liệu chứa alcaloid v.v., Lối phân loại này giúp nhận định sự liên hệ giữa thành phần hóa học của dược liệu và tác dụng của vị thuốc, đồng thời sẽ giúp ta thấy sự tương quan giữa nhiều vị thuốc có vẻ rất xa nhau nhưng vì có cùng một thành phần hóa học nên có chung một công năng trị liệu. Rồi nhờ biết được thành phần hóa học, lại tìm hiểu được sự tạo thành các chất đó trong giới thực vật, nên ta có thể tìm cách nâng cao chất lượng và hàm lượng các vị thuốc. Nhưng không thể áp dụng lối này cho tất cả các loài thực vật, vì hai lý do: hoặc vì thành phần hóa học quá phức tạp, không thể xếp vào một loại duy nhất, hoặc vì bản thể các hoạt chất chưa được biết rõ, nên không biết xếp vào loại nào.

Cuối cùng, căn cứ vào tính chất dược lý của vị thuốc, giới nghiên cứu có thể chia thành thuốc bổ, thuốc cầm máu, thuốc ho, thuốc có chất độc, thuốc chữa mắt v.v.. Lối phân loại này riêng trong trường hợp áp dụng cho Đông dược, sẽ có thể được bổ túc thêm bằng phương thức sắp xếp thuốc theo quan niệm chữa

1. Chúng tôi dùng từ Hoa tán để dịch từ Umbellifères mà không theo Tiêu bản Thực vật học của Khoa Học Đại Học Đường Sığon dịch là họ Carốt vì muốn tôn trọng ngữ nguyên học của từ liên lệ.

bệnh của Đông Y như thuốc giải biểu, thuốc tả hạ, thuốc khử thử, thuốc phương hươg khai khiếu... Lối phân loại này rất thích hợp cho việc áp dụng trong điều trị, nhưng vì một vị thuốc thường có nhiều tác dụng, nên sự sắp xếp dễ gặp khó khăn. Và lại, kinh qua kỹ thuật bào chế và nghệ thuật phối hợp thang phương của Đông Y, một vị thuốc có thể có những tác dụng mới khác hẳn trước và sau khi bào chế, hoặc công năng thay đổi rất nhiều do ảnh hưởng của các vị thuốc đồng ngũ trong phương thang. Hơn nữa trong bước đầu nghiên cứu, việc phân loại theo lối này lại càng đượm tính cách nan trung chi nan vì tác dụng của các vị thuốc Nam do quần chúng phát hiện và áp dụng nhiều khi chưa chính xác hay vì danh từ dùng chưa thống nhất giữa Đông Y và Tây Y, hay vì thiếu thốn tài liệu nghiên cứu, có khi có văn bản cò đề tham khảo, đối chiếu, có khi không.

Cần nhắc so sánh các lẽ lối sắp xếp, tiến hành dưới một giác độ thực tiễn, nhằm vào những mục tiêu thiết thực, và tự chế trong bước đầu nghiên cứu Đông dược, chúng tôi nghĩ nên áp dụng lối phân loại theo thủ tự, theo ABC, với những bản tra cứu bổ túc.

V. MỘT CUỐN SÁCH, MỘT VIÊN ĐÁ XÂY NỀN.

Sau khi giải quyết thỏa đáng các vấn đề định danh đối chiếu và phân loại Đông dược, thiết tưởng phải nghĩ tiếp đến sự kiện Đông dược liệu học Việt Nam cần có một cuốn sách làm nền móng, một cuốn sách gối đầu

giường cho những người muốn tìm hiểu thuốc Bắc thuốc Nam.

Phương thức biên soạn cuốn sách này có thể dựa vào những thư liệu đồng loại của Tây Y, tức là các loại sách *Matière Médicale* trong Pháp ngữ và *Pharmacognosy* trong Anh ngữ. Ở đây, sự đóng góp của Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Ấn Độ, Thái Lan sẽ vô cùng quý giá, vì ở những quốc gia này, cây cỏ dùng làm thuốc đã được lưu tâm nghiên cứu nhiều. Dưới một giác độ hẹp hơn, trong phạm trù Đông dược thuần túy, chúng ta có thể xử dụng các loại bản thảo Trung Hoa, Nhật Bản... như *Lôi công bào chế*, *Bản thảo cương mục*, *Trung Quốc dược dụng thực vật đồ giám*, *Trung Quốc dược dụng thực vật chí*, *Trung dược tài thư san*, *Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Dược điển*, *Trung dược ẩm phương thiết chế kinh nghiệm (Bắc Kinh)*, *Trung dược học giảng nghĩa (Thành Đô)*, *Trung dược tài cập kỳ thành phương chế tễ (Hương Cảng)*, *Sinh dược học*, *Hòa Hán Dược*, *Dược dụng thực vật học danh luận (Đông Kinh)*, *Medicinal Plants of Japan (K. Kimura and T. Kimura)*, *Japanese Medicinal Plants (K. Kimura)*, *Plantae Medicinalis Sinensis (B. E. Read)*, *Chinesisch-Tibetische Pharmakologie und Rezeptur (F. Hübötter)*, *Pharmacopée chinoise (A. Chamfrault)* v.v.. Cuốn cuối cùng này chỉ có thể có một tầm mức giá trị rất tương đối.

Chúng tôi sẽ không liệt kê thêm những thư tịch khả dụng trong lĩnh vực này nữa : Một công việc như thế, nhất là đối với *tạp chí* y, dược học sẽ choán hết các trang của *Phương*

Đồng. Chúng tôi chỉ thử đề nghị khái quát về mục tiêu và nội dung cuốn sách.

Mục tiêu cuốn sách vừa được trình bày trong các tiết mục trước : thống kê các cây thuốc vị thuốc của y lý cổ truyền và xếp loại, theo thứ tự ABC. Sau công tác xếp loại, hướng nghiên cứu sẽ qui vào hai diện : khảo sát riêng từng vị thuốc và khảo sát tổng hợp Đông dược.

I. Đối với mỗi vị thuốc, sẽ minh định những dữ kiện sau :

Tên Hán Việt
Tên Việt Nam
Tên Hán tự
Tên khoa học
Họ khoa học
Mô tả
Giám biện
Vi phẫu
Địa lý
Thu hái, sơ chế
Phần tử dược dụng
Thành phần hóa học
Tác dụng sinh lý
Lịch sử
Tính vị, Qui kinh
Công năng. Chủ trị. Liều dùng

Kiểm ký
Bảo chế
Tàng trữ
Đơn thuốc phổ thông

— Không những chỉ ghi các tên Hán Việt khác nhau mà Đông Y thường dùng để chỉ cùng một vị thuốc — mỗi vị thuốc Đông thường

có tới thiếu hai, ba tên, tới đa có khi hai, ba tá tên — mà còn phải cố tìm hiểu danh xưng Đông dược theo ngữ nguyên học. Phải chăng vì xuất sinh từ những lương thực còn thừa của vua Vũ mà một vị thuốc có tên là Vũ dư lương ? Bởi đâu cây Xương sông có những tên Hà mô lan, Hoạt lộc thảo ? Thuyết của Di Uyên cho rằng vì loài hươu (lộc) bị bắn chết, mổ bụng nhét Xương sông vào thì tái sinh, lấy ra thì lại ngã vật, thuyết ấy cắt nghĩa tên Hoạt lộc thảo với bao nhiêu bách phân chính xác ? Hay chỉ là một... chuyện cười ? Hay phải theo Lý thời Trần để giải thích rằng vì vị thuốc có khả năng giúp loài hươu nai chóng khỏi các vết thương nên mới thành tên ? Hà mô lan có liên quan gì đến loài ếch nhái ? Phải chăng vì gốc cây Xương sông là nơi những con vật này ưa ẩn nấp, trú ngụ ?

Không kém phần quan trọng là công tác định danh Hán Việt để khỏi nhầm lẫn vị thuốc này với vị thuốc khác. Phải nêu ra ở đây những qui định nghiêm ngặt. Không thể chấp nhận như Y học Đại tự điển rằng ba chữ Vũ dư lương — vốn chỉ một loài khoáng vật — lại cũng là một tên khác của Thở phục linh, vốn là một dược thảo thuộc họ Lis. Nên khai tử danh xưng Thông thảo của cây Mộc thông *Akebia quinata* Dcne vì gây nhầm lẫn với cây cho vị Thông thảo chính thống *Aralia papyrifera* Hook...

(còn tiếp)

UỐNG KHỎI CHÍCH

là tả, Kiệt ly - có đằm, màu

VEREX

NGƯỜI LÒN — CON NÍT

Số: KN 503-BY/QCĐP.29-10-63

Đông Y, chàm cứu và tương lai

Dịch giả : NGUYỄN VĂN THỌ

(Mạn đàm với một nhà chuyên môn lão luyện : BS JOHN Z. BOWERS)

(Xem từ số 17)

Hỏi.— Đông y, theo Bác sĩ, có đặc điểm gì ?

Trả lời.— Y học chúng ta có một nền tảng khoa học, còn y học cổ truyền Trung Hoa thì không.

Như quý vị đã biết, theo phong tục Trung Hoa, con người phải luôn được vẹn toàn. Cho nên, lúc chết, phải được chôn cất toàn vẹn. Vì thế, trong dĩ vãng, người Trung Hoa không có khoa cơ thể học, khoa mổ xẻ xác chết, khoa giải phẫu.

Y học Trung Hoa cũng không biết gì về vi trùng.

Họ có thuốc, hay nói đúng hơn, họ có dược liệu mà họ rất tin tưởng. Vị thuốc nổi tiếng nhất là Sâm. Sâm là một thứ củ có đuôi trê ra như củ Mandragore (phong giả) và họ tin rằng Sâm là một thần dược, uống vào, có rất nhiều công hiệu như : hạ nhiệt, giảm áp huyết, làm bớt đau...

Trung y dùng rất nhiều dược thảo. Mỗi bài thuốc đều có nhiều vị. Không bao giờ họ cho uống độc một vị.

Nếu ta hỏi họ : « Khi tim đập không đều, cho uống gì ? Họ sẽ không trả lời như ta rằng : « Cho uống Quinidine hay Digitaline, » mà sẽ trả lời : Chúng tôi sẽ cho uống 1 thang thuốc có chừng 10 hay 12 vị.

Như vậy các thang thuốc của họ luôn có nhiều vị.

Hỏi.— Bác sĩ có phải thay đổi lập trường để chấp nhận những quan điểm của Đông y không ?

Trả lời.— Thật ra, tôi không chấp nhận hoàn toàn 100% mọi quan điểm của Đông y. Tuy nhiên, tôi thiết nghĩ rằng Đông y đã được dùng tại Hoa Lục với 800 triệu dân, tại Nhật bản, tại các cơ sở kiều dân Trung Hoa hải ngoại, tại Đông Dương. Như vậy tức là gần 1/3 dân số thế giới hiện có một nền y học khác biệt với chúng ta.

Theo nhãn quan của chúng ta, thì nền y học này không có nền tảng khoa học. Nhưng, họ có thể vận lại chúng ta rằng : « Ông nói thì hay lắm, nhưng chúng tôi vẫn chẳng biết Aspirine tác dụng ra sao. — Phải, đúng như vậy. Nhưng thực ra chúng ta vẫn có một nền tảng khoa học cho đa số công tác của chúng ta.

Tuy nhiên, nếu có nhiều người, nếu 1/3 dân số trên thế giới tin vào Đông y, nếu ít nhiều quan niệm của họ có thể chứng minh được và dĩ nhiên là được, thì tôi nghĩ rằng chúng ta phải khảo sát vấn đề này cho kỹ càng.

Đó là thiên kiến của tôi. Tôi cho rằng chúng ta không thể chưa chi đã lập tức bác bỏ nó được. Tôi không chấp nhận Đông y 100%, nhưng tôi nghĩ cần phải đề tâm khảo sát nó cho hẳn hoi.

Vì thế nên tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải phái sang Hoa Lục nhiều phái đoàn khoa học.

Ví dụ, trong hai năm vừa qua, nhất là năm ngoái, người Trung Hoa đã thành công trong việc dùng châm cứu thay thuốc tê¹.

Hỏi.— Đông y có điểm nào mà bác sĩ cho là độc đáo không?

Trả lời.— Đông y có nhiều điểm độc đáo.

a) Trước hết là chuyên bắt mạch để định bệnh.

Họ tin rằng : mạch có chỗ thuộc gan, có chỗ thuộc thận, có chỗ thuộc vị, và nếu được huấn luyện hẳn hoi, quý vị có thể bắt mạch mà biết gan bị bệnh chẳng hạn. Đó là một điểm kỳ dị.

b) Họ chú trọng đến việc khám lưỡi. Tôi nhớ mẹ tôi trước cũng thường bắt tôi phải thè lưỡi ra cho mẹ tôi khám.

Người Trung Hoa rất chú trọng đến lưỡi, và đã viết sách dạy về khoa khám lưỡi.

c) Họ cũng rất chú trọng đến sự « quan hình, sát sắc » bệnh nhân.

Trong nền Đông y, chắc chắn « tâm tưởng » (psychosomatic) ảnh hưởng rất nhiều. Niềm tin là yếu tố hết sức quan trọng trong mọi nền y học. Và dĩ nhiên là người Trung Hoa rất tin tưởng vào nền y học cổ truyền của họ.

d) Một điểm độc đáo khác là Châm (Acupuncture)

e) Một điểm độc đáo khác là Cứu (Moxibustion)

Có điều lạ là người Trung Hoa thời thích Châm, còn người Nhật bản lại ưa Cứu.

Cứu là đặt các mồi ngải hoặc dài, hoặc vắn, hoặc nhọn, hoặc dẹt lên các huyết rồi đốt.

Nói cách khác, thay vì chích vào huyết, người Nhật ưa cứu nơi huyết.

1. Châm để làm tê rồi mổ khỏi thủy từ 1959, nhưng mãi đến 1967, nghĩa là sau cuộc Cách mạng văn hóa, mới thực sự thông dụng.

Muốn châm để làm tê, cần châm trước khi mổ 20 phút và cần phải xoay (vriller) kim liên tục. Hiện nay thường cho một luồng điện 9 volts chuyển vào kim để làm tê.

Thoạt kỳ thủy châm rất nhiều huyết, dùng nhiều kim, có khi tới 80. Nay chỉ còn châm vài huyết hay một huyết. Những huyết thường được châm để làm tê là :

1) Hiệp Cốc (Rokou) nơi mu bàn tay, ở góc hai lóng xương ngón trỏ và ngón cái.

2) Dương bạch (lang Pae) trái và phải giữa lòng mày.

3) Thính Cung (Ting Kong) nơi thái tai. Châm làm tê có thể áp dụng cho mọi lứa tuổi từ 02 80 tuổi. — Đã châm khoảng 400.000 người và kết quả : 90% (Các lời chú giải phỏng theo *Medical World News* January 14, 1972, hoặc theo tài liệu về *Acupuncture* của Alfred Max đăng trong *Preuves* no 9, 1^{er} trimestre 1972).

Người Tàu đốt mỗi ngày gần huyết; người Nhật đốt mỗi ngày ngay trên da

Tuy da phỏng, nhưng không đến nổi cháy, mà chỉ phỏng lên thôi.

Nếu quý vị vào một phòng chính hình ở một nhà thương Nhật, quý vị sẽ thấy ở đó, những bệnh nhân đau lưng, lưng đầy xẹo vì Cứu.

Đó là một điểm khác biệt giữa người Nhật và người Tàu. Người Tàu trái lại thích Châm.

Người Trung Hoa cho rằng họ có thể mổ đầu, mổ bụng, mổ ngực mà chỉ cần châm để làm tê. Và người Âu Mỹ đã chứng kiến sự kiện đó ¹.

Tôi thực không hiểu làm sao mà Châm có thể làm tê được ². Tôi e bệnh nhân có thể bị thôi miên ³. Dầu sao, chúng ta cũng có thể thôi miên bệnh nhân rồi mổ.

Tôi tự hỏi không biết họ có cho bệnh nhân dùng thuốc tê nào khác không, để cho bệnh nhân tê mà không mê ⁴. vì có một điều đáng ghi nhận là trong lúc mổ, bệnh nhân vẫn hoàn toàn tỉnh táo và đọc sách hồng nhỏ của Mao Trạch Đông ⁵.

Khi châm để làm tê, họ còn xoay kim, đó là một thủ thuật mới.

Trước kia chỉ châm, nay mới xoay kim ⁶. Không biết có phải là xoay kim để gây một cảm giác đau khác, do đó, làm cho bệnh nhân chia trí không. Có thể lắm ⁷.

1. Ví dụ : năm 1971, các bác sĩ Mỹ : Paul Dudley White, chuyên môn về tim (Boston), B.S. Samuel Rosen, chuyên môn về mô tai (Nữ Uớc) và B.S. E. Grey Dimond, giáo sư Đại học Missouri-Kansas City đã viếng Hoa Lục và đã chứng kiến tại bệnh viện thực tập y khoa ở Bắc Kinh (Third Teaching Hospital, Peking Medical College) một cuộc giải phẫu cắt bướu buồng trứng (kyste de l'ovaire) cho một người đàn bà 31 tuổi; cắt phổi (cắt một phần phổi) (pneumonectomie partielle) cho một bác sĩ trẻ.

Alfred Max, phóng viên báo *Réalités* et *Preuves* đã sang Bắc Kinh và đã mục kích, ngày 12-8-1971, 3 cuộc giải phẫu : Mổ ruột thừa (appendicectomy), mổ lấy cườm mắt (cataracte), và mổ cắt amygdales (hạch hạnh nhân) cho một thiếu niên 15 tuổi.

Theo tài liệu của Alfred Max, ta thấy các bác sĩ Trung Hoa còn dùng châm tê, để mổ tim (rétrécissement mitral) cắt ung thư thực quản, (cancer de l'oesophage), bướu não (tumeur du cerveau), gân xương sống (soudure de la colonne vertébrale), (một cuộc giải phẫu lâu 12 tiếng đồng hồ) v.v...

2. Hiện nay có 3 giả thuyết :

a) Châm làm tê, qua trung gian thần kinh (théorie nerveuse)

b) Châm làm tê, qua trung gian kinh lạc (théorie des méridiens)

c) Châm làm tê, qua trung gian huyết dịch (théorie du fluide corporel ou théorie endocrinienne)

3. Bệnh nhân không bị thôi miên, nhưng được chuẩn bị tư tưởng kỹ lưỡng trước khi mổ. Chuẩn bị tinh thần họ bằng cách đối xử với họ hết sức niềm nở, từ tế; giải thích cho họ về đường lối mổ xẻ; nhiều khi còn cho bệnh nhân biết sẽ mổ trong bao nhiêu phút. Mục đích là cho họ hoàn toàn tin tưởng vào các bác sĩ, vào châm và bình tĩnh khi mổ. Đang khi mổ, thường trò chuyện với bệnh nhân, có khi còn cho ăn cho uống.

4. Cũng có khi dùng Morphine 10mgr, hoặc Phénobarbital 0,2 Gr trước khi mổ. Cũng có đôi khi phải tiêm Procaine hydrochloride vào xoang màng bụng (cavité péritonéale) khi đang mổ. Nhưng đó chỉ là những trường hợp đặc biệt. Còn thì thuần dùng châm.

5. Khi mổ, bệnh nhân hoàn toàn tỉnh, và thường được hỏi về những cảm giác của họ.

6. Hiện nay khi đã châm kim vào huyết rồi, bao giờ cũng phải xoay (vriller) kim liên tục, để lúc nào bệnh nhân cũng cảm thấy ở nơi châm : hơi đau (douleur sournoise), trĩ trĩ (pesanteur), nặng nề (lourdeur) và tê lâm nhâm (fourmillement). Như vậy, công hiệu tê mới kéo dài.

7. Châm gây ra một biến chuyển nơi tế bào óc. Sự biến chuyển sinh diện ấy (modification de la bio-électrité) làm cho tế bào óc khó nhận được cảm giác đau do vết mổ gây nên. Các bác sĩ Trung Hoa cho rằng «Tiền nhập giả vi cường» (Primaute de celui qui pénètre le premier), vì thế cho nên bao giờ cũng phải châm và xoay liên tục trước khi mổ chừng 20 phút.

Lại nữa thường huyết được châm cũng cần phải gần phía đầu hơn chỗ mổ (Supériorité de l'emplacement).

Có khi họ còn truyền điện vào kim để gây chấn động nhỏ, để cho một luồng điện nhẹ chạy vào trong người. Đó cũng là một cải tiến ¹



HÌNH TRÁI.— Hình ĐỐC MẠCH với 30 huyết. Huyết thấp nhất (Trường Cường) của Đốc mạch liên quan đến khí lực (physical energy); huyết cao nhất (Bá hội) của Hốc mạch liên quan đến sức mạnh tinh thần và trí tuệ (moral and intellectual force)

Khoa châm cứu có 12 kinh. Kinh là một đường trên có các huyết. Châm cứu phải theo các đường kinh ấy.

HÌNH MẶT.— Hình vẽ chỉ dẫn về mạch, nhan đề là « PHÂN PHỐI TẠNG PHỮ MẠCH ĐỒ ».

Đại khái, mạch tay trái, tay phải đều chia thành Thốn, Quan, Xích, tương ứng với Tam tài : Thiên, Địa, Nhân. Mỗi mạch ứng với 1 tạng hay 1 phủ trong người.

Vì dụ : Hữu Thốn ứng với phổi, ruột già.

Hữu Quan ứng với Tì, Vị.

Hữu Xích ứng với Đại trường và Thận (Mệnh môn hỏa)

Tả Thốn ứng với Tim.

Tả Quan ứng với gan

Tả Xích ứng với Thận, bàng quang, ruột non (Đấy tôi chỉ toát lược chứ không nhất thiết dịch nguyên văn cũng như không dịch toàn bộ chủ giải của hình trên).

1. Các kim châm được nối liền với một máy phát điện nhỏ, để cho chạy vào huyết châm, một luồng điện 9 volts.

Vì thế tôi nghĩ rằng cần phải gửi sang Hoa Lục những chuyên viên về thần kinh, về dược học, về tê mê, để khảo sát xem những thủ thuật ấy có gì là khoa học chăng.

Nếu không có gì là khoa học, thì ít ra cũng phải công nhận một thực tại là Châm có công hiệu...

Các bác sĩ giải phẫu Trung Hoa nói rằng : họ không hiểu Châm công hiệu thế nào, nhưng Châm có công hiệu thật ².

Cũng có bệnh nhân Châm mà không tê. Các bác sĩ Trung Hoa cho rằng đó là vì họ không định thần đủ. Đó cũng là một quan điểm cần được khảo sát ³.

Quý vị biết hiện nay ở Mỹ, cũng có nhiều phụ nữ tự huấn luyện để đỡ không đau.

Điều này liên quan thế nào đến chuyện huấn luyện bệnh nhân Hoa Kỳ để cho họ chịu cho Châm, khi mổ bụng chẳng hạn, đó cũng là một điều cần được nghiên cứu ⁴.

Hỏi.— Khi ở Viễn Đông, Bác sĩ có dùng thuốc Tàu Bao giờ không ?

Trả lời.— Tôi có dùng thử sẫm, nhưng chưa bao giờ thử châm cứu. Tôi sợ bị châm bằng kim bẩn, rồi bị sưng gan thì phiền.

Tôi thấy các châm cứu gia (châm y) thường không lo khử trùng cần thận, như chúng ta thường làm.

Tôi vẫn còn nhớ đã chứng kiến một châm y ở Hồng Kông chữa bệnh cho một phụ nữ Trung Hoa. Bà này nằm xấp mặc quần Jeans dày. Châm y lấy rượu chùi kim rất cần thận, cho thấy là đã khử trùng. Nhưng khi châm, thì ông ta lại châm qua quần bà ta. Như vậy, thực chẳng sạch sẽ gì.

Hỏi.— Người Trung Hoa có cơ hội học Tây y không ?

Trả lời.— Nếu trường y khoa Peking Union Medical College và trường y khoa ở Thượng Hải — 2 trường này chuyên dạy Tây y — còn hoạt động,

2. Cách đây mấy năm ở Hoa Lục còn dùng khoa tê mê của Âu Châu để mê trong 90% các cuộc giải phẫu. Ngày nay, trái lại, họ dùng châm cứu thay tê mê Âu Châu, trong 90% các cuộc giải phẫu. Họ đã áp dụng châm làm tê cho 400.000 cuộc giải phẫu lớn, nhỏ, và kết quả hơn 90%.

3. Những bệnh nhân nhất sợ, khi vào phòng mổ, khi thấy quang cảnh đao, kéo, kim cặp, thời đâm hoảng, mất bình tĩnh. Lúc ấy lại phải dùng khoa tê mê cổ điển.

Người bệnh nhân đàn bà mà các bác sĩ Paul Dudley White, Samuel Rosen xem, khi mổ cắt buồng trứng; lúc đang bị mổ, kêu đau, nên phải tiêm thêm procaine hydrochloride để làm tê.

Trái lại, ông Bác sĩ, bị mổ phổi, tỏ ra rất vui vẻ, bình tĩnh trong suốt thời gian mổ phổi.

Một bệnh nhân bị mổ bướu não, đang khi mổ, vẫn "thuyết" được về các châm ngôn của Mao Trạch Đông.

Một bệnh nhân khác, khi mổ phổi, thấy hơi khó thở, nhưng vì biết điều tức, vận khí, theo khoa khí công, nên lại hoàn toàn bình tĩnh.

Còn có những người khác khi mổ phổi lại thấy khó thở, bị nặng ngực như đá đè, hoành-cách-mô lên xuống quá mức.

Vì vậy, trước khi mổ, cần chuẩn bị tinh thần bệnh nhân kỹ càng.

4. Ngày nay ở Hoa Lục, họ cho rằng sự chuẩn bị tinh thần bệnh nhân kỹ càng trước khi mổ là điều kiện hết sức cần yếu.

thì ở Hoa Lục ngày nay, Tây y có lẽ còn thịnh hơn.

Thực ra, Mao Trạch Đông rất chú trọng đến y học và sức khỏe. Tại sao ? Tôi cũng không biết. Tôi đã hỏi nhiều người và không ai giải thích được là tại sao.

Ai cũng đã thấy ảnh Mao bơi qua sông.

Kết quả là dân chúng rất chú trọng đến sức khỏe. Có lẽ vì cuộc " vận lý trường chinh " có lúc đã cứu được Cộng Sản Trung Hoa.

Họ Mao đã sớm nhận ra rằng số các bác sĩ Tây y không đủ để chữa bệnh cho dân Tàu.

Ông cũng nhận định rằng : các bác sĩ Tây y toàn tập trung ở Thượng Hải, Bắc kinh, trong khi đó thì 75, 80% dân chúng sống ở miền quê.

Làm sao để giải quyết vấn đề ?

Ngày 26-6-1965, họ Mao tuyên bố — thực ra chúng tôi chưa được đọc nguyên văn bản thông điệp — : « Về phương diện y học và y tế công cộng, cần phải lưu tâm đến thôn quê. »

Sau đó, ta thấy có một sự chuyển biến lớn và các trường y khoa không còn được ở các đô thị lớn nữa, mà phải phân tán đi về các vùng quê.

Ban giáo sư giảng huấn cũng phải ra đi, để về dạy các sinh viên y khoa ở tại các vùng quê và các tỉnh lỵ, quận lỵ nhỏ.

Trong chương trình học thì 50% dành để huấn luyện cán bộ, 50%

LỚP QUỐC HỌA HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

Phương pháp cách mạng, học hứng thú, mau lẹ tiến.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sĩ danh tiếng hướng dẫn :

Nghiêu Đề, Thái Tuấn, Lâm Triết...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Chia làm chín cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Khóa mới học các Sáng Chúa nhật, từ tháng 12/1972

tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Học phí : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng.

dành để huấn luyện y sĩ, như vậy muốn thành y sĩ phải thật « đồ », thật « chói ».

Cũng trong thời gian ấy, chính phủ định rằng phải phối hợp Đông và Tây y. Nói cách khác, họ không bỏ Đông y.

Tôi có thể nói được rằng giáo dục y khoa Trung Hoa ngày nay chỉ là dạy nghề một cách khái quát, phổ thông, thực hành, chuyên dạy những cách định bệnh, chữa bệnh thông thường, cấp cứu, và vệ sinh. Họ dạy vệ sinh rất nhiều.

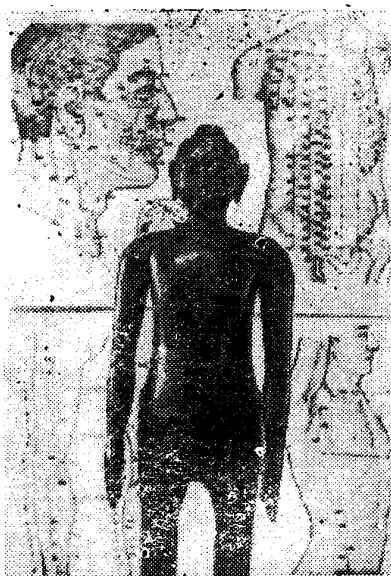
Quý vị biết ở Trung Hoa ngày nay, không có ruồi, muỗi, dịch tễ nữa. Và họ đã làm được như vậy.

Ngày nay, họ còn một vấn đề là bệnh sán schistosome (schistosomiasis, snail fever) mà những người ở lưu vực sông Dương tử thường mắc. Đó là một bệnh mà họ chưa chữa được, mặc dầu đã cố gắng nhiều.

Dẫu sao, thì ngày nay cũng đã có nhiều thay đổi, và họ nhấn mạnh rằng mọi y sinh cần phải học cả Đông lẫn Tây y.

Ở các trung tâm y khoa, các bác sĩ mổ rất khéo, rất tân tiến.

Nhưng người Trung Hoa lại chú trọng đến việc đào tạo những trợ y, cán sự y tế, có thể chữa được một số bệnh thông thường và có đủ khả năng nhận ra được bệnh ung thư hay bệnh loét bao tử, để gửi bệnh nhân về tỉnh lớn chữa.



Các hình nhân dùng để học châm cứu của Trung Hoa thì chính xác hơn về phương diện cơ thể học, còn những hình nhân ở Đông Dương thì lại có tai dài, mi cong như tượng Phật.

Hỏi.— Phương thức này có thể áp dụng ở Hoa Kỳ được không ?

Trả lời.— Ngày nay chúng ta cũng đã huấn luyện những trợ y.

Một số là những quân y tá từ Việt Nam về và đã được huấn luyện khá. Chúng ta cũng đang huấn luyện nữ hộ sinh, hay nữ y tá hộ sinh.

Chúng ta cũng dạy cho y tá biết điều trị nhiều hơn xưa.

Chúng ta cũng huấn luyện những trợ y về nhi khoa và tê mê.

Chúng ta đang huấn luyện nhiều cán sự y tế.

Ngày nay có cả 100 chương trình huấn luyện ở Hoa Kỳ, để đào tạo những chuyên viên không phải là bác sĩ, biết làm một vài công việc của bác sĩ, mà không phải học hết chương trình y học.

Hỏi.— Gần đây khoa châm cứu đã được biểu diễn trong một cuộc hội thảo của các bác sĩ tê mê và đã được mọi người rất lưu ý. Bác sĩ có nghĩ rằng, tuy dân chúng còn chưa tin Đông y, nhưng khoa châm cứu có thể sẽ được áp dụng ở Mỹ không ?

Trả lời.— Tôi nghĩ rằng hiện nay người Mỹ đang còn tin thuốc Âu Mỹ.

Đã đành cũng có nhiều người Mỹ thích châm cứu.

Mỗi khi tôi có một chương trình nói chuyện với công chúng về châm cứu, là y như ngày hôm sau, vô số người gọi điện thoại để hỏi xem tôi có châm cứu cho họ không.

Cho nên tôi nghĩ rằng những người có bệnh tâm tưởng (psychosomatic disorders), hoặc những bệnh hiện nay chưa có cách chữa, sẽ rất hoan nghênh khoa châm cứu ¹.

Hỏi.— Như vậy Bác sĩ không nghĩ rằng các bác sĩ Hoa kỳ sẽ chấp nhận khoa này ?

Trả lời.— Có một thiểu số sẽ châm cứu. Chắc vậy. Còn tôi ? Tôi có châm cứu không ? Không.

Ở Anh quốc chẳng hạn, mới đây có một bác sĩ tên là Felix Mann, tốt nghiệp tây y tại Luân Đôn, đang hành nghề châm cứu. Tôi nghĩ rằng rằng có chừng 20 bác sĩ ở Luân Đôn, kể cả bác sĩ Felix Mann, đang hành nghề châm cứu.

1. Theo giáo sư Huard, thì châm có thể :

a) làm giảm đau.

b) chữa phong thấp.

c) làm an thần.

d) chữa nôn mửa; táo bón; hen suyễn.

e) chữa bệnh tim đập nhanh (tachycardie paroxystique), hoặc bị lỗi nhịp (extrasystole).

f) chữa sưng ruột thừa, hoặc sưng hạch hạnh nhân (amygdalite) v.v... (Xem Pierre Huard et Wong Chinese Medicine, World university Library, 1968 pp. 214-216)

Chắc hẳn có nhiều Bác sĩ ở Pháp, trước kia ở Đông Dương từ hồi Pháp thuộc, trở về, đã học được khoa châm cứu.

Và kết quả là ở Pháp, ở đâu quý vị cũng có thể châm cứu. Ở Đức, cũng vậy.

Khi Nga Tàu còn « cơm lành canh ngọt » với nhau, thì ở Nga cũng có viện châm cứu.

Nhưng tôi nghĩ rằng khoa châm cứu đâu có thịnh được ở Mỹ, thì cũng chỉ tới một giới hạn nào thôi.

Ngày nay, với những luật lệ hiện hành có mục đích kiểm soát sự hành nghề y khoa, không hiểu người ta du di làm sao để hành nghề châm cứu được.

Tuy nhiên tôi tin rằng ở những khu vực tàu (Chinatown), người ta vẫn châm cứu. Họ không châm cứu cho người Âu Mỹ, nhưng nếu có thân chủ Trung Hoa đến xin châm cứu, họ sẽ châm. Ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) cũng vậy.

Dẫu sao, theo tôi, thì khoa châm cứu chắc cũng không phải là một nguy cơ cho nền y học khoa học của chúng ta ngày nay.

Bị chú : Xin cảm ơn BS Trần Văn Tích vì đã cho mượn những tài liệu rất mới mẻ về châm cứu; nhờ vậy mới chủ giải được bài này một cách vững vàng.

SUMMARY

Chinese Medicine, Acupuncture and the Future
by Nguyễn-văn-lhọ

A translation into Vietnamese of the article : « Chinese medicine, acupuncture and the future » (Roche Image, March 1972) is presented. This is an interesting informal interview with an American expert, Dr. John Z. Bowers.

Dr. Bowers explained how he did get interested in Chinese medicine, and then stated its characteristics. According to the President of the Josiah Macy, J., Foundation, several things are quite unique about Oriental medicine, for example pulse feeling, tongue inspection, psychosomatic data and acupuncture.

(Phương Đông, November, 1972, 17)

ĐÃ CÓ

PHƯƠNG ĐÔNG ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả

Có bán tại Tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn

tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 600\$

tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 600\$

Gởi mua ở Tòa báo thì mỗi tập :

Ở xa trong nước, kèm thêm 30đ bảo đảm và 40đ đảm phụ ;
Miền Trung và Cao nguyên, lại thêm tiền máy bay 40đ. Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 150đ.

Với châm cứu người ta đã chữa khỏi được 41./ bệnh nhận châm và điếc

LUU KIỆT TAM

Gần đây, đài VOA cũng như báo chí ngoại quốc có đề cập đến việc ở Trung quốc, người ta đã thu hoạch được nhiều kết quả tốt đẹp trong việc dùng châm cứu để trị bệnh cảm và điếc.

Trước các tin ấy, phần đông đồng bào ta đều tưởng rằng đây là một kỳ công mới lạ. Họ không ngờ rằng áp dụng khoa châm cứu vào việc trị cảm và điếc đã được coi là một cử chỉ thông thường kể từ hơn 10 năm nay tại Trung hoa lục địa.

Những bài tường thuật hoặc công bố kết quả của kỹ thuật này mà chúng tôi đã gặp trong các tạp chí của Hoa lục, Đài loan đều được màu sắc chuyên môn. Riêng bài mà chúng tôi đã chọn để dịch dưới đây không những đã có tính cách phổ thông mà còn có sở quan đến một «kỳ huyết» do y sư Lưu Kiệt Tam phát minh mà hiệu năng khá đáng kể trong việc trị loại bệnh này, tưởng cần phải phổ biến rộng rãi để những đồng nghiệp đã hoặc sắp làm nghề châm cứu biết đến hầu giúp ích cho những nạn nhân chẳng may mắc phải chứng bệnh nói trên.

T.T.H.

CÁCH đây ba năm về trước, tôi bắt đầu dùng châm cứu để thử trị cảm và điếc. Những huyết tôi đã dùng vào lần đầu tiên là Á môn, Ấ phong, Thính hội, Bá hội, Thiên dung, Giác tón, Nghinh hương, Liêm tuyền, Nội quan, Quan xung, Tiều hải, Túc tam lý : và ngoại trừ Á môn chính tương đối hơi sâu, còn thì đều chính cạn cả (về phương pháp và thủ thuật sẽ nói ở đoạn sau).

Trong số bệnh nhân bị cảm được chữa vào đợt đầu hiệu quả sơ bộ đã đạt đến trên dưới 25% người lành.

Rồi dựa vào cái cơ sở ấy, tôi kế tục nghiên cứu, cố tiến sâu hơn. Căn cứ theo cái đường lối «muốn trị cảm trước hết phải trị điếc», và cảm thấy

hiệu quả mà huyết Ấ phong xưa nay được coi là chủ huyết đã đem lại không được mãn ý lắm, tôi bèn dùng thử. với mục đích trị điếc, cái huyết mà tôi mới tìm ra và đặt tên là Y thông, thì thấy là huyết này trị điếc khá hay. Từ khi bắt đầu ứng dụng huyết này cho đến nay, trong số 1.000 người đến cầu trị, tính ra đã hơn 58% được chữa lành, so với kết quả sơ bộ, thế là hiệu quả đã tăng lên gấp đôi.

Và kể từ tháng 8 đến tháng 9 năm ấy, trong số 317 bệnh nhân bị cảm và điếc được điều trị thì 8 người đã lành một cách hoàn toàn, nói năng đối đáp

1. trích dịch ở trong sách «Nhân, Nhĩ, Khẩu, Tỵ, Thệ, Hậu các bệnh nghiệm phương» của y sư Trần tôn nhân.

chẳng khác chi người thường, còn 130 người khác, tuy đã hấp bệ nói được đôi tiếng nhưng còn chờ chữa xong phải tập luyện thêm nữa mới hoàn toàn, tính ra thế là đã được 41% có kết quả.

Những bệnh nhân đến nhờ tôi chữa bằng châm thuật, hết thấy đều đã được bác sĩ Tây y khám qua và xác nhận trong lỗ tai không có bệnh biến thuộc về khí chất tinh.¹

Nguyên nhân gây nên cảm, điếc có nhiều loại :

1. Có người nhân bị một cơn sốt nặng rồi sau đó trở thành cảm và điếc.

2. Có người sau khi lên sởi, dư độc lưu lại rồi sanh ra cảm và điếc.

3. Có người vì bị người ta chích vào huyết Á môn một cách trái phép rồi sau đó trở thành cảm.

4. Có người từ khi cha mẹ sanh ra cho đến lớn chưa hề khi nào nói được.

Trong số bệnh nhân ấy, gồm cả nam lẫn nữ, có đứa nhỏ mới lên ba, và cũng có người già quá bốn mươi tuổi.

Thời gian trị liệu mau nhất là sau ba, bốn lần châm trị, bệnh nhân đã bắt đầu nghe được, đồng thời cũng đã có thể bắt chước mà lặp lại những lời người ta vừa mới nói, kể đó đến lần thứ tám, thứ chín là lành và đến đây bệnh nhân đã có thể cùng với một người khác nói qua đáp lại.

Những bệnh nặng phải chữa đến hai tháng mới bắt đầu có hiệu quả nhưng cũng phải đến tháng thứ ba thì mới nghe được rõ rồi tiến lần đến học từng chữ một, hoặc danh từ gồm 2, 3 chữ. Và sau cùng mới nói năng được một cách chánh thường.

Căn cứ vào kinh nghiệm làm sàng thí đối với bệnh nhân từ ba đến mười tuổi, sự trị liệu có phần hơi lâu vì bởi trẻ con vốn nhát kim và sợ đau, không

chịu cùng y sanh hợp tác. Ngược lại đối với những bệnh nhân tuổi từ 10 đến 30, nhân vì họ đã biết cùng y sanh hợp tác và nhẫn nại chịu kim (lưu châm)² đồng thời cũng dễ tập nói hơn nên kết quả tương đối mau thấy và rõ rệt hơn.

Và, để cho học giả hiểu rõ sự trị nghiệm và phương pháp mà tôi đã áp dụng, nay xin giới thiệu một ít bệnh lệ như sau đây :

1. Bệnh nhân : Vương lão Hồ, một người con trai 19 tuổi, quê ở thôn Bình Lang, lúc sanh hạ được 7,8 tháng nhân bị sốt rồi sau đó thành cảm và điếc.

Sau khi được điều trị, chỉ mới một lần tại bốn viện bằng châm cứu, bệnh nhân đã bắt đầu nghe được, thử đứng sau lưng bệnh nhân mà vỗ tay, bệnh nhân đã biết và quay đầu lại để nhìn. Trước kia dù sét đánh, bệnh nhân cũng vẫn như không, nay chỉ vỗ tay, y đã nghe biết, thân phụ của y cũng như tất cả những người có mặt tại y viện hôm ấy, thấy đều kinh ngạc và mừng rỡ. Kể đó trong lúc lên đường trở về nhà, bệnh nhân bắt đầu nói được những tiếng 1, 2, 3, và chiều hôm ấy, sau khi trở về nhà rồi, bệnh nhân lại nói thêm được những tiếng : « ma ma, áo gấm, khoai mài... »

Trước đó, chúng tôi có dặn ba hôm sau hãy trở tại y viện nhưng bệnh nhân nóng tính, chỉ mới hai hôm đã trở lại, ông viện trưởng cũng như những người hiếu kỳ đều quây quần xung quanh bệnh nhân để xem . người cầm nói chuyện ».

Sau khi được châm trị vào lần thứ hai, mấy người có mặt tại đó tập cho y nói : « bàn tay, bút sắt, cái nón.. ; »

1. như bệnh tai xốp (Otospongiose) hay là pólíp (Polype) chẳng hạn.

2. kim chích xong sẽ để yên tại chỗ trong một thời gian từ vài phút đến 5, 7 tiếng đồng hồ.

ai nấy đều vừa kinh ngạc, vừa vui mừng và nói : « cảm nay đã nói được ». Tiếp đó, châm trị thêm mười lần nữa vừa lành.

2) Bệnh nhân : Hoàng Trách, con gái 19 tuổi, quê ở Dịch huyện thuộc tỉnh Hà Bắc ; vốn sinh trưởng trong cảnh nghèo hèn, không được ai chiều cố tới, và cũng chính vì vậy mà bệnh nhân không rõ bệnh cảm, điếc của mình vốn có từ khi cha mẹ sinh ra hay là mới mắc về sau này. Hôm ấy bệnh nhân được người cậu ruột dẫn đến bồn viện. Sau ba lần châm trị, bệnh nhân đã bắt đầu nghe được tiếng to. Và cứ mỗi lần châm xong là tôi giao cho người cậu của y tập nói.

Sau mười lần châm trị, bệnh nhân đã nói được những tiếng : « Cậu ơi, 12 giờ rồi, nên về cho rồi... »

3) Bệnh nhân : Lý hạ Phong, đàn ông 24 tuổi, trải qua năm ngày châm trị mới bắt đầu nghe được, kể tục trị liệu luôn đến đủ hai tháng, gọi đến tên đã biết, và một tháng sau nữa thì nói được những tiếng thông thường. Sau cùng, đến lúc rời bồn viện thì nói năng đã gần như người thường.

4) Bệnh nhân : Lý tiểu Tuấn, 24 tuổi có chồng đã sáu năm qua. Lúc mới lên bốn, nhân bị sốt nặng rồi cảm. Qua năm mươi ngày châm trị đã bắt đầu nghe được, nhưng vì bệnh nhân hay hồ ngơ, không chịu tập nói giữa chỗ đông người, tôi đành phải giao cho chồng của y thị cứ ngày ngày dẫn y thị đến chỗ vắng vẻ để tập nói, và chỉ một tháng sau, y thị đã nói được những tiếng thông thường.

5) Bệnh nhân : Trương khắc Tri, một quân nhân 26 tuổi, quê ở thôn Hiếu cò thuộc huyện Khúc dương, từng bị ngoại thương và kể đó bị phơi xác ở giữa nắng nên thành cảm. Trước đó bệnh nhân đã đến cầu trị

tại y viện chuyên môn về não hệ khoa ở tỉnh Hà Bắc, nhưng các bác sĩ ở y viện ấy khám xét xong, nhận thấy là không thể nào trị được đành giới thiệu tới bồn viện. Tại đây, nhân thấy người ta chích cho các bệnh nhân khác, đương sự đâm ra sợ hãi, rồi đến phiên của y, y không dám tới gần y sanh. Vì y sanh đành lấy tay rờ rịt bệnh nhân, tuy vậy bệnh nhân vẫn khiếp sợ đến toát mồ hôi rồi cố chạy thoát, nhưng chỉ được mấy bước vừa ngã quỵ xuống, gần như bất tỉnh.

Nhận thấy không thể nào dùng châm thuật để chữa cho y được, chúng tôi đành để cho y về. Lúc về nhà, được bà con khuyến khích, thế là hôm sau y trở lại bồn viện. Tại đây, chỉ mới có châm một lần y đã bắt đầu nói được « một, hai, ba, bốn... » và chích tiếp luôn hai lần nữa y nói đã gần như thường. Kể đó chích thêm tám lần nữa và đến lần cuối cùng, lúc sắp ra về y nói « Tôi đã khá rồi ».

oOo

Những y án như trên hãy còn nhiều lắm, nhưng ở đây tôi chỉ giới thiệu lấy một ít bệnh lệ ghi chép tương đối hơi rõ ràng thôi. Điều đáng tiếc là trong suốt hai năm chuyên trị cảm điếc, tôi không có ghi chép một cách cho rõ ràng và cũng không có nghiên cứu hay phân tích với mục đích rút tỉa trong đó ra những điều kinh nghiệm.

Trong số những bệnh nhân được tôi săn sóc, có người suốt thời gian châm trị không thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ bệnh trạng đã hảo chuyển, nhưng khi trở về nhà họ lại bập bẹ rồi nhờ tập luyện họ lần lần nói được. Như tại quận Cao Dương (tỉnh Hà Bắc) một người đàn bà 28 tuổi, trong thời gian trị liệu tại bồn viện không hề

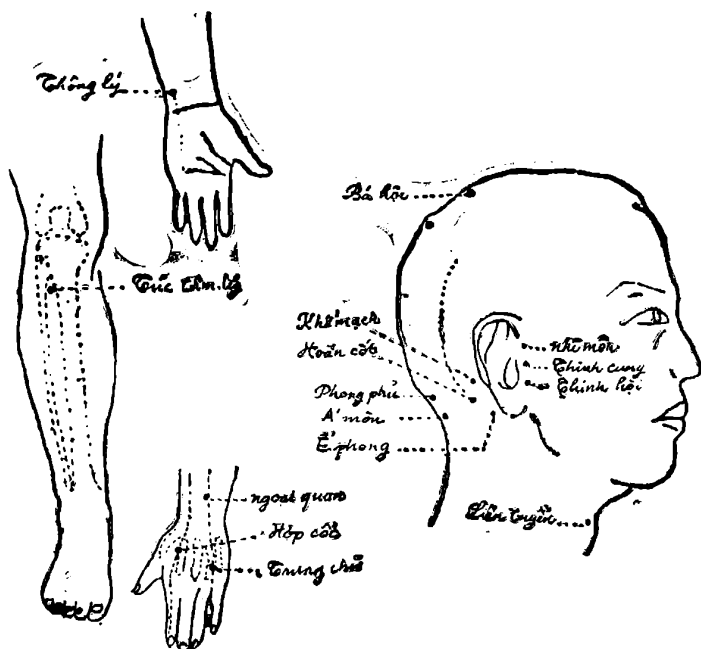
thấy thay đổi, nhưng lúc về nhà thì họ lại nói được. Tại huyện Bảo Định (cũng tỉnh Hà Bắc) cũng vậy, có một bệnh nhân, trong thời gian trị liệu tại bồn viện không thấy có kết quả, nhưng khi trở về nhà thì lại nói năng được như thường.

Bây giờ đây tôi xin giới thiệu phương pháp mà tôi đã áp dụng để trị liệu :

Lúc ban đầu, tôi dùng những huyết như Á môn, Ấ phong, Thính hội, Bá hội, Thiên dung, Giác tôn, Nghinh hương, Liêm tuyến, Nội quan, Quan xung, Tiểu hải, Túc tam lý, và ngoại trừ Á môn chích tương đối hơi sâu, còn thì đều chích cạn cả ; và để cho sự trị liệu được có kết quả, mỗi lần châm trị, tôi phải dùng đến trên 10 huyết, làm

cho bệnh nhân tương đối hơi khò. Nhưng từ khi tìm được huyết Y thông, tôi chỉ dùng mỗi lần hoặc 3 hoặc 4 huyết trong số những huyết như Á môn, Y thông, Á phong, Thính cung, Bá hội, Liêm tuyến, Túc tam lý, tựu trung hai huyết Á môn và Y thông được coi là chủ huyết, thì không lần nào là không dùng tới. Do đó mà bệnh nhân đỡ khò, đồng thời hiệu quả cũng được đề cao một cách rõ rệt.

Huyết Á môn. — Vị trí của nó là ở sau ót, trên chân tóc 8 phân và dưới huyết Phong phủ I tấc, tức là ở giữa hai xương đệ nhất và đệ nhị cảnh chủy (1ère et 2è vertèbre cervicale), ở tầng ngoài thì co chằm thần kinh phân bố, ở tầng sâu thì có tích tủy (moelle). Ngoài tích tủy có một lớp niêm duy mô (membrane fibreuse) cứng và bền



giai 1, mô này có tác dụng bảo hộ tích tủy. Lúc châm phải thận trọng, đừng để kim chích xuyên qua lớp mô này. Nếu chẳng may chích thủng lớp mô này bệnh nhân ắt sẽ bị hư hoại 2.

Về phép chích huyết này, đối với những bệnh nhân từ 15 tuổi trở lên, bốn viện tùy theo thể chất ốm gầy hay béo mập của họ mà chích sâu từ 1 tấc đến 1 tấc 2 phân. Khi chích phải coi chừng, hễ kim lút vào được 8 phân rồi thì hãy tiến kim từ từ cho đến khi có cảm giác như đụng phải thứ gỗ mềm, cây kim như bị một chất keo đeo diu cần lại chứng tỏ đã châm đến lớp tiêm duy mô vừa nói trên. Đến đây y sanh phải ngừng tay một lát kể tiến kim vào từ nửa phân đến một phân và hễ bệnh nhân có cảm giác tê rần ra thấu cả bốn tay chân tức phải rút kim ra ngay chứ không có lưu châm.

Huyết Y thông. — Vị trí của huyết này là dưới và sau cục xương u hình nấm vú (apophyse mastoïde) xương u

này lại nằm ở sau vành tai Phép lấy huyết này bắt từ tráy tai (nhĩ thủy) mà đo lui 1 tấc hay là 1 tấc 2 phân rồi dùng mũi ngón tay trở mà tìm lỗ sủng, chỗ đó có nhĩ đại thần kinh phân bố. Khi chích phải hướng mũi kim về phía tráy tai, cây kim xuyên từ 15 đến 20 độ và tùy theo thể chất gầy ốm hay béo mập của bệnh nhân mà quyết định bề sâu từ 1 tấc đến 1 tấc 2 phân. Nếu chích đúng vị trí thì bệnh nhân thường có cảm giác như có nước từ trong lỗ tai chảy ra, lại cũng có khi bệnh nhân nghe như có tiếng động ở trong ấy. Nếu mũi kim hơi trật ra ngoài một tý tức bệnh nhân sẽ có cảm giác tê rần ra cả mặt. Đối với huyết này cũng không có vấn đề lưu châm. Ngoài ra, những huyết như Thính cung Ế phong, Bá hội, Liêm tuyên, Túc tam lý thấy đều chích cạn cả.

TRẦN TIỀN HY dịch

PHẦN PHỤ LỤC

Nhằm giúp ích cho quý vị đồng nghiệp châm y tạm có một cái vốn kiến thức về chếp chữa trị bệnh, vừa cảm vừa điếc bằng châm thuật phòng khi cần sẽ có sẵn mà đem ra ứng dụng, ngoài cái bài của châm y họ Lưu mà chúng tôi đã dịch thuật trên đây, chúng tôi xin cống hiến thêm phần phụ lục như sau, ước mong việc làm của chúng tôi không đến nỗi là vô ích vậy

Bệnh chứng này có thể phân chia ra làm hai loại :

a/ tiên thiên và b/ hậu thiên.

Thuộc tiên thiên là những người bị cả điếc lẫn cảm ngay từ lúc mới lọt lòng.

Loại hậu thiên, tương đối nhiều hơn, đại đa số lại là trẻ con, lúc thơ

ấu chẳng may bị sốt nộ (sách Đơn Khô Tâm Pháp nói bệnh điếc phần nhiều là do nhiệt) hay là bị kinh phong, kinh giải hoặc lên sởi v.v., (sách Sào Nguyên Phương chú bệnh nguyên hậu luận nói trẻ con, sau những cơn kinh phong, kinh giải có một số bị cảm) làm cho cảm thọ khí của thính giác mất hết quan năng, đưa trở không còn tiếp thụ và phân tích được thanh âm từ bên ngoài truyền vào, do đó chúng không thể học tập để tới năng gì được mà đành chịu cảm.

Tiên hiền Trương Cảnh Nhạc nói

1. tức là Dươ-mê-rô.
2. Hư hoại tức là trạng thái ngất sùi, sầm xám, trong khi đó bệnh nhân mặt tai thần minh thoát mờ hơi, mạch phù tế sát huyết áp hạ xuống và có khi ọc mửa.

«chứng điếc phần nhiều là do khi bế không thông»

Sách Nội kinh Linh xu tại thiên «Tà khí tạng phủ bịnh hình» cũng nói: «Mười hai kinh mạch và ba trăm sáu mươi lạc, huyết khí mà chúng vận hành đều chạy lên mắt và thông ra không khiêucái biệt khí của chúng thông ra lỗ tai và do đó ta mới nghe được».

Cũng sách trên, nhưng tại thiên «Kinh mạch»: «Trong mười hai đường kinh và lạc có cả thấy ba đường kinh với lạc của chúng trực tiếp liên hệ đến lỗ tai, đó là kinh Thủ thái dương và kinh Túc thiếu dương. Nếu kinh khí của những kinh lạc ấy bị bế trở, sự tuần hành của chúng sẽ mất thường độ mà hậu quả là làm cho ta điếc, không còn nghe được nữa.

x x
x

Trở lên chúng tôi chỉ mới trích dẫn, một ít văn hiến kinh điển mà tiền nhân của chúng ta cùng những danh y hiện đại đều không thể không có ý cứ đề lập phương hay chọn huyết mà trị bịnh điếc.

Còn như bịnh cảm phần nhiều lại là hậu quả của bệnh điếc như trên đây đã nói, bằng chứng hùng hồn nhất là trải hơn 10 năm qua, tại Trung quốc người ta đã kinh nghiệm rằng muốn chữa cho một bệnh nhân được khỏi cả điếc lẫn cảm thì trước hết phải chữa cho họ hết điếc rồi sau đó mới có thể dùng đến những huyết trị cảm. Ngược lại nếu bắt đầu châm những huyết trị cảm mà không đủ động gì đến những huyết trị điếc thì kết quả có thể coi như không khi nào đạt tới.

I/ Theo Châm cứu học giảng nghĩa do một nhóm giáo sư chuyên dạy châm cứu tại Trung Y học viện Thượng Hải (1960) thì những huyết thường được

dùng tới là :

a/ Đề trị điếc : Thính hội, Thính cung, Nhĩ môn, Ấ phong, Khế mạch, Bá hội và Trung chữ.

b/ Đề trị cảm : Á môn và Liêm tuyến.

Phép gia giảm :

Nếu có xoàng đầu chóng mặt thì thêm huyết Phong trì.

Nếu có nghẹt mũi thì Hợp cốc và Nghinh hương.

II/ Theo châm cứu trị liệu học của Trung Y học viện Thượng hải (1964) thì :

Thính hội, Thính cung, Nhĩ môn (ba huyết này phải thay đổi, hôm nay huyết này, ngày mai huyết khác) Ấ phong, Bá hội, Trung chữ, Á môn, và Liêm tuyến.

Chóng mặt gia Phong trì. Nghẹt mũi gia Nghinh hương.

Những huyết trên đây đều phải tả bằng cách chích xong sẽ lưu châm cho khá lâu. Riêng những huyết ở xung quanh vành tai phải châm cho hơi sâu một tý. Kinh nghiệm đã cho thấy là ngoại trừ những người đã bị cả điếc lẫn cảm ngay từ lúc mới lọt lòng, sự châm trị tương đối có phần khó khăn hơn là đối với những đứa trẻ thuộc loại hậu thiên. Riêng về người lớn, những bệnh nhân mà thính giác còn sót lại ít nhiều thường dễ chữa hơn là những người đã bị điếc hoàn toàn.

Những đứa bé ít tuổi tương đối dễ chữa hơn những người lớn, và nhất là thính giác chưa hoàn toàn mất hẳn.

Điều nên nhớ là sau khi chữa hết điếc rồi, châm y phải vừa châm những huyết trị cảm, vừa huấn luyện cho bệnh nhân tập nói như châm y họ Lưu đã thuật trong bài trên. Lúc này người ta còn có nhiều phương tiện

khác để hỗ trợ cho việc châm trị đại khái như điện châm (électropuncture) thủy châm....

Và theo tài liệu 1964 thì ngoài việc châm bằng tay, lúc này người ta còn có những phương tiện như dùng thêm điện châm (électropuncture) thủy châm (tiêm những vị thuốc đã được chọn lựa vào huyết xét đáng tiêm) và nhĩ châm (châm kim vào vào vành tai và tráy tai). Căn cứ theo một tài liệu về nhĩ châm mới nhất của Trung cộng mà Bác sĩ người Pháp P.Nogier¹ và Bác sĩ người Nhật Mikhail Santaro đã dịch ra Pháp văn thì hiện nay ở Hoa lục người ta đã tìm được hai điểm, một ở vành tai (số 97) và một ở trái tai (số 138) có tác dụng rất đáng kể đối với bệnh điếc và câm.² Riêng châm y Vương tuyết Đài ở Bắc Kinh (tác giả sách Châm cứu học thủ sách, 1967) thì đối với bệnh điếc ngoài những huyết như đã liệt kê trên đây, ông còn dùng thêm Hoàn cốt, Ngoại quan và Thận du, và để trị câm ông còn dùng thêm Thông lý nĩa, ông nói: "Trong những năm gần đây, tại nhiều nơi ở trong nước, người ta đã theo dõi và quan sát việc làm của những Trung tâm trị điếc và câm (bất luận vì nguyên nhân gì) bằng châm thuật, bệnh nhân bao gồm những người bị điếc và câm ngay từ lúc sơ sinh và trẻ con sau khi bị sốt sốt nặng hay là bị bệnh truyền nhiễm cấp tính rồi điếc và nhân điếc rồi không nói được nữa. Người ta đã thấy là châm trị quả đã có hiệu năng là làm cho thính lực của bệnh nhân được cải thiện, còn những đứa bị câm thì ngoài những huyết trị châm ra, việc làm rất cần thiết để đạt đến một kết quả tốt đẹp là phải tập cho chúng nói nữa.

Bác sĩ Niboyet cầm đầu một phái đoàn Bác sĩ châm y viếng thăm Trung Cộng và đã đặt chân xuống Bắc kinh

ngày 22-10 vừa rồi, đã cho biết ở trong *Traité d'acupuncture* của ông (xuất bản năm 1970) rằng để trị điếc những huyết chính yếu là: Chi nhánh Phục lưu, Ngoại quan, Ất phong, Nhĩ môn và Hợp cốc.

Ngoài ra ông còn liệt kê thêm 02 huyết khác để gia giảm tùy theo bệnh chứng đã hiện ra, ví dụ điếc có kèm thêm chứng chảy mũi lỗ tai thì gia thêm Trung chủ v.v..., (xem trang 1187)

Ông Alfred Max trong dịp viếng thăm Trung Cộng (mùa thu 1971) với mục đích quan sát kỹ thuật gây tê, ông đã có dịp trông thấy tận mắt việc chữa trị những đứa trẻ bị cả điếc lẫn câm tại Bắc kinh, trong số 238 đứa trẻ bị câm và điếc được chữa tại một trung tâm ở Bắc kinh, ông đã được biết là một số lớn đã nghe và nói được. Ngoài ra người ta còn cho ông biết là nhờ sự tận tâm của nhân viên bệnh viện, họ đã can đảm dùng kim để thí nghiệm ngay trên đầu và tai của họ. Và nhờ đó họ đã tìm được những huyết hay và cũng nhờ vậy mà thay vì phải châm nhiều cây kim vào tráy tai và để kim luôn tại đó trong nhiều tiếng đồng hồ làm cho bệnh nhân không những đã khổ cực mà mặt mày của họ còn bị sưng húp lên, ngày nay người ta chỉ phải chích tại một huyết với thời gian không đầy một phút nhưng rồi phải tiếp tục luôn như vậy trong mười hôm, kết quả chẳng những

1. tác giả sách *Traité d'Auriculothérapie*, édit Maisonneuve (1969)

2. Xem Lyon Méditerranée médical số 18 (3.06.72)

mau chóng, chắc chắn mà còn bền dai nữa³

Phần riêng chúng tôi, chúng tôi chưa hề có dịp trị điếc, nhưng đối với những đứa trẻ bị câm sau khi đã trải qua một cơn làm kinh hay là một cơn sốt vì lên sởi, chúng tôi quả đã thành công trong nhiều trường hợp. Chúng tôi còn nhớ là cách đây 12 năm, có một đứa trẻ 6 tuổi bị câm sau mười ngày bị lên sởi nặng,

chúng tôi châm Hợp cốc, Á môn, Liêm tuyền rồi Thông lý nhưng chẳng thấy kết quả. Cuối cùng chúng tôi châm Tâm du thì khi rút kim ra đứa trẻ liền gọi ba nó rồi từ đó trở đi nó lại nói được như xưa. Và bằng theo kinh nghiệm riêng của chúng tôi thì châm không phải khi nào cũng là hậu quả của bệnh điếc cả.

TRẦN-TIỀN-HY dịch

(3) Au cours de la visite que j'ai rendu... à une école de sourd-muets, j'ai constaté que la plupart des deux cent trente huit internes de l'école... ont été guéris de la surdité par l'acupuncture et subissent des piqûres de rappel en même temps qu'on s'efforce de leur apprendre à parler... Il m'a été affirmé que le personnel médical expérimente sur lui-même et qu'une grande partie des progrès réalisés depuis la révolution culturelle en matière d'acupuncture résulte de cette expérimentation. C'est ainsi que, pour guérir la surdité, on a pu remplacer un système qui consistait à laisser plusieurs aiguilles à demeure dans le lobe de l'oreille pendant plusieurs heures — ce qui, outre la gêne et l'inconfort, avait l'inconvénient de faire enfler le visage — par de piqûres des quelques secondes en un seul point que l'on répète quotidiennement pendant 10 jours, ce qui donne des effets positifs, plus rapides et surtout plus durables

NHỮNG TÀI LIỆU ĐÃ THAM KHẢO

1. *Châm cứu học giảng nghĩa*. Thượng hải Trung y học viện giáo nghiên tổ biên soạn (1960)

2. *Châm cứu trị liệu học*. Thượng hải Trung y học viện biên soạn (1964)

3. *Châm cứu học thủ sách*. Vương tuyết Đài (Đài bắc 1967)

4. *Traité d'Acupuncture* của B.S. Niboyet (édit. Maisonneuve 1970)

5. Tạp chí *Preuves* số 9 (1er trimestre 1972)

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp, đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.

t

Laboratoires TÉVÉTÉ SA

136, Yên-Đồ — Saigon

Tin Tức

Văn Hóa và Tôn Giáo

— Ba buổi thuyết trình Y lý Đông phương. — Phong trào Hưng Giáo Văn Đông và Tạp chí Phương Đông đã tổ chức tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ba buổi thuyết trình quan trọng về Y lý Đông phương. Ông Trần văn Tích, bác sỹ, và ông Lưu trung Khảo, giáo sư, đã chịu trách nhiệm tổ chức cùng với sự trợ giúp rất đắc lực và hăng hái của các đoàn viên Gia đình Nhập thể thuộc Phong Trào H.G.V.Đ.

Buổi thuyết trình thứ nhất (12 tháng 11) đông nghẹt những người, khoảng trên 400 thính giả. Thuyết trình viên, học giả và thiền sư Siêu Thiên, đã nói theo đề tài: «Có nên thử phát động một tinh thần cách mạng trong Y khoa hay không». Thiền sư đã là một lương y có tài trước khi thành một nhà tu hành đắc đạo. Thuở thiếu thời, ngài đã bệnh tật nhiều. Sau này, trong chốn yên tĩnh của am tu, Ngài đã dần dần tìm ra những bí ẩn của sự sống, và hiện nay, cùng với một số đồ đệ và khoa học gia, Ngài đang san định cuốn Nội kinh.

Ngài cũng tưởng nghĩ như cổ nhân rằng, con người sống trong thiên nhiên thì phải thuận theo trật tự thiên nhiên, mới khỏi trục trặc. Cách mạng không phải là nay đá cái này, mai đập cái kia, mà phải thuận theo thiên nhiên nhờ đó luôn luôn đổi mới «nhật nhật tân, hựu nhật tân», luôn luôn tiến về cõi chí thiện theo cái «Đại học chí đạo»: «tại minh minh đức, tại thân dân, tại chí ư chi thiện».

Con người cũng là một ở chính mình, tâm thần không cách biệt, nên nếu gạt tâm tư ra ngoài, thì hiệu lực trị liệu chỉ còn 30 phần trăm thôi. Việc chữa bệnh bao trùm cả những địa hạt giáo dục, văn hóa, xã hội v.v. Chính vì thế mà có cái tên Y đạo. Y khoa chỉ là một yếu tố trong Y đạo mà thôi.

Cần tìm hiểu chính con người của mình, và điều chỉnh nó về mọi mặt thân xác, tâm lý, luân lý... Vì từ trường bài thuyết trình một phần đã có trong chính bản *Tuyên ngôn Y đạo* đăng trong số này,

nên chúng tôi không cần nói dài hơn.

Sau khi diễn giả dứt lời, vị chủ tọa, cụ Quốc vụ Khanh đặc trách văn hóa, đã tỏ ra chia sẻ quan điểm của thiền sư,

Buổi thuyết trình thứ hai được đặt dưới quyền chủ tọa của ông Tổng trưởng Y tế Thuyết trình viên, được sỹ kiểm họa sỹ Đào sỹ Chu, là một người đã nghiên cứu lâu năm về dược liệu Việt nam, đã làm việc tại Laboratoire de Matières médicales indochinoises (Hanoi) và nhiều phòng thí nghiệm khác. Trong bài thuyết trình hôm nay, 19 tháng 11, được sỹ đã nói lại kinh nghiệm xưa của ông trong việc khảo cứu Đông dược. Vì bài thuyết trình giá trị này sẽ đăng trong những số báo tới, nên chúng tôi miễn tóm lược đại ý ở đây.

Sau bài thuyết trình là cuộc góp ý hào hứng và sôi nổi với qui ông: Bác sỹ Hoàng mộng Lương, nhà châm cứu lão thành và quốc tế, bác sỹ Bùi kiến Tín (Khuyên điệp Bác sỹ Tín), kỹ sư Nghiênn xuân Thiện, Linh mục giáo sư Đỗ quang Chính, một số tân bác sỹ và một số người khác. Riêng bác sỹ Hoàng mộng Lương đã kể lại một kinh nghiệm chữa bệnh ngứa chân do sâu nước bằng Hỏa, mình chứng vai trò của nguyên lý âm dương trong trị liệu. Một tân bác sỹ cũng chứng minh bằng thực nghiệm kết quả lạ lùng về việc tăng hồng huyết cầu mau chóng bằng phương pháp gạo lúc muối mè.

Buổi thuyết trình thứ ba, 26 tháng 11, với bác sỹ Hoàng văn Đức thuyết trình viên, mà bài nói chuyện đăng trong số này, sẽ được tả lại trong số báo tới.

— Y khoa Đại học Minh đức được chính thức công nhận. — Chính phủ đã công nhận Y khoa cùng với toàn khối Đại học Minh Đức, nhưng với điều kiện Y khoa này không được chính thức dạy Đông Y. Đây là sự «chịu thua» của Minh Đức, và một điều học đăi đối với Y học của mình, trong khi chính y học ấy bắt đầu được Tây phương chú ý đến.

MỤC LỤC

toàn tập III

từ số 13 (tháng Bảy 1972) đến số 18 tháng Chạp 1972)



TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA TỔNG QUÁT

Nghiêm Toàn	Người vợ Việt-nam trong những truyện bình dân bằng văn vần	98, 233
Kim Định	Thử ước lượng độ số đóng góp của Lạc Việt Phần đóng góp của người Tàu	105 265
Trần trọng Sơn	Dịch Đường thi	311
Thái văn Kiềm	Nguyễn trường Tộ và học thuyết tri hành	294
Hoàng văn Đức	Khoa học xưa và nay	456

THIÊN VĂN, ĐỊA LÝ

Nguyễn văn Thọ	Phương pháp khảo sát thiên văn Trung Hoa	247, 334
----------------	---	----------

Y HỌC

Hoàng văn Đức	Mở đề y học Phương Đông	394
Nguyễn văn Thọ	Quan niệm về Thận của Lãn Ông đối chiếu với Tây Y Trị liệu pháp của Lãn ông sánh với trị liệu pháp của Trung Hoa	350 484
Trần văn Tích	Tên Đông dược Ứng thư và Đông y Vấn đề nghiên cứu sơ bộ Đông dược Đông y, châm cứu và tương lai	133 372 468 418
John Z. Bowers (Nguyễn văn Thọ dịch và chú thích)	Thần	417
Dương chân Tử (Hoàng Vũ dịch)		
Đỗ đình Tuấn	Việc đào tạo thầy thuốc ngày xưa	365
Trần tiền Hy	Phải chăng Cao Hoang có khả năng sát trùng và trị được bệnh lao	387
Lưu kiệt Tam (Trần tiền Hy dịch và phụ chú)	Châm cứu với bệnh cảm và diến	493
Lê đức Thiếp	Tiêu sử đức Y tổ Việt Nam	354
Hải thượng Lãn Ông (Lê đức Thiếp dịch)	Y huấn cách ngôn	446
Nguyễn đồng Di	Một lá liệu lịch sử y học	403

Bình nguyên Lộc	Mộ vườn và lang vườn	406
Siêu Thần	Tuyển ngôn Y đạo	438

NHẠC KỊCH

Hồ hữu Tường	Hát bội	110, 303
	Ảnh hưởng Đông y vào hát bội	414

DÂN TỘC HỌC, NGŨ HỌC

Nguyễn bặt Tụy	Từ quyền Lịch sử thành lập đất Việt đến quyền	
	Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt nam	112, 210, 282
Đinh văn Trung	Con người Việt nam trong tương quan xã	
	hội qua việc phân tích tiếng nói	225
Nguyễn đức Dụ	Luận về gia phả	218
Bình nguyên Lộc	Nền văn minh Đam nhĩ	244, 319
Trần kim Thạch	Trả lời ông Bình nguyên Lộc	289

HỘI HỌA, KIẾN TRÚC

Nguyễn bá Lăng	Những ngôi đình tỉnh Sơn Tây	201
Thái Tuấn	Nghệ thuật và bản sắc dân tộc	206

GIÁO DỤC

Hoàng sĩ Quý	Kỹ nghệ giáo dục	6
Nguyễn văn Thọ	Mạn đàm về giáo dục	21
Hoàng văn Đức	Giáo dục mới	34, 189, 330
Hồ hữu Tường	Một vài cảm nghĩ về giáo dục	38
Bình nguyên Lộc	Nền giáo dục đời nhà Hán và của ta hiện nay	44
Đỗ bằng Đoàn và	Thầy đồ và trường học	51
Đỗ trọng Huê	Khoa cử Việt Nam	182, 273
Dương đức Nhự	Giáo dục ở Trung Cộng	58
	Cuộc cải tổ giáo dục tại Bắc Hàn	149, 194
Hùng lân	Âm nhạc với giáo dục	68
Nhất Thanh	Việc học ngày xưa	78, 153
Nguyễn Sa	Giáo dục và chiến tranh	147

ĐẠO ĐỨC, TÔN GIÁO

Hoàng sỹ Quý	Hành hương Tây trúc mới	127, 239, 328
Hoàng Văn Đức	Văn đức luận	141

THƠ

Hoành Sơn	Trên cánh gió	160
Trần thị Tuệ Mai	Tiếng hát đời hoa	167
Đông Hồ	Bài thơ nhân loại	320

Sách báo nhận được

Tòa báo nhận được những sách báo do nhà xuất bản và tác giả gửi tặng sau đây:

— Đoạn Trường Vô Thanh của Phạm thiên Thư, nhà thơ danh tiếng về đạo pháp, trên 200 trang, giấy hồng mịn, ấn loát rất đẹp.

— Bí một vũ trụ của Trần kim Thạch, Lửa Thiêng tái bản năm 1972, 128 trang.

— Kim Cương Kinh giảng nghĩa của Giang-vị — Nông cư sĩ, do Đờ Nam Lão Nhân dịch từ Trung Hoa ngữ sang Việt văn 628 trang — Đây là những bài thuyết pháp của một người đã từng tụng Kim cương kinh suốt 40 năm, nghe giảng giải và suy tư nhiều về Phật lý trong cuốn kinh đó — Bản dịch được in với sự công đức của mấy trăm đạo hữu.

Cáo lỗi

Vì lý do kỹ thuật, xin tạm gác bài.

— Khảo cứu Đông dược bằng phương pháp thực nghiệm, của Dược sĩ Đào sĩ Chu.

— Nguyễn ngọc Bích và bệnh Cancer của cụ Hồ hữu Tường.

— Đông y và ngũ hành của Giải không.

Và một số các bài khác không thuộc Đông y, như bài của cụ Nhất Thanh, bài của GS Nguyễn Bạt Tụy, v.v.

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

□ **Thơm ngon, ngọt**

□ **Bổ huyết, bổ gan**

□ **da dẻ hồng hào**

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sĩ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty - 601—L.V.Duyệt, Saigon

THUỐC BÒ (NHẬP CẢNG)

PROTÉOLYSAT

do Viện bào chế Pháp quốc Aguetant (1, av. Cesteres, Lyon France) chế tạo

MUA Sĩ :

Viện bào chế VANCO

134, Yên Đổ, Saigon

Đ.T. : 22.796

CHUYÊN TRỊ :

Ăn không ngon — Thời kỳ
tăng trưởng — Thời kỳ dưỡng
bệnh — Trạng thái suy nhược

BẢNG ĐỊNH CHÁNH VỀ SỐ 17

Trang	Cột	Dòng	chữ thứ	Thay vì	Xin đọc là
358	1	8	6,78	Phùng triệu Trương	Phùng triệu Trương
359	2	1	4	chích	chính
363	2	16	3,4	cái ứng	cái trứng
364	(Nơi mục Summary)	7	4,5	right kidney	Míng mềnn

BẢNG ĐỊNH CHÁNH

trang	Cột	Hàng	Thiếu hoặc sai	Sửa lại hoặc thêm
388	1	7	Kể ra đòi	kể <u>tiếp</u> ra đòi
389	1	2	Thì phải	thì <u>hãy</u>
391	1	37	khoa chữa như bệnh	khoa chữa bệnh (gạch bỏ chữ như)
392	1		đề tìm huyết	<u>đề</u> tìm huyết
393	2	32	sợ trốn thẳng	sợ <u>rời</u> trốn thẳng
394	2	18	thồ đã dụ rồi thì mới	thồ đã dụ rồi thì <u>phế kim</u> mới
	2	35	mà không có ánh sáng	<u>vũ trụ</u> mà không có ánh sáng
396	1	8	hiệu của một	hiệu <u>năng</u> của một
397	1	cuối cùng	Salvapuncture	Galvanopuncture
398	2	27	tìm ra một hoàn cảnh	tìm ra một phương thức thích hợp cho từng bệnh nhân, mỗi người đều có một thể chất và một hoàn cảnh
400	1	1	dạy châm	<u>dụng</u> châm
	2	2	Dụ gia Nhân	Dụ gia <u>Ngon</u>
401				L'énergétique humaine en médecine chinoise

ân nhân của Phương-Đông

- LM. Đỗ Kim Phan, xứ Tân Mỹ, Học Môn một năm báo 2.500đ
- Ông Hesperine, Tổng Đại Diện Hãng Clin — Comar — Byla tại Việt Nam, Sài Gòn ứng hộ 5000đ
- Bác sĩ Bùi kiến Tín, Gia Định một năm báo 3.000đ
- Ông Nguyễn văn Trang, Sài Gòn một năm báo 2.500đ

Phân Ưu

Được tin thân mẫu của văn hữu Bình Nguyễn Lộc

Cụ bà **DƯƠNG - THỊ - MỆ**

đã ly trần ngày 31-10-1972 tại Saigon hưởng thọ 96 tuổi
Phương Đông thành thật chia buồn với văn hữu Bình Nguyễn Lộc
và tang quyến cùng cầu chúc linh hồn người quá cố sớm về cõi Niết.

PHƯƠNG ĐÔNG

TỦ SÁCH HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

161, Yên-Đồ — SAIGON

Đã phát hành :

LE MOI QUI ME DÉPASSE SELON LE VEDÂNTA... của Hoàng sơn Hoàng sỹ Quý, tiền sỹ Triết Ấn, H.G.V.Đ. xuất bản

TRIẾT SỬ ẤN ĐỘ tập I, của Hoàng sỹ Quý, H.G.V.Đ. xuất bản

XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG, của Bác sỹ Hoàng văn Đức H.G.V.Đ. xuất bản.

VẤN ĐỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO, của Hoàng sỹ Quý, Ra Khor xuất bản.

Học-Thuật Việt-Nam Quốc-Bảo

NẾU BẠN

- Đã Nghe — Đã Thấy — Đã Đọc — Đã Biết

KINH DỊCH LÀ MỘT KỶ THU

NAY BẠN MUỐN

- Học — Hiểu — Đạt — Nắm cho kỳ được toàn bộ LÝ-THUYẾT lẫn CHIÊM-NGHIỆM — Khoa Dịch Lý Học — đề tạo dựng cho mình một Bản Lãnh Siêu việt — một Kiến Thức Tuyệt Vời (Bồ tát được mọi Kiến Thức).

BẠN HÃY ĐẾN

- Số 194/19 E đường Bạch-Đẳng — Gia-Định.
- Hỡi Ông XUÂN PHONG — HỒNG TỬ UYÊN.
- Ghi tên theo học (LỚP DỊCH LÝ — DU NGOẠI THỰC NGHIỆM).
- **KHÓA** Trực thụ
Hàm thụ — Khai giảng mỗi chiều Thứ Bảy và sáng Chủ Nhật

BON COI

Phương Đông số tới

chủ đề XUÂN THANH BÌNH

- Những cảnh vui Xuân của các miền Trung Nam Bắc và rừng núi
- Những giải pháp đông phương cho vấn đề chiến tranh.

SAIGON ẨM QUÁN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000.000 \$ 00

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

H. T. : 22.208 — 22.498

**TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH
NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY**



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

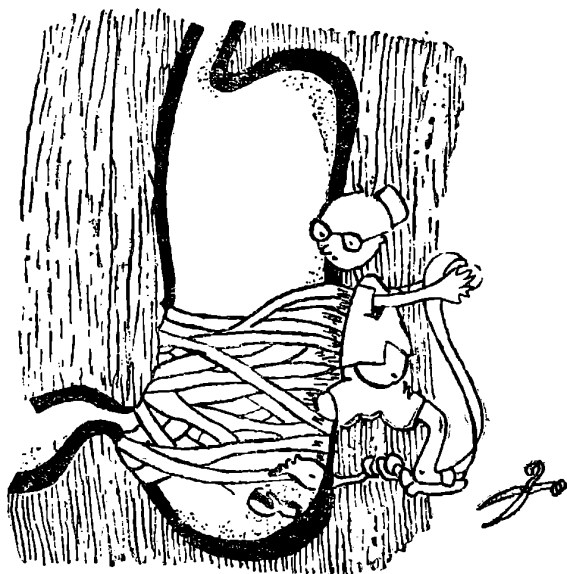
THUỐC TRỊ BỆNH BAO TỬ

VIÊN DÀ GỎI

GASTROPAN

C'est le pansement du tractus gastro-intestinal

- **Lở loét Bao Tử**
- **No hơi Ở dạ**
- **Viêm bao tử Viêm Ruột**
- **Đau quặn** (có hiệu ứng rất nhanh)



**Có bán tại các
NHÀ THUỐC TÂY**



Đã kiểm nghiệm ĐST BYT/ĐRAC

Công - Ty Bảo - Hiểm

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

Trụ Sở : 17, Công-Trường Lam-Son — SAIGON

Điện - Thoại : 93.444 — 93.445

đảm-nhiệm bảo-hiểm về :

- Hỏa hoạn
- Xe Ô-tô, xe Honda, xe Vespa
- Tai nạn cá nhân lao động
- Du khách
- và học sinh
- Trộm cắp
- Trách nhiệm dân sự các nhà
- Hàng hóa chuyên chở bằng
thầu, xí nghiệp, khách sạn
- đường thủy, bộ và hàng không
- Ghe tàu chuyên chở, ghe tàu đánh cá các loại cận duyên
và viễn duyên.

PHƯƠNG CHÂM của

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

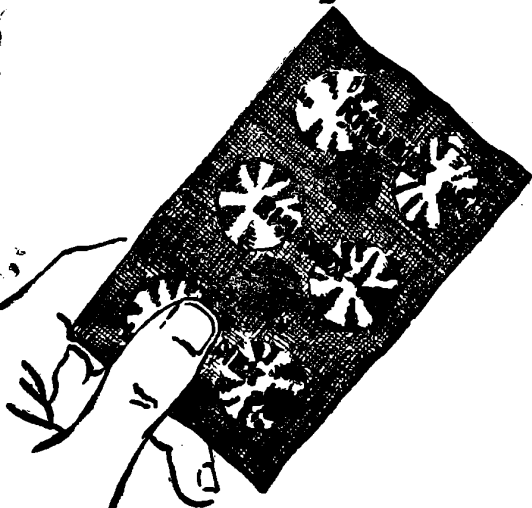
RỒNG-VÀNG ĐẠI-NAM

- Dân xếp mau lẹ
- Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng
- Quyền lợi của Bảo Viên là quyền lợi của Công Ty.

CẢM MẠO CÚM

SỐ MŨI . NHỨC ĐẦU . NHỨC RĂNG
ĐAU NHỨC BẮP THỊT . PHONG THẬP

SAIGON BVT 17-5-48



đã có

RHUMEX

VỚI SINH-TỐ B1-SINH-TỐ C
CHỐNG LẠI SỰ MỆT MỎI



VIỆN HẠP-CHẾ BIOPARMO

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



In tại nhà in PHÚC-THAI, 52B, Cách-Mạng — SAIGON



Danh - y Trung - Hoa HOA - ĐÀ